



ĐẠO LÝ THỰC HÀNH



MỤC LỤC

Vài lời nói đầu (Xuất bản kỳ I)

Vài lời nói đầu (Xuất bản kỳ II)

Bài tựa của quyển II

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Con người là ai?

Con người xuống cõi trần làm chi?

Chung quanh ta là những Luật Trời

Những Luật Trời mà con người cần phải biết

Làm thế nào học hỏi những luật này

Những thể của con người hay là những dụng cụ để học hỏi cơ Trời

Bảy cõi của Thái dương hệ chúng ta

Bảy cõi của không gian

Phận sự của bảy thể

A. Những thể hư hoại

B. Ba thể trường tồn

Những thể của ta dùng thường ngày

Tại sao gọi con người là Tiểu Thiên Địa

Ba Ngôi của con người

Ai gây ra tội lỗi

1.- Tánh nét của xác thịt

2.- Tánh nét cái Vía

3.- Tánh nét cái Trí

Tam bành lục tặc là chi?

Tại sao con người phạm tội?

CHƯƠNG THỨ NHÌ

Ta phải tự thức tỉnh cách nào?

Tại sao phải tinh luyện ba thể: Thân, Vía, Trí?

Hậu quả của một tư tưởng lành

Tư tưởng biến thành sự hành động

Tư tưởng trong 5 phút có thể phá hoại 5 năm công phu luyện tập.

Dầu gậy dựng lại cũng đã mất thời giờ, hãy giữ gìn cho lắm.

Cách diệt trừ tư tưởng xấu

Phải làm sao bây giờ?

Kiểm soát tư tưởng

Tai hại của sự mở trí mà không mở tâm

Tham thiền (Méditation)

Vấn đề tham thiền

Những sự hữu ích của sự tham thiền

Mục đích của sự tham thiền

Tham thiền mỗi ngày mấy lần

Cách ngồi tham thiền

Phòng riêng để tham thiền

Phải tham thiền luôn luôn đừng gián đoạn

Đề phòng

Hườn hư

Đại định (Contemplation)

Hai thứ đại định

Trạng thái của cái Trí trống

<p>Phương pháp tinh luyện ba thể Thân, Vía, Trí</p> <p>I.- Tinh luyện xác thân.</p> <p>a) Chọn lựa thực phẩm Những món ăn tinh khiết Những món ăn nên dùng Nên tránh Vì sao chúng ta phải tinh luyện xác thân</p> <p>b) Có tiết độ</p> <p>II.- Tinh luyện cái Vía</p> <p>III.- Tinh luyện cái Trí</p> <p>Định trí</p> <p>Nền tảng của sự định trí</p> <p>Những cách định trí</p> <p>Đề phòng</p> <p>Điều cần hơn hết là phải bền chí, thiếu can đảm thì sẽ thất bại.</p> <p>Sự chọn lựa tư tưởng</p> <p>Hậu quả của một tư tưởng xấu</p>	<p>không lúc này</p> <p>Tiếng Nói Vô Thinh</p> <p>Công phu hằng ngày</p> <p>I.- Tham thiền đặng làm chủ ba thể: Thân, Vía, Trí</p> <p>1) Xác thân</p> <p>2) Cái Vía</p> <p>3) Cái Trí</p> <p>4) Tôi là Chơn Nhơn</p> <p>II.- Tham thiền một tánh tốt</p> <p>Cách luyện tập một tánh tốt</p> <p>Phải kiên nhẫn, phải bền chí.</p> <p>Đừng sợ thất bại</p> <p>Thời gian tham thiền</p> <p>Trong những giờ làm việc</p> <p>Trưa đúng Ngọ</p> <p>Chiều hay tối</p> <p>Tự tĩnh</p> <p>Chí công mài sắt chầy ngày nên kim.</p> <p style="text-align: right;">PHỤ</p> <p>TRƯỜNG</p> <p>Những lời chứng minh về màu sắc của những hình tư tưởng</p>
--	---

<p><i>CHƯƠNG THỨ BA</i></p> <p>Lập hạnh là điều tối cần</p> <p>1.- Chuyện Socrate thâu Xénophon làm đệ tử</p> <p><i>NHỮNG ĐỨC TÁNH CẦN TẬP</i></p> <p><i>Tháng thứ nhứt</i></p>	<p><i>Tháng thứ 7</i></p> <p>CAN ĐẢM</p> <p><i>NHỮNG GƯƠNG CAN ĐẢM</i></p> <p>1.- Trí, trung, dũng</p> <p>2.- Bọ ngựa chống xe</p> <p><i>Tháng thứ 8</i></p> <p>THANH KHIẾT</p>
---	---

TỪ BI BÁC ÁI

Phải thực hành những điều đã suy nghĩ

NHỮNG GƯƠNG BÁC ÁI

- 1.- Chuyện Thái tử Diệc ga du
- 2.- Không yêu nhau mới loạn

Tháng thứ 2

BỐ THÍ

Tại sao ta không nên từ bỏ một sự bố thí nào

NHỮNG GƯƠNG BỐ THÍ

- 1.- Trọng nghĩa khinh tài
- 2.- Mua nghĩa
- 3.- Thác rồi mà còn làm việc phước thiện ở trần
- 4.- Ảnh hưởng của những việc từ thiện

Tháng thứ 3

HY SANH

NHỮNG GƯƠNG HY SANH

- 1.-Chuyện vua Bắc ma ca
- 2.- Một gương hy sanh của bà Blavatsky
- 3.- Gương hy sanh của một gia đình Bà la môn
- 4.- Gương hy sanh tại Thừa Thiên

Tháng thứ 4

CHƠN THẬT

NHỮNG GƯƠNG CHƠN THẬT CHỮ TÍN

- 1.- Một cái đỉnh
- 2.- Chuyện thanh gươm
- 3.- Mẹ hiền dạy con

Tháng thứ 5

THĂNG BẰNG

NHỮNG GƯƠNG THĂNG BẰNG

- 1.- Đầy thì đổ

NHỮNG GƯƠNG THANH KHIẾT

1.-Chuyện những người không tu luyện,

chỉ có làm tròn bốn phận mà giác ngộ

2.- Chuyện nàng kỹ nữ và vị đạo sĩ Sa ni da sen

3.- Không nên coi bề ngoài mà xét đoán

4.- Ông quan thanh bạch

5.- Cửa báu

Tháng thứ 9

KIÊN NHÃN

NHỮNG GƯƠNG KIÊN NHÃN

1.- Học bắn cung

2.- Phải bền chí

Chuyện năm trăm cỗ xe

3.- Ngu Công dọn núi

Tháng thứ 10

KHÔN KHÉO

NHỮNG GƯƠNG KHÔN KHÉO

1.- Câu nói của người đánh cá

2.- Vua tôi bàn việc

3.- Can gì mà phá đi

4.- Cách cư xử ở đời

5.- Người vợ hiền minh

6.- Cách trị dân

Tháng thứ 11

TỰ TÍN

CHUYỆN NHỮNG NGƯỜI CÓ ĐỨC TIN

1.- Mất đức tin bỏ mạng

2.- Đi trên mặt nước

3.- Cầu ở mình hơn cầu ở người

4.- Cậy ở người không bằng chắc ở

<p>2.- Tài và bất tài 3.- Trung dung</p> <p><i>Tháng thứ 6</i> LÒNG KHOAN DUNG <i>NHỮNG GƯƠNG KHOAN DUNG</i> 1.- Chuyện nàng tỳ nữ Bra ri ti 2.- Không nên câu nệ</p>	<p>mình</p> <p><i>Tháng thứ 12</i> MẶC (NÍN THINH) <i>NHỮNG GƯƠNG CẨN NGÔN</i> 1.- Chuyện Phật dạy Ra hầu la 2.- Chuyện bảy cô vợ lẽ.</p>
---	---

VÀI LỜI NÓI ĐẦU

(Xuất bản kỳ nhứt)

**CÙNG QUÍ BẠN HỘI VIÊN HỘI THÔNG
THIÊN HỌC VIỆT NAM
và NHỮNG BẠN ÁI MỘ CHƠN LÝ**

QUÍ BẠN THÂN MẾN,

***Đức Phật tóm tắt giáo lý của Ngài trong ba
câu này:***

LÁNH DỮ,

LÀM LÀNH,

RỬA LÒNG CHO TRONG SẠCH

Mới nghe qua thật dễ quá, không có chi là lạ, là mới mẻ, không có chi là phi thường, ai ai cũng chắc mình làm được. Nào dè khi đem ra thực hành thì thấy không biết bao nhiêu sự khó khăn nổi dậy, đủ cả tứ phía, đàn áp con người làm cho phải thất bại. Chứng đó mới biết câu này rất đúng với sự thật: "Tôi không làm những điều tôi muốn, mà tôi lại làm những điều mà tôi không muốn".

Từ ngàn xưa trong các bạn tu hành, những người thành công là những người có tánh cương quyết, có chí nhẫn nại, biết rõ cội rễ của "Tam bành lục tặc" và hành đúng những phương pháp để chặt đứt những dây chướng ngại, nên vén được bức màn vô minh bao phủ vạn vật.

Rút những sự học hỏi và kinh nghiệm của tôi trên ba mươi năm, tôi xin hiến cho quý bạn một phương pháp đã từng giúp những người tu hành mở mang lòng từ bi bác ái và các đức tánh khác. Nhờ như thế chúng ta mới có thể thực hiện được mục đích thứ nhất của Hội Thông Thiên Học là gây dựng tình huynh đệ đại đồng giữa các dân

tộc, không phân biệt sắc da, nòi giống, nam nữ, đảng phái và giai cấp.

Quý bạn hành theo đó cho đúng công phu nghĩa là đúng giờ khắc, không bỏ qua ngày nào thì nội trong sáu tháng đã khởi sự thấy kết quả, tức là thấy sự thay đổi chút đỉnh trong tâm trí theo chiều hướng cơ trời. Quý bạn sẽ mến cái lành, cái đẹp. Từ đó quý bạn sẽ có đức tin vững vàng mà bước tới. Mười lăm năm sau quý bạn sẽ thành một người mới, nếu quý bạn không lìa đạo, không để cho cuộc đời lôi cuốn. Tôi nói như thế là vì trên đường đạo, mỗi chặng đều có những chướng ngại vật dựng lên để cản trở, người ta gọi là những sự thử lòng. Phải thắng chúng nó mới vững bước đi xa, đúng với câu "Trường đồ tri mã lực, sự cứu kiến như tâm". Không có lửa đỏ sao biết tuổi vàng.

Có những sự thử lòng mới biết sức chịu đựng của mình tới bực nào; mới biết chỗ hay chỗ dở của mình đặt bồi bổ thêm. Có kinh nghiệm rồi mới có thể dắt dẫn kẻ khác tránh khỏi những bẫy

cạm, mới biết thương những người còn yếu đuối chưa trèo được lên cao, mới hiểu rằng ta là một phần tử của nhân loại thì những tội lỗi và những sự nhục nhã của nhân loại là những tội lỗi và những sự nhục nhã của ta. Nghiệp quả của ta kết chặt với nghiệp quả của nhân loại.

Thế nên thẳng được các sự thử thách tức là tự chủ, thẳng bản ngã, làm chủ phàm nhân. Đây là bước đầu tiên rất cần yếu cho sự tu tập. Lần lần sẽ đi đến mức minh tâm kiến tánh.

Mười lăm năm ! mới nghe qua thì thật là lâu lắm, nhưng nó đến bây giờ. Chúng ta hãy hồi tưởng lại hồi mới bảy tuổi cắp sách vào trường, tới nay mấy chục năm đã qua xem như chớp mắt. Ta hãy tính số lại những tội và phước của ta đã làm thì hai đá cân, chắc chắn đá tội nặng hơn đá phước.

Quý bạn đã biết chúng sanh không thoát khỏi bốn vách: sanh, lão, bệnh, tử. Bỏ xác rồi ai ai cũng nắm hai tay trắng mà xuống mồ. Chừng tái sanh lại cũng hai bàn tay trắng, ta chỉ đem theo

mình những mầm tánh tốt, tánh xấu với quả lành, quả ác của ta đã gây ra kiếp trước mà thôi.

Vì thế tốt hơn là chúng ta gieo giống tốt ngay bây giờ đặng ngày sau gặt lấy quả ngon lành. Sự thật là ta định số mạng cho ta, tốt hay xấu, nên hay hư, chớ Trời không có thưởng ai mà cũng không phạt ai cả. Chúng ta có bốn phận tiến mau tới khuôn mẫu của Đức Thượng Đế đã định sẵn cho vũ trụ này, tức là trở nên trọn sáng, trọn lành. Trái lại nếu chạy theo những cuộc phù hoa mộng ảo thì gây ra không biết bao nhiêu nghiệp chướng buộc trói con người vào bánh xe luân hồi. Rồi từ đó không biết phải trải qua mấy muôn mấy triệu năm nữa mới tìm lại được con đường "Phản bốn Hườn Nguyên".

Hỡi các bạn thanh niên và học sanh nam nữ !

Tôi viết cuốn này chẳng phải để riêng cho quý bạn mộ đạo tu hành, mà luôn luôn tôi vẫn nhớ tới quý bạn, vì quý bạn là tương lai của đất nước, quý bạn là những yếu tố có thể định đoạt vận mạng Hưng vong của một quốc gia, của một dân tộc.

Tài năng của quý bạn là một khí cụ rất nguy hiểm nếu quý bạn dùng mà không đúng chỗ. Quý bạn phải nhờ tánh tình tốt của quý bạn hướng dẫn cho đúng với nhịp điệu hòa của vũ trụ, tức là cơ trời. Tánh tình của quý bạn là cây kim chỉ nam cũng gọi là la bàn; mất nó quý bạn sẽ lạc vào nẻo tối tăm mà không ngờ. Chừng quý bạn sa hầm sụp hố thì chuyện đã rồi, ăn năn không kịp.

Vậy thì quý bạn thực hành những lời tôi chỉ bảo sau đây, chắc chắn nó sẽ đem lại cho quý bạn một cái kết quả rất tốt đẹp là tâm và trí của quý bạn lần lần trở nên sáng suốt hơn trước, mau hay chậm, ít hay nhiều, tùy theo sự cố gắng và sự nhẫn nại của quý bạn; nói tóm lại là công phu luyện tập. Dầu sao cũng có, tôi dám quả quyết như vậy. Trong khi nhiều người thành công thì chẳng có lý do nào mà khi quý bạn thực hành in như vậy lại không thấy sự hiệu nghiệm nào cả.

Nhưng tôi yêu cầu tất cả quý bạn thân mến ba điều sau đây:

Một là: Nếu quý bạn có thất bại thì chớ nên ngã lòng. Vấp té rồi đừng ngồi đó than van rên siết, mất ngày giờ và vô ích. Hãy chỗi dậy, thoa bóp chơn tay rồi tiếp tục đi tới, lấy sự thất bại làm một bài học hay, một bài học khôn ngoan, sau khỏi lắm lạc nữa. Chỉ có thất bại là khi nào nữa chừng ta bỏ cuộc, tục gọi là "bán đồ nhi phẽ".

Hai là: Nếu quý bạn thấy cuốn này chưa giúp ích cho quý bạn được bây giờ, thì hãy trao cho người khác muốn xem coi hay là cất nó vào tủ. Tới một ngày kia sau khi quý bạn đã mồi mệt trên con đường tranh đấu, quý bạn hãy giở nó ra xem lại, chừng đó quý bạn sẽ thấy nó là một người bằng hữu rất chân thành, chỉ lo mưu hạnh phúc cho quý bạn, một hạnh phúc chơn thật, vĩnh viễn, trường tồn, thoát khỏi tay tàn phá của thời gian.

Ba là: Nếu quý bạn có thắc mắc điều chi trong khi tu tập, xin hãy gửi thơ cho tôi, tôi sẽ giải lại; đừng ngại chi cả.

*Xin chúc quý bạn mau thành công đặc quả,
đặng dìu dắt nhưn sanh ra khỏi chốn trầm luân
khổ hải.*

VẠN VẬT THÁI BÌNH

Châu đốc, ngày 8 tháng 3 năm 1955

BẠCH LIÊN

PHẠM NGỌC ĐA11 Nguyễn đình Chiêu, Châu
Đốc.

VÀI LỜI NÓI ĐẦU

Xuất bản kỳ nhì

*Cơ trời là sự tiến hóa không ngừng nghỉ và chia
ra nhiều chu kỳ khác nhau.*

*Chín năm nữa, năm 1975, một chu kỳ mới gọi
là kỷ nguyên Huyền bí học sẽ mở màn.*

*Thiên đình sẽ cho vén lên một góc màn vô
minh nữa đặng cho con người hiểu thêm một vài
bí mật của Tạo công. Nhờ vậy con người mới trở
nên sáng suốt hơn trước.*

Nhưng từ ngàn xưa, Tiên Thánh đều dạy rằng muốn tiến mau thì con người phải tự biết mình và phải thực hành những phương pháp làm chủ vật chất đặng điều khiển nó và biến đổi nó ra những khí cụ tốt lành để sử dụng trong khi học hỏi các cõi Trời.

Các Ngài tiết lộ cho chúng ta biết rằng cả chục ngàn năm trước các Ngài vẫn ở trong giai đoạn tiến hóa mà chúng ta đương trải qua hiện thời. Nhưng nhờ kiên gan bền chí các Ngài ra công luyện tập cho nên mới mau thành Chánh quả và bước qua hàng Siêu Phàm Nhập Thánh. Các Ngài đã vạch rõ con đường của các Ngài đã đi cho chúng ta thấy đặng chúng ta nối gót theo các Ngài.

Thế nên năm 1955 tôi mới viết cuốn Đạo Lý Thực Hành không ngoài mục đích cung hiến cho quý bạn ái mộ chơn lý những tài liệu để khảo cứu khoa học của đời sống và cải thiện tư tư tưởng, ý muốn cho tới việc làm của mình theo những lời

bực Cao minh đã chỉ dạy. Nói cho đúng, tôi chỉ chia sẻ sự học hỏi của tôi với quý bạn.

11 năm đã qua. Sau khi xem lại kỹ lưỡng quyển này tôi bèn thêm vô nhiều đoạn, nhất là về cách Định Trí và Tham Thiên, đồng thời cũng loại ra những chi tiết nào tuy rằng hữu ích thật song chưa thấy cần thiết lắm cho những người mới tu tập.

Cầu xin quyển Đạo Lý Thực Hành mới sửa đổi kỳ này giúp thêm một chút ánh sáng cho khách lữ hành đi tìm cửa Đạo.

Đó là nguyện vọng của tôi mấy chục năm nay vậy.

"Trước kia tôi dự định in làm hai quyển, nay thấy hai quyển nhập lại làm một tiện hơn. Thế nên tôi để y nguyên bài tựa quyển II. Xin chư quý bạn lượng thứ".

BẠCH LIÊN

Châu đốc, ngày mồng ba tháng bảy năm Bính
Ngọ

(18-Août-1966)

BÀI TỰA CỦA QUYỀN II

TỪ ngàn xưa, người hiền đức luôn luôn được thiên hạ tôn trọng và trên Thiên Đình chọn lựa những người có lòng từ bi, bác ái quên mình, giúp đời, thâu nhận làm đệ tử và dạy dỗ đặng ngày sau trở nên những đấng cứu thế. Tại sao bậc hiền như vẫn được ưu đãi? Bởi vì người có tài mà không có đức thì kiêu căng tự phụ coi người chẳng ra chi, lo thỏa thích lòng ham muốn thì gây ra tai hại cho đời chẳng nhỏ, có khi hậu quả lưu tới cả ngàn năm sau. Một lẽ nữa, con người càng tiến hóa thì càng kiểm soát được những lực của vũ trụ ở chung quanh mình và đem ra áp dụng vào đời sống của quần chúng. Tỷ như thuở xưa là hơi nước và điện, và ngày nay là nguyên tử lực ^[1]. Người ta mới biết có một phần nhỏ nhen của điện lực và nguyên tử lực mà sức mạnh của nó đã ghê gớm lắm rồi. Còn nhiều lực khác dữ

tợn phi thường không ai tưởng tượng nổi và hiện giờ người thế chưa khám phá ra được. Như lực của dĩ thái (éther) gọi là Wrill, đưa vô đá thì đá tan ra tro bụi trong chớp mắt. Tuy vậy nó cũng có quyền năng làm mất sức nặng của mọi vật, tùy theo cách ta sử dụng. Một khối sắt mấy trăm tấn bị lực này rút mất sức nặng thì nhẹ như bong bóng, người ta dời đi chỗ nào cũng được. Đem tới chỗ nhứt định rồi người ta cho lực này vô thì sắt trở lại nặng như cũ. Trên hết các lực là Fohat, lực này có thể làm cho địa cầu tan ra tro mịn. 75025 năm trước Chúa giáng sanh, châu Át lãn tích (Atlantide) bị lực này nhận chìm xuống biển và ngày nay còn để lại vài di tích là cù lao A-so (Açores) và Ca-na-ri (Canaries). Chỗ châu Át lãn tích nằm bây giờ là Đại Tây Dương (Océan Atlantique). Nguyên do là các vị đạo sĩ ỷ tài hiển lộng thần thông làm những điều tàn ác, làm cho Trời giận đất hờn mà họ không chịu hối cải. Chung cuộc cả bọn họ và những kẻ xu quyền phụ thế đều chôn thân vào bụng cá sau khi bị cảnh

cáo nhiều lần mà không chữa thối dữ. Thấy như thế chúng ta hiểu rằng, người thế dẫu tài ba lỗi lạc tới đâu cũng không qua Trời được. Nếu chúng ta chưa có thể làm một cái trứng gà ấp nở ra con và một cái hạt giống gieo xuống đất mọc lên cây, nếu ta còn già, còn bệnh, còn chết và luân hồi thì tự tình lo tu đức trau mình, sớm chừng nào tốt chừng nấy. Tài đức cân phân thì rất tốt, đức thẳng tài càng hay. Trái lại nếu tài thẳng đức thì nguy cơ thấy trước mắt, con người sẽ làm hại hơn là làm lợi cho đời. Nếu ỷ tài thì mắc họa chẳng sai.

Cụ Nguyễn Du kết luận truyện Kiều rất đúng với Đạo Đức:

*"Có tài mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.
Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.
Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*

Thật ra ít ai nghĩ tới điều này lắm. Người ta chỉ lo sung sướng trước mắt, chớ không lo hậu quả về sau. Không bao nhiêu người chịu nghe chơn lý. Mặc dầu trong tình thế hiện tại, tiếng nói đạo đức dường như tiếng nói trong sa mạc, chúng tôi vẫn đĩnh ninh rằng: cái chi thuận với lòng Trời, cái chi là Chơn Lý đều được vĩnh viễn trường tồn và có tiếng dội trong chơn tâm của con người, và luôn luôn cái chi chơn thật thì còn, cái chi không chơn thật thì mất. Chung cuộc Chơn Lý bao giờ cũng thắng.

Cho hay, muôn việc đều tại lòng người, nếu con người muốn thì nội trong năm phút thế gian biến thành cảnh Thiên Đường hay cũng nội trong năm phút nó sẽ hóa ra cõi Địa ngục.

Vì vậy chúng tôi hằng cầu nguyện cho ai nấy đều thực hiện được Chơn Tánh, diệt trừ lòng tham dục, bủa khắp bốn phương Đức Từ Bi Bác Ái đặng cho bốn biển thái bình, nhà nhà no ấm.

Ấy là chỗ chí nguyện của chúng tôi từ bấy lâu nay vậy.

BẠCH LIÊN

CHƯƠNG THỨ NHỨT

[mục lục đầu sách](#) [cuối sách](#) [chương 1](#) [chương](#)

[2](#) [chương 3](#)

CON NGƯỜI LÀ AI?

Con người có phải là xác thân hữu hình, hữu hoại, chịu bốn cái khổ: sanh, lão, bệnh, tử này chăng?

Không, không phải thế. Tục thường nói: “Hồn lìa khỏi xác” tức là cái xác này không phải thật là con người rồi.

Cũng có người nói “Tôi có một linh hồn”. Cũng không phải nữa.

Phải nói: “Tôi là linh hồn” còn có ý đúng hơn một chút. Sự thật con người là Chơn thần. Nói một cách khác để hiểu hơn, con người là Con của Đức Thượng Đế. Nhưng mà đứa con này ở trong

thời kỳ ấu xuân chưa đến lúc trưởng thành, chưa vận dụng được hết quyền năng còn tiềm tàng trong mình như Đức Thượng Đế vậy.

CON NGƯỜI XUỐNG CỠ TRẦN LÀM CHI?

Con người xuống cội trần làm chi đây để mang đủ thứ bệnh tật và các điều phiền não?

Con người xuống cội trần để học hỏi những luật trời hầu ngày sau khi toàn năng toàn thiện rồi thì sanh hóa một bầu Vũ trụ khác, tức là một Thái dương hệ khác cũng như bầu Vũ trụ mình đang ở hiện giờ.

Những sự đau khổ, các thứ bệnh tật vốn của con người tự gây ra, vì nhân nào sanh quả nấy ^[2]. Đó là những bài học dạy con người khôn ngoan hơn trước. Tới chừng nào con người chịu hành động theo thiên ý thì chừng ấy các vụ khó khăn đều dứt tuyệt. MỤC ĐÍCH CUỘC ĐỜI LÀ SỰ TIẾN HÓA KHÔNG NGHỈ KHÔNG NGỪNG, TỪ CHỖ

CHƯA TRỌN LÀNH ĐẾN CHỖ TRỌN LÀNH, TỪ CHỖ PHÂN CHIA ĐẾN CHỖ HIỆP NHẤT [\[3\]](#).

Con người không phải chỉ sanh ra cõi đời đặng lớn lên lập thân danh, gây dựng gia đình, nối dòng giống rồi chờ ngày đem thân bầy thược vùi sâu dưới ba tấc đất. Nếu quả thật chỉ bao nhiêu mà thôi thì cuộc đời rất vô vị, không có mục đích chi cả.

TẠI CON NGƯỜI CHƯA BIẾT MÌNH LÀ AI? XUỐNG CÕI TRẦN LÀM CHI? Cho nên mới nuôi tánh ích kỷ, xâu xé lẫn nhau, chém giết lẫn nhau, đánh đập lẫn nhau cũng chẳng qua chỉ vì miếng ăn, đất ở, chỗ đứng, nơi ngồi. Dường như con người quên phứt rằng: TỚI MỘT NGÀY KIA MÌNH PHẢI BỎ XÁC, MẶC DẦU LUÔN LUÔN THẤY TRƯỚC MẮT VẠN VẬT ĐỀU THAY HÌNH ĐỔI DẠNG. Chừng tới số phần rồi thì phủi sạch công danh, sự nghiệp, nắm hai tay trắng mà xuống mồ. Tới kiếp sau đi đâu thai lại cũng hai tay trắng mà thôi.

CHUNG QUANH TA LÀ NHỮNG LUẬT TRỜI

Ta sanh ra trên một cõi đời chịu ảnh hưởng không biết bao nhiêu là luật mà ta không thấy được và cũng chưa biết được nhiều. Ta chỉ thấy một điều là khi ta vi phạm thì có sự phản động lại làm cho ta đau khổ hoặc về tinh thần hoặc về thể chất, có khi cũng bỏ mạng nữa.

Cái điều mà ta gọi là “Khoa học” là những luật trời mà các nhà bác học khám phá ra rồi sắp đặt lại cho có hệ thống. Dường như người ta quên rằng những luật đó đã có sẵn từ thuở Tạo thiên lập địa, chớ không phải mới có hai thế kỷ nay, và cũng không phải các nhà bác học bày ra những luật đó rồi bắt buộc Tạo vật phải tuân theo mạng lệnh của mấy ông. Có một điều chắc chắn là nếu mấy ông làm sai luật trời thì sẽ thất bại trong công cuộc thí nghiệm chẳng sai. Nhưng còn biết bao nhiêu điều bí ẩn khác của Tạo công mà con người chưa tìm ra. Lần hồi con người sẽ vén được

nhiều góc của bức màn vô minh, chừng đó cái quan niệm của con người về Đức Thượng Đế sẽ đổi hẳn và con người sẽ kính cẩn nói rằng “Cái chi của Trời làm đều tốt đẹp cả”.

NHỮNG LUẬT TRỜI MÀ CON NGƯỜI CẦN PHẢI BIẾT

Những luật trời mà con người cần phải học cho rành rẽ đặng áp dụng vào đời sống của mình mới tiến mau là **Luật Nhân quả, Luật Luân hồi, Luật Hi sinh, Luật Sanh hóa, Luật Tiến hóa, Luật Phong hóa v.v. . .**

Trước hết phải biết luật Nhân quả chi phối vạn vật trong vũ trụ và kiếp sống của ta là một xâu chuỗi Nhân và Quả nối tiếp với nhau và liên lạc với nhau như bóng với hình.

Đây là những việc nhỏ mọn mà ta thấy hằng ngày, trước mắt. Ta ăn uống, đồ ăn uống làm ra máu huyết xương thịt. Đồ ăn là Nhân, máu huyết xương thịt là Quả. Cố gắng học hỏi thì trí hóa mở

mang. Trí hóa mở mang là Quả của cái Nhân cố gắng học hỏi. Té lổ đầu, té là Nhân, lổ đầu là Quả. Uống rượu say nằm đường. Nằm đường là cái Quả của Nhân uống rượu say. Kiếp này là kết quả của kiếp trước, kiếp sau là kết quả của kiếp này. Nghĩa là kiếp trước ta gieo Nhân nào, ngày nay ta gặt quả nấy, rồi kiếp sau gặt hái cái Quả của Nhân ta gieo kiếp này. Trồng dưa đắng dưa, trồng đậu đắng đậu. Không hề khi nào gieo lúa mà ọt mọc lên bao giờ. Nhưng gieo nhân lành hay nhân dữ cũng phải đầu thai lại đắng hưởng quả tốt hay quả xấu của mình đã tạo ra. Đó là Luật Luân hồi theo Luật Nhân quả. Muốn thoát đọa luân hồi thì phải hy sinh vì thương đời, không còn lo mưu hạnh phúc riêng cho mình nữa. Những quả lành của mình tạo ra sẽ nhập vô kho thần lực của Đức Thượng Đế dùng cứu vớt những người còn lặn hụp trong chốn trầm luân khổ hải. Tới chừng đó ta đã thoát ra khỏi vòng sanh tử dưới phàm gian và bước vào cõi siêu phàm nhập Thánh.

Ba Luật Nhân quả, Luân hồi, Hy sinh đều liên quan mật thiết với nhau, mới nghe qua rất dễ, nhưng chúng nó rất vô cùng phức tạp, học từ kiếp này qua kiếp kia chưa rồi, vì Luật Tiến hóa, Luật Sanh hóa phải phục tùng Luật Nhân quả.

LÀM THẾ NÀO HỌC HỎI NHỮNG LUẬT NÀY

Mấy luật này thuộc về những luật vô hình, ta không thấy được, không mó được thì phải làm sao bây giờ. Thật vậy, ta chỉ thấy những hậu quả rồi suy ra nguyên nhân, chớ kỳ thật có nhiều việc ta không biết nguyên nhân xảy ra hồi nào mà cái hậu quả ngày nay như thế đó. Nhưng quý bạn chớ lo. Tạo công vô cùng khéo léo. Ngài sanh ra xác thân có ngũ quan đặng tiếp xúc với những việc xảy ra ở cõi trần thì Ngài cũng cho ta những quan khác để học hỏi những luật đó. Những quan này ở trong những thể khác hơn xác thân.

NHỮNG THỂ CỦA CON NGƯỜI

hay là

NHỮNG DỤNG CỤ ĐỂ HỌC HỎI CƠ TRỜI

Những thể đó là:

1.- Xác thân (Corps physique),

2.- Phách (Corps éthérique),

3.- Vía (Corps astral),

4.- Hạ trí (Corps mental inférieur),

5.- Thượng trí hay là Nhân thể

(Corps mental supérieur ou corps causal),

6.- Kim thân (Corps bouddhique),

7.- Tiên thể (Corps atmique),

Bảy thể này xỏ rế với nhau.

Cái phách ở trong mình ló ra ngoài xác thân lối năm ly và chiếu ra những làn sáng lối một tấc.

Cái vía cũng ở trong mình và ló ra ngoài xác thân, bực trung lối bốn tấc rưỡi, v.v. . .

Càng tiến hóa thì trừ Xác thân và cái Phách ra, cái Vía, Hạ trí, Thượng trí, Kim thân, Tiên thể càng ngày càng nở lớn ra. Người ta nói hào quang

của Đức Phật khi xưa tủa ra tới tám ngàn thước và hiện giờ hào quang của Đức Ngọc Đế bao trùm quả Địa cầu này.

Trong chu kỳ tiến hóa này, ngoại trừ một số rất ít đệ tử được ba lần điểm đạo dùng được Thượng trí trọn vẹn thì hết thảy bốn ngàn triệu linh hồn mới dùng được một phần của Hạ trí và Thượng trí, còn Kim thân và Tiên thể chỉ là một đám sương mù chưa có hình dạng.

BẢY CỠI CỦA THÁI DƯƠNG HỆ CHÚNG TA

Tại sao con người có tới bảy thể? Bởi vì chung quanh ta còn nhiều cõi mà ta không thấy và không biết ra sao. Không có mấy thể đó thì ta không thể nào học hỏi mấy cõi này được.

Mấy cõi này là:

1.- Cõi Hạ giới hay Phàm trần (Plan Physique) là Thể giới hoạt động,

2.- Cõi Trung giới (Plan Astral) là Thể giới tình cảm hay là Dục giới,

3.- Cõi Thượng giới (Plan Mental) là Thế giới tư tưởng hay là cõi Trí tuệ,

4.- Cõi Bồ Đề (Plan Bouddhique) là Thế giới Trực giác,

5.- Cõi Niết Bàn (Plan Atmique ou Nirvana) hay là Thế giới Thiêng liêng,

6.- Cõi Đại Niết Bàn (Plan Anupadaka ou Paranirvana) là Thế giới Đại Thiêng liêng,

7.- Cõi Tối Đại Niết Bàn (Plan Adi ou Mahaparanirvana) là Thế giới Tối Đại Thiêng liêng.

Bảy cõi này đều ở một chỗ với nhau và trước mắt ta đây, nhưng ta không thấy là tại ta chưa mở được những quan gọi là Thần nhãn, Thiên nhãn, Huệ nhãn [\[4\]](#).

Muốn hiểu rõ tại sao bảy cõi ở chung một chỗ với nhau được, xin quý bạn đọc kỹ mấy lời giải sau đây:

Mỗi cõi đều làm bằng một khí căn bản, bảy cõi thì có bảy chất.

Xin gọi tên bảy chất khí căn bản đó như sau:

- 1.- Chất khí làm cõi Hạ giới là Hồng trần.**
- 2.- Chất khí làm cõi Trung giới là Thanh khí.**
- 3.- Chất khí làm cõi Thượng giới là Thượng Thanh khí.**
- 4.- Chất khí làm cõi Bồ Đề là Thái Thanh khí.**
- 5.- Chất khí làm cõi Niết Bàn là Âm Dương khí.**
- 6.- Chất khí làm cõi Đại Niết Bàn là Linh khí.**
- 7.- Chất khí làm cõi Tối Đại Niết Bàn là Nguơn khí.**

Bảy chất khí căn bản ấy do một gốc mà ra, gốc đó là Hồn Nguơn Nhất khí (Mulaprakriti).

Nguyên tắc chung là như thế này: Chất khí ở cảnh cao chừng nào thì màu sắc đẹp đẽ, mịn màng và rung động mau lẹ hơn những chất khí ở mấy cảnh thấp hơn nó chừng nấy và chun ngang qua mấy chất khí này nữa. Chất khí ở mấy cảnh thấp hơn rung động chậm chạp và màu sắc rất

tối. Vì mây lẽ trên đây chất Thanh khí chun qua chất Hồng trần. Chất Thượng Thanh khí chun qua chất Thanh khí và chất Hồng trần. Chất Thái Thanh khí, chất Thanh khí và Hồng trần v.v. . .

Thế nên nhân vật ở Trung giới cũng như hồn ma đi qua đi lại ngang mình chúng ta luôn luôn ngày đêm mà chúng ta không hay biết, mà họ cũng không thấy chúng ta ra sao. Họ cũng không ngờ có chúng ta nữa.

Tôi tưởng cũng phải nói thêm, mỗi cõi chia ra bảy cảnh. Như tại cõi Trần mình đây chất đặc, như cát; chất lỏng, như nước và chất hơi, như không khí; mỗi cảnh đều ở riêng. Còn bốn cảnh nữa, làm bằng bốn chất tinh khí hay là dĩ thái (éther).

Cõi Thượng giới chia ra làm hai:

Bốn cảnh thấp: Cảnh thứ bảy, cảnh thứ sáu, cảnh thứ năm, cảnh thứ tư gọi là cõi Hạ thiên (Ciel Inférieur ou Monde Roupa).

Nơi đây tư tưởng còn có hình dạng.

Ba cảnh cao: Cảnh thứ ba, cảnh thứ nhì, cảnh thứ nhất gọi là cõi Thượng thiên (Ciel Supérieur ou Monde Aroupa).

Nơi đây tư tưởng xẹt ra từng lần chớ không có hình dạng nữa.

Tại sao cõi thứ năm bắt trên kể xuống gọi là Thượng giới?

Bởi vì bảy cõi trời chia ra làm khu vực:

A.- Khu vực thứ nhất gồm:

1.- Cõi Tối Đại Niết Bàn

2.- Cõi Đại Niết Bàn (là chỗ Thượng Đế ngự. Nó cũng là trường tấn hóa của các vị được từ sáu lần điểm đạo sắp lên).

B.- Khu vực thứ nhì gồm:

3.- Cõi Niết Bàn

4.- Cõi Bồ Đề

5.- Cõi Thượng thiên (3 cảnh cao) cõi Thượng giới là trường tấn hóa của những vị được danh đề Tiên tịch (từ một lần điểm đạo cho tới năm lần).

C. – Khu vực thứ ba gồm:

6.- Cõi Hạ thiên (4 cảnh thấp) cõi Thượng giới,

7.- Cõi Trung giới,

8.- Cõi Hạ giới là trường tấn hóa của người thường và các loài thú vật, thảo mộc, kim thạch và các tinh chất. Tôi gọi cõi thứ năm là Thượng giới vì nó là cõi cao hơn hết mà người phàm lên được.

BẢY CÕI CỦA KHÔNG GIAN

Trên không gian cũng có bảy cõi:

Tối Đại Niết Bàn – Đại Niết Bàn – Niết Bàn – Bồ Đề - Thượng giới – Trung giới và Hạ giới hay Hồng trần như bảy cõi của Thái dương hệ của mình đây, nhưng chúng nó cao hơn nhiều và mặc dầu có liên lạc với bảy cõi trời của mình.

PHẬN SỰ CỦA BẢY THỂ

Bây giờ ta phải biết phận sự của bảy thể thì mới thấy sự ích lợi của chúng nó là thể nào.

1.- Xác thân làm bằng ba chất khí thấp của cõi trần: chất đặc, chất lỏng và chất hơi. Nó để giúp ta hành động trên mặt địa cầu. Nó có một quan là mắt để xem xét.

2.- Phách làm bằng bốn chất dĩ thái. Nó có hai phận sự:

(a) Rút sanh lực vô mình [5] đặng nuôi các tế bào và làm tiêu hóa vật thực. Nó màu xám xanh hay màu xám tím.

(b) Nó làm một cái cầu bắc cho cái Vía thông đồng với xác thịt. Nó đem cho cái Vía những sự nhận thức của ngũ quan xác thịt đặng cái Vía làm ra những cảm giác, và truyền qua cho cái óc và bộ thần kinh hệ những sự nhận thức của cái Vía, cái Trí, Thượng trí v.v. . .

Nó dính với xác thịt nhờ một sợi từ điển. Khi con người thác, sợi dây từ điển này đứt, nó lìa khỏi xác, sanh lực vô mình không đặng nữa. Các tế bào khởi sự rã ra lần lần, và một ít lâu nó cũng tan ra dĩ thái. Nó có một luân xa, mở ra rồi thì thấy được bốn cảnh dĩ thái; ấy là Minh nhãn.

3.- Cái Vía làm bằng bảy chất Thanh khí nên có thể biểu lộ đủ hết các thứ tình cảm, từ thứ thật cao thượng cho đến thứ thật đê hèn.

Nó có một luân xa khi mở ra trọn vẹn thì thấy được cõi Trung giới và dân sự tại đó. Quan này gọi là Thần nhĩn.

4.- Hạ trí làm bằng bốn chất Thượng Thanh khí thấp, chất thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy. Nó để sanh những tư tưởng cụ thể, hữu hình và để ghi nhớ, tưởng tượng, phân biệt, xét đoán, học hỏi. Nó có một luân xa mở ra rồi thì thấy được cõi Hạ thiên. Ấy là Hạ thiên nhĩn.

5.- Thượng trí làm bằng ba chất Thượng Thanh khí cao: chất thứ ba, chất thứ nhì và chất thứ nhứt. Nó để sanh ra những tư tưởng trừu tượng, vô hình. Gọi nó là Nhân thể, vì nó chứa đựng tinh hoa những sự học hỏi và kinh nghiệm của con người từ đời này qua đời kia bằng những lần rung động ghi vào hột nguyên tử trường tồn, cũng như đĩa hát máy, và những tinh hoa này là những nguyên nhân sẽ sanh ra những hậu quả.

Nó có một luân xa, mở ra rồi thấy được cõi Thượng thiên. Ấy là Thượng thiên nhãn.

6.- Kim thân làm bằng bảy chất Thái Thanh khí. Nó là thể Bác ái và Trực giác một lượt.

Nó có một luân xa, mở ra được thì thấy được cõi Bồ Đề. Ấy là Huệ nhãn.

7.- Tiên thể làm bằng bảy chất Âm Dương khí. Nó là thể Thiêng liêng và Hiệp đồng. Dùng nó được mới biết "Vạn vật nhưt thể", mình với vạn vật là một. Nó có một luân xa, mở ra rồi thì thấy cõi Niết Bàn. Xin gọi là Huệ nhãn luôn thể.

Còn hai thể dùng ở cõi Tối Đại Niết Bàn và Đại Niết Bàn phải tới bậc La Hán sắp lên mới hiểu rõ.

Nói tóm lại:

Các Xác và cái Phách thuộc về cõi Trần, cái Vía thuộc về cõi Trung giới.

Hạ trí và Thượng trí thuộc về cõi Thượng giới. Kim thân thuộc về cõi Bồ Đề. Tiên thể thuộc về cõi Niết Bàn.

Không có cái Phách sanh lực vô mình không được, xác thân tan rã.

Không có cái Vía, con người không biết cảm xúc và không thể đi đứng và học hỏi ở cõi Trung giới.

Không có Hạ trí, con người không thể suy nghĩ, tưởng tượng, phân biệt, xét đoán, nhớ nhung và không thể vô ra cõi Hạ thiên đặng học hỏi.

Không có Thượng trí, con người không thể suy nghĩ những việc siêu phàm, những việc cao xa, trừu tượng và không thể ghi nhớ những sự đã học và kinh nghiệm mấy kiếp trước mà cũng không vào ra cõi Thượng thiên đặng học hỏi.

Không có Kim thân, con người không thể mở lòng bác ái, không dùng được trực giác và cũng không biết cõi Bồ Đề ra sao.

Không có Tiên thể, con người không thể nào nhập vào cõi Niết Bàn được.

Bảy thể này chia ra làm hai loại:

- a) Những thể hư hoại và
- b) Những thể trường tồn.

A.- NHỮNG THỂ HƯ HOẠI

Bốn thể thấp:

Xác

Phách

Vía

Trí

là những thể hư hoại. Chúng nó để dùng trong một kiếp mà thôi. Sau khi con người thác rồi một ít lâu thì chúng nó đều tan rã. Kiếp sau khi trở xuống cõi trần đầu thai lại một lần nữa thì con người có bốn thể mới khác; nhưng chúng nó đồng bản tánh với bốn thể này, hoặc tinh vi hơn hoặc thô kịch hơn đây là tùy theo luật “Nhân quả báo ứng” chứ không có chi là lạ.

B.- BA THỂ TRƯỜNG TỒN

Ba thể Trường tồn là: Thượng trí, Kim thân và Tiên thể. Chúng nó còn mãi và theo con người từ đời này qua đời kia không mắc vào vòng sanh tử luân hồi.

NHỮNG THỂ CỦA TA DÙNG THƯỜNG NGÀY

Những thể là những kẻ tùy tùng trời ban cho ta để giúp ta trong công việc hằng ngày.

Có bốn thể mà ta thường dùng trong mỗi giờ, mỗi phút ấy là:

- a) Xác thân
- b) Phách
- c) Vía
- d) Hạ trí

Còn Thượng trí và Kim thân thì ít khi dùng tới. Mỗi lần ta tư tưởng thì ta dùng cái Trí, cảm xúc thì dùng cái Vía, hoạt động thì dùng cái Xác. Nhưng cách này khác hơn cách dùng cái Vía hay cái Trí làm một thể riêng, đi đứng, chuyện văn hoặc làm công việc trên cõi Trung giới hay cõi Thượng giới cũng như mình đương sống ở đây vậy.

Thí dụ: Lúc mình ngủ, mình bỏ cái Phách ở trên giường với xác thịt, rồi ở trong cái Vía qua cõi Trung giới, chừng về nhập xác thì thức dậy.

Có phương pháp luyện tập, lúc thức dậy muốn lìa khỏi xác rồi ở trong cái Vía qua cõi Trung giới dạo chơi hay hoạt động giờ nào cũng được. Phép đó gọi là xuất thần hay xuất vía tiếng Pháp là

Dédoublement personnel, sortie en astral, voyage en astral . . .

Nhưng chớ nên ham, nó nguy hiểm lắm, một khi tấm lòng chưa được trong sạch và chưa được Chơn sư hay là một vị Cao đồ của Chơn sư dìu dắt.

TẠI SAO GỌI CON NGƯỜI LÀ TIỂU THIÊN ĐỊA

Bây giờ mình mới rõ hồi xưa nói “Con người là Tiểu Thiên Địa” rất đúng, vì lẽ trong thân mình con người có đủ những chất khí tạo lập vũ trụ; nhưng con người còn giống Đức Thượng Đế vì lẽ khác là con người cũng phân làm ba ngôi như Ngài vậy.

Ba ngôi của Đức Thượng Đế là:

1.- Ngôi thứ nhất – Brahma – Dieu, le Père – Đức Chúa Cha.

2.- Ngôi thứ nhì – Vishnou – Dieu, le Fils – Đức Chúa Con.

3.- Ngôi thứ ba – Shiva – Dieu, le Saint Esprit –
Đức Chúa Thánh Thần

BA NGÔI CỦA CON NGƯỜI

1.- Ngôi thứ nhất – Chơn thần – Monade –
Esprit

2.- Ngôi thứ nhì – Chơn nhơn – Ego-
Individualité – Soi Supérieur

3.- Ngôi thứ ba – Phàm nhơn – Personnalité,
Soi inférieur.

Tại sao con người chia làm ba ngôi?

Chơn thần ở tại cõi Đại Niết Bàn; càng xuống thấp, khí càng thấp Chơn thần hoạt động không được dễ dàng nên mới sanh ra Chơn nhơn để cho mình đặng kinh nghiệm từ cõi Niết Bàn, Bồ Đề cho tới Thượng thiên (ba cảnh cao Thượng giới). Những học hỏi của Chơn nhơn sau dâng cho Chơn thần.

Chơn nhơn cũng khó xuống thấp, nên sanh ra Phàm nhơn đặng hoạt động từ cõi Hạ thiên xuống tới cõi Trần. Tinh hoa những sự kinh nghiệm mỗi

kiếp của Phàm nơn đều giao lại cho Chơn nơn. Chơn nơn có sự sinh hoạt riêng. Giữa Chơn thần và Chơn nơn, giữa Chơn nơn và Phàm nơn đều có dây liên lạc với nhau. Nhưng hầu hết trong nơn loại hiện kim, đường thông thương giữa Chơn nơn và Phàm nơn bị bít hết chín phần mười bởi những tư tưởng và những ý muốn quấy quá, không khác nào một con đường bị gai góc mọc cao nghều nghệ, khó bề lui tới. Vậy ta có bổn phận mở đường thông thương giữa Chơn nơn và Phàm nơn đặng cho Chơn nơn dễ bề điều khiển Phàm nơn theo chiều hướng của cơ tiến hóa.

NÓI TÓM LẠI: Chơn thần là một điểm linh quang của Thượng Đế, Chơn nơn là một phân thân của Chơn thần.

Còn Phàm nơn là một phân thân của Chơn nơn. Trong mình con người có đủ âm dương, tinh thần và vật chất, và cũng chia làm ba ngôi như Thượng Đế, nên gọi con người là Tiểu Thiên Địa rất đúng.

AI GÂY RA TỘI LỖI?

Con người sanh ra ở cõi trần thì sự lầm lạc là lẽ tự nhiên. Nhưng đó là lúc đi đầu thai làm người mới có cả trăm kiếp. Tới ngày nay con người đã trải qua muôn kiếp luân hồi rồi, thì đáng lẽ phải khôn ngoan hơn, không còn gây tội lỗi nhiều nữa và phải tiến hóa rất mau. Nhưng tại sao lòng dạ con người không được tốt đẹp như ý trời đã muốn. Ta hãy tìm ra nguyên nhân thì sự sửa chữa mới có hiệu quả, cũng như muốn trị bệnh phải trị tận gốc. Bệnh nào thuộc về vật chất thì nên trị bằng thuốc vật chất, bệnh nào thuộc về tinh thần thì phải trị bằng thuốc tinh thần, thì mới mong tiêu trừ nghiệp chướng.

Vậy thì ai gây ra tội lỗi đây?

Ấy là ba thể Thân, Vía, Trí của chúng ta.

Mới nghe qua chắc quý bạn lấy làm lạ lắm, song đây là sự thật một trăm phần trăm.

Muốn biết tại sao thế, thì ta nên hiểu tánh nết của ba thể Thân, Vía, Trí.

Những thể của ta làm bằng những tế bào. Sống lẻ loi một mình thì các tế bào đều cô lập. Trái lại khi hiệp làm một thân mình thì chúng nó có một sự sống chung và một ý muốn chung; ý muốn của chúng nó làm ra những tánh nết của chúng nó.

1.- TÁNH NẾT CỦA XÁC THỊT

Xác thịt vẫn biếng nhác, ưa lánh nặng tìm nhẹ. Nó chịu ở không cả ngày chẳng động đến móng tay, và thích nhất chơi bời, ngủ nghê và món ngon vật lạ. Khi có một việc làm đặng giúp người thì nó viện đủ lẽ để thoái thác. Nó nói nó mệt nhọc hoặc bận việc chi đó, nó muốn ai làm thế cho nó để nó thông thả.

2.- TÁNH NẾT CÁI VÍA

Cái Vía có nhiều sự ham muốn ước ao, tính ra không biết mấy chục. Nó giục con người nóng nảy quạo quạ, giận hờn, oán ghét, thô lỗ, cộc cằn, mắng nhiếc, chê bai, tham lam, ích kỷ, nói vu,

nói hành, đả mê vật dục, bày mưu kế hại người đoạt của, ngã lòng, nản chí, v.v. . .

Không phải nó muốn làm hại con người, song tại nó ưa thích những sự rung động dữ dội và thay đổi liên liên. Nó không thích những sự rung động nhẹ nhàng, nó không biết mấy tánh tốt như từ bi, bác ái, hy sinh, can đảm là làm sao v.v. . .

3.- TÁNH NẾT CÁI TRÍ

Cái Trí xao động không ngớt. Nó tưởng cái này rồi tưởng cái kia liên liên. Nó không chịu định vào một chỗ nào cho lâu. Nó giống con khỉ ở trên cây, buông nhánh này rồi bắt nhánh kia. Nó rất kiêu căng tự phụ, cho ai cũng dở hơn nó, thua nó . . . Nó cao hơn thiên hạ, làm cái gì cũng được. Nó chia rẽ "Người" với "Ta". Nó chê bai những việc của người khác làm, nó chỉ khen những điều của nó tính toán là giỏi thôi.

Trong quyển "**Tiếng nói của tâm hồn**" hay là "**Tiếng nói vô thanh**" (La voix du Silence) chương thứ ba có dạy như vậy: "Cái Trí là kẻ diệt

phá sự chơn thật lớn lao. Đệ tử hãy trừ khử kẻ phá hoại đó đi”.

TAM BÀNH LỤC TẶC LÀ CHI?

Thường ta thường nói, người tu hành thường bị “Tam bành lục tặc” phá.

Hiểu mấy lẽ trên đây rồi chúng ta thấy “Tam bành lục tặc” là tánh nết của ba thể: Thân, Vía, Trí chứ không có chi lạ. Tam độc Tham, sân, si cũng là ý muốn của cái Vía hiệp với cái Trí rồi bắt buộc con người làm theo.

Trong lúc ta ngồi yên chẳng tưởng cái chi cả thì nghe trong lòng tiếng nói, nhắc nhở chúng ta chuyện này, chuyện kia đã qua rồi, hoặc lo lắng việc sẽ tới ^[6]. Bây giờ ta mới phân biệt “Ta” và tiếng nói đó. **Tiếng nói đó không phải là Ta, nó là cái Trí giục ta làm những điều nó ưa thích.** Những người mới tập tham thiền, đều biết lúc ban sơ khi mới ngồi thì bắt ngáp, bắt ngứa ngứa chỗ này chỗ kia, nhứt là trên mặt, sau lưng,

hoặc tưởng một hai phút rồi nhớ Đông nhớ Tây, quên phức vấn đề đang suy nghĩ đây. Chừng giựt mình mới biết mình đã đi lạc đường, trở lại lối cũ thì đã mất hết một hai phút, tư tưởng đã gián đoạn rồi. Đây là cái Trí đã phá ta. Khi ta bắt nó chăm chỉ vào một việc trong vài phút thì nó bực tức lắm, nó kiếm thế thoát ra. Nếu ta ơ hờ thì nó gạt ta được. Phải kèm chế nó luôn luôn cho tới khi nào nó ngoan ngoãn vâng lời ta. Nói đến đây tôi mới nhớ lại bộ truyện Tây Du. Hồi nhỏ tôi rất thích tài phép của Tề Thiên Đại Thánh lắm.

Chừng lớn lên học đạo rồi mới biết lúc còn thơ mình tin dị đoan chớ bộ truyện Tây Du tức là thân mình ta đây.

Tam Tạng là Chơn nhờn.

Chơn nhờn có ba đồ đệ: Tề thiên tức là hình bóng cái Trí.

Bát Giới tức là hình bóng cái Vía.

Sa Tăng tức là hình bóng xác thân.

Kim Cô tức là phép định trí. Tam Tạng niệm chú căn cô tức là ngòi nhập định không

cho cái trí lao chao nên nó bức rức lắm. Thầy của Ngộ Không là Ông Cụt Bồ Đề Tổ Sư. Bồ Đề Tổ Sư là hình bóng của Đức Minh Triết và Trực giác. Cái Trí cần phải có Đức Minh Triết và Trực giác dìu dắt mới khôn ngoan sáng suốt.

Như ý bóng là sức tưởng tượng của cái trí. Cái trí tưởng cái chi thì cái đó có trước mặt. Quả thật đời Đường Thái Tông có một nhà sư tên Trần huyền Trang qua Thiên trước thỉnh kinh . . . Ngài chịu nhiều nỗi gian lao khổ cực. Ngài trở về Trung nguyên vào đầu mùa xuân năm 645 đem theo 525 bộ kinh Phật bằng lá buông gồm các thứ kinh của Ba Tạng: Kinh, Luật, Luận.

Ngài tịch tại chùa Hồng Phước, nếu tôi nhớ không lầm lúc đó Ngài được 65 tuổi. Ngài có viết quyển Tây du ký. Quyển này có dịch ra tiếng Pháp. Quý bạn muốn hiểu thêm xin đọc hai quyển này: "Sur les traces du Bouddha" par René Grousset và "Voyage d'un pellerin

chinois dans l'inde des Bouddhas" par Henri Vatentino.

Có nhiều bộ truyện Tàu nói bóng dáng về sự luyện đạo, nếu tin theo nghĩa từ chữ mà làm thì thường mang tai họa. Phải đề phòng cho lắm.

TẠI SAO CON NGƯỜI PHẠM TỘI?

Ta biết rằng ba thể của ta gây ra tội lỗi chứ không phải Ta, nhưng tại sao Ta lại làm mấy việc đó, đây là điều mà ai ai cũng muốn biết. **Ấy là tại ta đồng hóa với ba thể: Thân, Vía, Trí.**

Ta tưởng Xác thân là Ta;

Cái Vía là Ta;

Cái Trí là Ta.

Chúng ta thường nói: "Tôi ăn, tôi uống, tôi đi làm việc, tôi muốn, tôi tưởng" nhưng sự thật là:

Xác thân ta ăn, xác thân ta uống, xác thân ta đi, xác thân ta làm việc. Và trong một trăm lần, hầu hết chín mươi tám lần, cái Vía muốn, cái Trí tưởng.

Còn ta muốn và tưởng có hai lần.

Ba thể này thường ham muốn quá, chúng nó giục con người lầm là mình muốn, đặng làm cho chúng nó được thỏa thích.

Hiện giờ ta tỉnh hay mê đây? Ta phải công nhận là trong 24 giờ ta mê hết 23 giờ rưỡi chỉ tỉnh có nửa giờ, mà nửa giờ này chia ra làm nhiều lần, mỗi lần vài phút, chớ không phải là tỉnh luôn 30 phút trọn vẹn.

Ta hãy suy nghĩ một điều này thì rõ:

Một việc xảy đến cho ta, tức thì có sự phản động liền. Mà ai phản động đây? Có phải là ta chăng? Trong một trăm lần chắc chắn dám chắc hết chín mươi chín lần do sự phản động của ba thể: Thân, Vía, Trí chớ không phải là ta đâu.

Chúng tự động như chớp nhoáng rồi bắt buộc Ta làm theo ý chúng.

Thường thường ta ngoan ngoãn vâng theo vì Ta lầm ý chúng là ý Ta; có khi ta cũng sửa đổi được, nhưng một chút đỉnh mà thôi, và đó là một điều rất hiếm có.

Thế nên, mới có sự ăn năn hối hận và ta phải luân hồi đặng đền bồi tội lỗi đã mang. Bởi ta chưa dùng được trực giác nên ta không biết hậu quả những tư tưởng, ý muốn, lời nói và việc làm của Ta gây ra cho Ta và cho đời. Trong đạo đức gọi là chưa Minh tâm, Kiến tánh; nói một cách khác, ta chưa thức tỉnh trong tư tưởng, ý muốn, lời nói và việc làm. Ta còn mê muội tối tăm mà ta không dè. Ta bị cái Trí, cái Vía và Xác thân lôi cuốn, ta còn ở dưới quyền sai khiến của chúng mà ta hui hui tự đắc rằng ta giỏi, ta khéo, ta hay, nhưng mà chung cuộc ta bị buộc vào bánh xe luân hồi mãi.

CHƯƠNG THỨ NHÌ

[mục lục đầu sách cuối sách chương 1 chương 2 chương 3](#)

TA PHẢI TỰ THỨC TỈNH CÁCH NÀO?

Phật bảo “Tự giác nhi giác tha”, ta phải khai sáng cho ta trước, rồi ta mới khai sáng cho đời sau, ta chưa sáng suốt mà tự phụ ra dạy đời thì không khác nào người mù dắt kẻ đui, có bữa cả hai đều sa hầm sục hố.

Muốn tự thức tỉnh, trước hết phải tinh luyện ba thể: Thân, Vía, Trí.

TẠI SAO PHẢI TINH LUYỆN BA THỂ: THÂN, VÍA, TRÍ

Ta đã thấy muôn vàn tội lỗi đều do ba thể: Thân, Vía, Trí gây ra. Vậy thì muốn tránh các điều ác và làm các điều thiện thì ta phải luyện tập chúng nó theo mạng lệnh của Chơn Nhơn. Đó gọi là tự chủ hay tinh luyện ba thể. Sự tinh luyện ba thể còn có sự hữu ích khác nữa là: ta dùng chúng nó đặng học hỏi các cõi trời dễ dàng, ta tiến hóa rất mau lẹ.

Về điều này phải lấy khoa học cắt nghĩa, quý bạn mới thấy rõ:

Chung quanh chúng ta, mọi vật đều rung động, cái này khác cái kia là tại cái này rung động mau, cái kia rung động chậm; hoặc trái lại, chớ không có chi lạ. Từ 32 lần rung động trong một giây đồng hồ cho tới 32.768 lần thì lỗ tai ta nghe được. Trên số đó hay dưới số đó thì ta hết nghe. Con mắt con người thấy ánh sáng khi nó rung động 35.184.372.088.832 lần trong một giây. Trên số đó hay dưới số đó thì không thấy. Biết như vậy ta mới hiểu tại mấy chất khí làm những cõi Trung giới, Thượng giới v.v. . . rung động mau quá nên con mắt ta không đáp ứng được cho nên không thấy mấy cõi đó chớ không có chi là huyền bí.

Bây giờ xin lấy một thí dụ khác. Hai vật rung động đồng bực với nhau thì cảm thông với nhau được. Cũng như hai cây đờn lên dây đồng bực với nhau rồi, khảy một cây thì dây của cây đờn kia cũng rung động vậy.

Quý bạn có chơi máy thu thanh thì biết, khi quý bạn bắt đúng chỗ 31 thước thì tự nhiên thu được

những làn sóng điện 31 thước đánh ra. Nhưng còn vấn đề này rất quan trọng là: âm thanh thu nghe được rõ ràng, trong trẻo hay không là do những bộ phận của cái máy thu thanh tinh xảo nhiều hay ít, chín mươi đèn hay bốn năm đèn và có nhiều hay ít bộ phận lọc v.v. . .

Xác thân ta là cái máy biến điện, các cơ thể đều do những nguyên tử cấu thành. Dem phân tách những nguyên tử thì người ta thấy:

1.- Chính giữa là một cái Hạt hay là Nhân (noyau).

Nhân gồm: (a) những Dương tử (protons) và (b) những Trung hòa tử (neutrons)

2.- Chung quanh Nhân là những hạt điện âm, Âm điện tử (Electrons) xây tròn không khác nào những hành tinh xây chung quanh mặt trời.

Nếu ta biết cách biến đổi Xác thân, cái Vía và cái Trí ta ra những máy thu được những làn sóng Hồng trần, những làn sóng Tình cảm và những làn sóng Tư tưởng thì ta ngồi một chỗ có

thể hiểu được những cách ăn mặc, vận động, ý muốn và tư tưởng của hết thảy tất cả các hạng người trong bốn ngàn triệu linh hồn trên thế gian. Chẳng phải thế mà thôi, ta còn thấu được những làn rung động trên mấy cõi Trung giới, Thượng giới tức là ta hiểu được cách sanh hoạt trên mấy cõi đó và cách cấu tạo chúng nó nữa.

Không nói ra tưởng các bạn cũng biết các nhà khoa học đời nay cần dùng những khí cụ đặc biệt giúp sức cho giác quan nhứt là thị giác. Hễ khí cụ tinh xảo chừng nào thì sự khảo xét của các Ngài được chính xác và tinh tường chừng nấy. Ta có thể nói: "Sự tiến triển của khoa học hiện thời lệ thuộc sự hoàn hảo của khí cụ và phương pháp tối tân, nghĩa là khí cụ tinh xảo và phương pháp tối tân bao nhiêu thì khoa học tiến triển bấy nhiêu".

Ông Plotin cũng có nói như vậy trong bài tự ngôn cuốn "L'ornement des noces spirituelles de Ruysbroeck, l'Admirable" trang 20: "Trước hết phải làm cho cơ quan của thị giác giống in như vật nó phải chiêm vọng. Không khi nào con mắt

thấy được mặt trời nếu trước hết nó không thấy hình dạng của mặt trời; cũng thế ấy linh hồn không hề thấy được điểm sắc nếu trước hết nó không trở nên tốt đẹp và thiêng liêng mới thấy được sự tốt đẹp và Đức Thượng Đế”.

PHƯƠNG PHÁP TINH LUYỆN BA THỂ: THÂN, VÍ, TRÍ

Tinh luyện ba thể là bước đầu của phương pháp gọi là Hiệp thiên đạo dẫn, tiếng Thiên trước gọi là Đô Ga (Yoga: Union à Dieu). Hiệp thiên đạo dẫn cũng có nghĩa là thăng bằng nữa (Equilibre). Ta phải hiệp với Đức Thượng Đế ở trong mình ta, ta mới biết được Đức Thượng Đế ở ngoài, mà Đức Thượng Đế ở trong mình ta là Chơn thần vậy.

Những người luyện phép Hiệp thiên dẫn đạo tới mức hoàn thiện thành những vị siêu phàm mình gọi là Tiên, là Phật.

1.- TINH LUYỆN XÁC THÂN

Xác thân không khác nào con ngựa của ta cỡi để đưa ta đi một khoảng đường đời. Ta phải chăm nom nó cho đúng phép vệ sinh thì mới mong nó giúp ích cho ta được lâu dài.

Theo luật tiến hóa, hình dạng nào không phát triển theo cho kịp với linh hồn ở trong thì linh hồn phải bỏ nó đặng lấy hình dạng mới khác hợp với trình độ của mình. Biết như thế ta có bốn phận phải luyện cho nó trở nên tinh khiết, nhứt là khối óc và bộ thần kinh cho được mạnh mai.

Xác thân cũng là một lò tạo hóa chứa không biết bao nhiêu sự bí mật mà con người chưa khám phá ra hết.

Sự sanh hóa tinh trùng, sự kết hợp tinh trùng với noãn bào làm ra một người da đen hay da đỏ, da trắng hay da vàng; mặt mũi ngộ nghĩnh hay xấu xa, khôn ngoan hay đần độn, hiền lương hay hung dữ toàn là những vấn đề mà đời nay chưa có thể giải quyết cho đúng với sự thật.

Phép tinh luyện xác thân gồm có hai điểm sau đây:

- 1.- Chọn lựa thực phẩm.
- 2.- Có tiết độ.

A.- CHỌN LỰA THỰC PHẨM

Ta biết rằng đồ ăn làm ra máu huyết, xương thịt, gân cốt. Sự tinh khiết của máu huyết tùy thuộc sự tinh khiết của đồ ăn. Đồ ăn trược thì thân thể sẽ yếu đuối và mắc bệnh hoạn.

Thịt cá có tinh khiết không? Điều này quả thật là không rồi. Thịt cá nhiễm từ điện và tánh tình của thú vật lại chứa nhiều chất độc hại ngầm. Dùng nó thì từ điện của nó pha lẫn từ điện của ta, nó thêm sức cho các tánh xấu của ta và cơ thể ta lại mắc bệnh hoạn mà ta không ngờ. Thịt chỉ đường cho các bệnh hiểm nghèo như ung thư, dịch tả, kiết lỵ v.v. . .

NHỮNG MÓN ĂN TINH KHIẾT

Những món ăn tinh khiết đều lấy trong thảo mộc, ngoại trừ vài thứ như: muối, sữa (sữa bò, sữa dê, sữa trừa).

Vẫn có những thứ cây gọi là những “cây Bò sữa” cho những sữa thảo mộc, nhưng mà ít ai biết dùng nó và cũng khó kiếm chúng trong thời đại này.

NHỮNG MÓN ĂN NÊN DÙNG

Nên ăn gạo lức, đường vàng, đường mở gà, đường phèn, đường thẻ, muối đen và các thứ rau trái thường dùng, tóm lại những đồ ăn thuộc về thảo mộc.

Ngày nay người ta bán toàn là gạo trắng xay máy, nó đã mất hết cám là chất bổ dưỡng nhất và chứa nhiều chất cần thiết cho sanh mạng như: sinh tố A – B – D – E – PP và những khoáng chất.

Đường mía hay là đường củ cải lọc cho tới mức trắng tinh thì không khác nào gạo trắng nhà máy.

NÊN TRÁNH

Thuốc lá hại phổi, sanh ra bệnh ung thư và làm cho con người mất nhiều cảm giác tốt đẹp. Thuốc lá và rượu phá hư hai hạch rất quý báu trong đầu là: Hạch mũi (corps pituitaire ou hypophyse) và Hạch óc (glande pinéale). Hạch này để luyện Thần nhãn, Thiên nhãn và chuyển di tư tưởng.

Thuốc phiện và các chất ma túy còn nguy hiểm hơn cả muôn lần thuốc lá. Ngoài việc đầu độc xác thân chúng còn hại tới cái Phách và cái Vía về phương diện tinh thần nữa.

VÌ SAO CHÚNG TA PHẢI TINH LUYỆN XÁC THÂN

Chúng ta phải tinh luyện xác thân vì một lý do duy nhất và cao cả hơn hết là: Xác thân con người càng ngày càng tiến hóa, càng ngày nó càng trở nên mạnh mai, nhạy cảm và tốt đẹp hơn xưa.

Không đợi so sánh chúng ta với những người thượng cổ, chúng ta chỉ xem qua thân hình của các giống dân tộc trên mặt địa cầu ngày nay như:

da đỏ, da đen, da vàng, da trắng thì chúng ta thấy sự khác biệt về vẻ đẹp hiện ra rõ ràng. Tuy nhiên, cũng thời thân thể con người nhưng không hề có hai cái xác mà cách cấu tạo các cơ quan đều in hệt nhau. Luôn luôn cách phối hợp các tế bào dạng làm ra những cơ quan của thân hình này vẫn khác chút đỉnh với cách phối hợp các tế bào dạng làm ra những cơ quan của thân hình kia.

Vì vậy mới có những loại máu huyết khác nhau và những màu da không giống nhau. Đây là sự bí mật của Tạo công mà con người chưa khám phá ta được.

Xác thân càng tinh tấn thì nó càng thâm nhận được những làn sóng rung động mau lẹ từ những cõi cao đưa xuống; nhờ thế mà ta càng mau sáng suốt và càng mau tiến tới mục đích của Trời đã định sẵn cho con người.

Nếu ta làm cho nó nặng nề với rượu thịt và khói thuốc thì ta làm nghịch với lòng Trời. Ta không tuân theo Thiên mạng và ta tự hại mình

nữa vì ta mang nhiều thứ bệnh hoạn mà ta có thể tránh.

Ngày nay ai ai nghe nói tới vi trùng cũng “rùn mình mọc ốc”, nhưng thật ra nếu ta suy nghĩ một chút thì ta thấy rằng: “Vi trùng không đáng sợ mà đáng sợ là chỗ vi trùng nhập vào”. Nếu máu huyết của ta thật trong sạch thì bao nhiêu vi trùng vô mình ta đều bị giết chết hết, đâu còn sanh sản được đặng phá hại ta.

B.- TIẾT ĐỘ

Trong mọi việc không nên thái quá mà cũng không nên bất cập. Phải có tiết độ.

Thức ngủ có giờ giấc, không ngủ quá 8 giờ mỗi ngày (đây nói về người lớn, còn trẻ nhỏ phải ngủ nhiều hơn).

Phải vận động thân thể có chừng mực. Đi bộ, cỡi xe máy, cỡi ngựa, bơi lội, tập thể dục đều tốt, nhưng mỗi môn phải thích ứng với tuổi tác và sức khỏe. Không nên làm cái chi quá sức chịu đựng

của mình mà phải lãnh cái hậu quả rất tai hại về sau.

Giữ bực trung là điều tốt hơn hết, nhứt là phải tránh xa sắc dục. Trong chu kỳ này sự giao hiệp của nam nữ là một phương tiện, còn mục đích thật của nó là cấu tạo một xác thân để cho một linh hồn nhập vào đặng tiếp tục sự tiến hóa của mình đã bỏ dở kiếp trước, chớ không phải vì sự khoái lạc của xác thịt.

Trước kia vì vô minh chúng ta phạm nhiều tội lỗi về đường tình ái, ngày nay hiểu rõ luật trời rồi thì nên tu tỉnh lại tức khắc và tuân theo Thiên mạng.

Tôi không cho đây là một việc dễ làm đâu, tôi biết nó là chuyện cực kỳ khó khăn, nhưng tôi nói rằng nếu có ý chí cương quyết thì sẽ thành công. Phải tập, dầu là trẻ còn hơn không làm gì hết.

Lạm dụng luật sanh hóa thì mất nhiều tinh thần và tiêu hao khí lực. Thân thể mau gãy mòn, tiêu tụy, một khi không còn đủ sức chịu đựng với thời tiết phong sương thì sẽ làm mồi cho các bệnh

tật và chưa đúng số mà ta đã bỏ mình rồi, nghĩa là con người tự sát.

Nguy hiểm hơn hết là bệnh hoa liễu làm hại xác thân và giảm thọ con người mà nọc độc còn di truyền cho nòi giống tới hai ba thế hệ sau cũng chưa ắt dứt hẳn.

Xưa kia thành Sodome [7] bị lửa trời thiêu đốt chỉ vì dân chúng quá trụy lạc, buông lung theo thói xa hoa phóng túng, kiêu sa dâm dật, và lấy sự khoái lạc của xác thịt mà làm thú vui.

Xe trước gãy, xe sau phải tránh, nếu xe sau cứ chạy theo vết xe trước mãi thì e cho cái ngày họa tới bên mình tưởng không còn xa đâu.

Dầu cho hồi cải cũng mất một thời gian khá lâu, có khi vài ngàn năm mới trở lại mức quân bình như trước.

II.- TINH LUYỆN CÁI VÍA

Nguyên tắc của nó là: Tưởng điều lành, muốn điều lành, nghe điều lành, thấy điều lành, nói điều lành.

Thế nên: Trước hết không nên xem những tranh ảnh, tiểu thuyết và phim có tánh cách kêu gọi dục tình, trộm cướp giết người. Trái lại nên đọc truyện ca tụng những đức tánh: từ bi, bác ái, hy sinh, can đảm, khiêm tốn, khoan dung và những truyện cương thường luân lý như: trung, hiếu, tiết, nghĩa, liêm, chánh, thanh, cần. (Quý bạn xem tới chương thứ ba “Luyện tập 12 đức tánh” thì rõ) và xin ghi nhớ mãi điều này trong lòng. “Cái Vía ở dưới quyền sai khiến của cái Trí. Hễ luyện cái Trí cho tinh tấn thanh cao thì tự nhiên cái Vía sẽ hóa ra tốt đẹp nhẹ nhàng”.

III.- TINH LUYỆN CÁI TRÍ

Phương pháp tinh luyện cái Trí gồm ba điểm chánh như sau đây:

- 1). Định trí
- 2). Sự chọn lựa tư tưởng
- 3). Tham thiền.

Nhưng mà Định trí và Tham thiền là hai giai đoạn trong bốn giai đoạn mà Ấn giáo gọi chung bằng một danh từ là Sammyana.

4 giai đoạn của Sammyana là:

1.- Giai đoạn thứ nhất là Pratyahara = Sự kiểm soát hoàn toàn giác quan

2.- Giai đoạn thứ nhì là Dharana = Định trí

3.- Giai đoạn thứ ba là Dhyana = Tham thiền

4.- Giai đoạn thứ tư là Samadhi = Đại định.

PRATYAHARA – KIỂM SOÁT HOÀN TOÀN GIÁC QUAN.

Kiểm soát hoàn toàn giác quan tức là tinh luyện cái Vía. Nếu ta chưa làm chủ nó được thì trong lúc ta mới vừa ngồi thiền thì nó đòi hỏi ta phải cung cấp cho nó đủ những thứ mà nó cần dùng – nó lôi ta đi bên này, rồi nó kéo ta qua bên kia. Ta không ngồi yên được đâu. Dầu ta cố gắng ngồi cho tới 10 giờ đồng hồ cũng vô ích.

Ta nên biết rằng cái Trí điều khiển cái Vía và xác thân được. Thế nên, nếu ta làm chủ được cái Trí rồi thì những tư tưởng, những ý muốn và những hành động đều ở dưới quyền kiểm soát của ta.

Vì vậy phải tập Định trí trước nhất. Thành công rồi tham thiền mới có hiệu quả mau lẹ.

Mới bước vào đàng tu niệm mà vội ngồi Thiền liền, tức là chưa chuẩn bị, e cho bước đầu tiên phải vấp té rồi thì buồn ý ngã lòng. Tốt hơn là tụng kinh, vì tụng kinh là một cách định trí và thay đổi tư tưởng của mình ra tốt. Về sau, khỏi cần phải tụng kinh nữa đúng với câu: “Lòng mê Pháp hoa chuyển”, “Lòng ngộ chuyển Pháp hoa”. Phải tự biết mình, phải tuần tự tiến và vượt qua những chướng ngại thì ngày thành công sẽ không còn xa đâu.

ĐỊNH TRÍ

Muốn mở trí đặng trở nên thông minh thì phải học hỏi cho rộng sâu, suy nghĩ cho thật lâu và

thật nhiều. Những người nào mà cái Trí lao chao thì rất khó thành công. Không chủ ý thì làm sao nhớ dai, làm sao hiểu lẽ. Tôi xin đem một ví dụ này cho quý bạn xem: Một miếng giấy để ngoài trời, dầu nắng gắt thế mấy nó cũng không hề cháy. Nếu đem để dưới tiêu điểm (foyer) của một tụ quang kính (loupe) trong một hai phút thì nó phát cháy vì sức nóng của mặt trời đều gồm vô đó.

Sự định trí cũng như thế. Muốn giải quyết một vấn đề nào thì phải suy nghĩ về vấn đề đó cả giờ, cả ngày, cả tháng và cả năm này qua năm kia, nếu cần. Tới một ngày kia ánh sáng sẽ hiện ra.

Đây là hai bằng chứng cụ thể:

1.- Bằng chứng thứ nhất "ông ARCHIMÈDE",

Thuở xưa vua Syracuse là Hiéron nghi ngờ cái mũ triều thiên bằng vàng của ngài đặt thợ kim hoàn làm có pha bạc. Ngài bèn bảo ông Archimède suy nghĩ cách nào khám phá sự gian lận đó mà phải để y nguyên cái mũ. Archimède

suy nghĩ lâu lắm mà chưa tìm ra giải pháp nào cả. Một bữa kia, ông đang tắm, thấy sao tay chơn ông vô nước thì mất sức nặng của nó rất nhiều. Ông giơ chơn lên một cách dễ dàng. Trong lúc đó trí hóa ông vụt mở ra sáng suốt, ông tìm ra nguyên lý mà ngày nay học sinh trường Trung học đều biết là "Vật nào thả xuống nước cũng bị một sức đẩy từ dưới lên trên, mạnh bằng trọng lượng của nước bị đũa trôi".

Ông mừng quá chạy ra đường quên mặc quần áo, vừa chạy vừa la lên "Eurêka, Eurêka, Tôi tìm được. Tôi tìm được".

Khi quân Rô manh (Romains) công phá thành Syracuse thì ông ra tay ngăn chống. Trọn ba năm ông đánh bại đạo quân của Marcellus. Ông bày ra máy bắn tên và đá đi rất xa, và ông bố trí những tấm kiếng cách nào mà thấu được lửa trời đốt cháy chiến thuyền quân nghịch. Nhưng quân Rô manh thừa cơ hãm thành Syracuse. Marcellus ra lệnh không cho ai được xâm phạm đến mình ông. Nhưng than ôi! trong lúc ông đem hết tâm trí vào

sự suy nghĩ một vấn đề, ông không hay thành trì đã thất thủ. Một tên lính Rô mạnh không biết ông, thấy ông không trả lời câu hỏi của nó, nó bèn nổi giận đâm ông chết tươi. Thật sự định trí tới mức đó rồi thì trước mắt không còn thấy chi cả và bên tai đâu chiêng trống vang rền cũng không nghe thì làm sao trả lời cho một câu hỏi tầm thường được. Thấy như vậy ta mới biết, từ xưa đến nay, trong cơn binh lửa, mạng con người như chỉ mảnh treo chuông, sống thác có thể ở trong tay quân lính.

2.- Bằng chứng thứ nhì.

- Ông THOMAS EDISON (1847-1931)

Ông làm việc năm ngày năm đêm không nghỉ không ngừng mới hoàn thành ống quay bằng sáp của máy hát do ông phát minh.

Ông thí nghiệm 1.200 lần và tốn hết 40 ngàn trương giấy trước khi hoàn thành sự phát minh bóng đèn điện.

Về sự làm những dây trong bóng đèn điện, ông tổn không biết bao nhiêu công phu. Ông dùng những vật liệu sau đây: cạt bon (carbone), bạch kim (platine), irridium và 60 thứ cây cỏ sau rốt mới tới tre Nhựt bản. Trong lúc ông làm dây bóng đèn điện với những sợi chỉ tre Nhựt bản, ông vẫn tìm kiếm luôn luôn trong phòng thí nghiệm. Cuối cùng ông phát minh ra được một thứ sợi gọi là Filamentérite, ấy là một thứ sên lu lôi hỗn hợp (mixture de cellulose).

Thứ này thay thế cho sợi chỉ tre.

Người ta hỏi bí quyết thành công của ông là cái chi. Ông trả lời: "LÀM VIỆC CHO NHIỀU VÀ SUY NGHĨ LUÔN LUÔN" (TRAVAILLER BEAUCOUP ET RÉFLÉCHIR SANS CESSE).

NỀN TẢNG CỦA SỰ ĐỊNH TRÍ

Bây giờ trở lại vấn đề định trí. Phải tập luyện cái Trí lần lần và trước hết phải biết nền tảng của sự định trí là cái chi rồi sau phải tới mức của

ông Archimède và của ông Edison thì trí hóa mới mở mang sáng suốt.

Nền tảng của sự định trí là sự chú ý vào những công việc của ta làm hằng ngày.

Đọc sách, học bài, quét nhà, gánh nước, vo gạo, may áo, bửa củi, nấu ăn, rửa chén, đánh giày . . . thì chăm chỉ vào đó, đừng để cái trí bắt nhớ cái này cái kia. Nếu nó kéo mình đi thì mình phải níu nó lại và buộc nó ở một chỗ. Trong lúc làm việc đừng nói chuyện bá vợ hay nói những chuyện tầm phào, trừ ra việc cần thiết lắm mới nên nói.

Nhiều chuyện nhỏ mới nhập thành chuyện lớn . . . phải tập làm những chuyện nhỏ mọn trước, rồi mới thực hành được những chuyện lớn sau. Không tập nhảy mà phóng mình qua mương hai thước bề ngang thì e phải rớt xuống nước một cái ùng, ướt mình mẩy hết.

Đừng cho rằng lau bàn ghế, đánh nón, đánh giày . . . là nhẹ thể mình. Không, hễ gặp việc nào vừa sức mình thì cứ làm, đó là một sự tập làm

chủ cái trí và tập cho mình trở nên khéo léo và hữu dụng sau này.

NHỮNG CÁCH ĐỊNH TRÍ

Có nhiều cách định trí, nhưng cả thầy đều nhằm vào một mục đích là không cho cái trí bỏ vị trí của mình đã buộc nó ở đó. Phải tập làm sao cho nó giống như tên lính gác đứng ngay một chỗ, không được nhúc nhích chừng đó mới thành công. Cái trí phải tưởng một việc mà thôi. Hết việc này rồi mới tới việc khác.

Tôi chỉ vài cách định trí, quý bạn coi cách nào hợp thì đem ra thực hành.

1). Đọc một hàng chữ rồi kiểm coi trong đó có bao nhiêu chữ và mỗi chữ bao nhiêu nguyên âm bao nhiêu phụ âm. Lập lại nhiều lần như vậy với nhiều câu liên tiếp khác nhau, hết câu này tới câu kia.

2). Hốt một nắm gạo rồi đếm coi có mấy hột. Nhiều lần như vậy.

3). Múc nửa ly nước để trên bàn rồi ngó mực nước, hai ba phút như vậy, nhưng đừng cho môi mắt.

4). Đọc sách thì chớ nên đọc mau.

Đọc bốn hàng thôi rồi suy nghĩ coi tác giả muốn nói chi trong bốn hàng đó. Xong rồi sẽ bắt qua bốn hàng khác. Mới xem qua thì thấy phương pháp này chậm lắm, nhưng kỳ thật nó mở trí con người mau lắm mà con người không hay. Ban đầu phải chịu khó tập cho cái trí suy nghĩ thật lâu, sau có thói quen rồi thì nó hành động lạ lùng, đọc đâu hiểu đó.

Trái lại đọc mau quá, khi tới trường chót thì đã quên mấy trương giữa và mấy trương đầu nói cái gì rồi.

5). Những bạn nào có học qua những lớp của trường Tiểu học, nhất là từ Trung học tới Đại học thì sau tập định trí và tham thiền về phương diện đạo đức dễ hơn các bạn khác. Bởi vì trong lúc các bạn học bài và dò bài thì các bạn định trí, còn khi các bạn suy nghĩ đặng làm một bài Luận văn

hoặc tìm giải đáp cho những bài toán về số học, đại số, hình học và vật lý thì các bạn tham thiền mà các bạn không ngờ, cũng như ông Jourdain làm văn xuôi mà không biết điều đó vậy.

6). Trong cuốn “Dưới Chơn Thầy” có hai câu này dạy về cách định trí.

a) Phải chăm chỉ vào mỗi phần việc của con làm đặng cho nó hết sức khéo léo.

b) Dầu tay con làm việc gì cũng vậy, con phải hết sức chú ý vào đó.

5.000 năm trước, Arjuna há chẳng nói với sư phụ là đức Sri Krishna như vậy hay sao? “Bạch sư phụ, Krishna! Cái trí thật là loạn động, buông lung, mãnh liệt, hung hãn, khó mà kềm hãm nó, cũng như khó mà kềm hãm gió vậy”.

Sư phụ Krishna mới trả lời rằng: “Hỡi người chiến sĩ võ trang đầy đủ kia! Lẽ dĩ nhiên là cái trí nghịch ngợm và khó trị, nhưng mà người ta có thể thẳng phục nó nhờ sự luyện tập không ngừng nghỉ và nhờ tánh lãnh đạm”.

Không còn cách nào khác nữa: Lãnh đạm đây là không chịu thụ hưởng kết quả của việc của mình đã làm, tức là đoạn tuyệt, dứt bỏ. Phật giáo gọi là Xả.

7). Có một cách lãnh đạm nữa là ngồi xem tư tưởng vô trong óc mà không phản ứng chi cả. Một chập thì chúng nó đi mất bởi vì ta không để ý tới chúng nó; không có đồ ăn, chúng nó buộc lòng phải ra đi.

8). Người ta cũng có thể niệm mỗi ngày nhiều lần một câu thần chú và nhờ ảnh hưởng của câu thần chú này mà lâu ngày cái trí hóa ra yên tĩnh v.v. . .

Nhưng tôi xin lập lại một lần nữa là phải Bền chí. Phải thực hành mỗi ngày đừng chểnh mảng, nhiều năm, nhiều năm như vậy . . . Nếu biết phương pháp mà không thực hành thì cũng như không biết gì hết.

ĐỀ PHÒNG

Không nên định trí cho đến khi choáng váng mặt mày. Đó là điểm bất thường báo trước rằng cái óc không sức chịu đựng nổi sự bắt buộc làm việc của cái trí. Phải ngưng liền, nếu cãi lời tiếp tục như thế mãi, sẽ đau óc, loạn trí, hóa điên khùng.

Phải tập lần lần. Tuần đầu mỗi lần định trí 2 phút. Tuần thứ nhì, thứ ba 3 phút. Tuần thứ tư và năm 4 phút. Tuần thứ sáu và thứ bảy 5 phút, luôn tới tuần thứ mười. Tuần thứ mười một tới tuần thứ hai mươi, 6 - 7 phút. Tuần thứ hai mươi tới tuần thứ năm mươi hai nghĩa là cuối một năm, từ 10 tới 15 phút. Quen rồi lên 30 phút. Chớ tưởng định trí 3 phút ít lắm. Không, thật sự ban đầu trong 3 phút định trí, chỉ tồn có một phút bởi vì hai phút kia bị cái trí xao lãng rồi. Có kinh nghiệm mới biết định trí là khó khăn bậc nào. Ấy là kim cô niệt đầu con khỉ. Bắt cái trí chú ý vào một việc không khác nào nhốt một con thú vào chuồng, nó chạy lung tung, khi thì cụng đầu vào

song, khi thì chen mình vô kẽ đang tìm lối thoát ra.

ĐIỀU CẦN ÍCH HƠN HẾT LÀ PHẢI BỀN CHÍ, THIẾU CAN ĐẢM THÌ SẼ THẤT BẠI.

Một khi làm chủ được cái trí trong kiếp này thì kiếp sau làm chủ cái trí mới cũng dễ dàng, vì một người biết cỡi ngựa thì con ngựa nào cũng cỡi được, huống chi cái trí kiếp sau là cái trí kiếp này đổi mới lại.

SỰ CHỌN LỰA TƯ TƯỞNG

Sự chọn lựa tư tưởng còn cần thiết và quan trọng hơn sự chọn lựa đồ ăn uống của xác thịt vì tư tưởng có thể sửa đổi số mạng con người, không những kiếp này mà tới mấy kiếp sau nữa. Muốn biết tại làm sao phải chọn lựa tư tưởng thì trước hết phải rõ sự lợi và sự hại của tư tưởng là thế nào.

SỰ LỢI VÀ SỰ HẠI CỦA TƯ TƯỞNG

Tư tưởng có hình dạng và màu sắc. Màu sắc này tốt đẹp hay xấu xa tùy theo bản tánh của tư tưởng lành hay dữ.

Một khi sanh ra rồi thì tư tưởng bay vô trí người này rồi qua trí người khác. Mỗi lần nó vô trí ai thì nó giục trí đó sanh ra một hình tướng như nó vậy.

Bây giờ ta hãy xem hiệu quả của một tư tưởng tốt và hiệu quả của một tư tưởng xấu coi thế nào.

HIỆU QUẢ CỦA MỘT TƯ TƯỞNG XẤU

Mỗi lần ta sanh ra một tư tưởng quấy, ta phạm ba tội một lượt.

a). **Trước nhứt ta hại ta;** vì cái trí ta rút vô những tư tưởng quấy khác đồng bản tánh với tư tưởng xấu của ta mới sanh ra làm cho một phần thượng thanh khí tốt của ta bay ra ngoài. Nếu ngày này qua ngày nọ ta cứ nuôi những tư tưởng xấu như thế mãi thì cái trí ta chứa đầy những chất khí nặng nề, đen tối. Người có mắt thánh dòm vô thấy một cảnh tượng rất đau thương.

b). Kế đó, ta hại những người ở xung quanh ta, bởi vì tư tưởng xấu của ta tới giục họ làm quấy và đồng thời nó đánh thức mầm những tánh xấu còn ở ẩn trong lòng họ. Không có tư tưởng xấu này lại khêu gợi thì những mầm xấu đó sẽ héo mòn và tiêu lẩn, cũng như những hột mà không đem vùi xuống đất và không vun phân tưới nước thì chúng sẽ lần lần khô héo, không mọc lên được. Trái lại nếu ta nuôi dưỡng chúng thì chúng sẽ thành những cây cao lớn, trở bông sanh trái. Ông Leadbeater có nói: “Tôi đã thấy một tư tưởng quấy đến phá hại trọn đời của một người và kéo luôn ảnh hưởng tới kiếp sau nữa”.

c). Sau rốt ta thêm một sự khó cho đời.

Vì vô minh mà mỗi ngày thiên hạ rải trên không chẳng biết chục ngàn triệu hình tư tưởng, hầu hết là những hình tư tưởng xấu xa, ích kỷ, tham lam, tật đố. Những hình tư tưởng một loại và đồng bản tánh với nhau thì hiệp lại và làm thành một hình tư tưởng rất lớn gọi là Liên hiệp

tư tưởng (Egrégore). Có thứ Liên hiệp tư tưởng sống tới cả muôn năm.

Những Liên hiệp tư tưởng Hiền lương là những vị Phúc thần chúng nó đi thuyết phục người ta làm lành và ăn ở thuận theo lòng trời. Còn những Liên hiệp tư tưởng Ác độc là những bọn Hung thần, chúng nó đi xúi giục người ta làm quấy, phá hại đời và đi ngược với cơ tiến hóa. Chính là những bọn Hung thần này gây ra những vụ sát nơn, trộm cướp, nạn chiến tranh, giặc giả, hạn hán, lụt lội làm cho thất mùa, đói khó và sanh ra những chứng bệnh hiểm nghèo, gieo thảm họa cho dân chúng.

Lấy đây suy ra thì biết rằng: theo luận điệu tư tưởng và tánh tình dân tộc chẳng những mỗi nước có một hình Liên hiệp tư tưởng, mà mỗi tỉnh, mỗi quận, mỗi tổng, mỗi làng, mỗi xóm, mỗi nhà đều có Liên hiệp tư tưởng riêng và khác nhau nữa.

Bởi khi xưa chúng ta gieo những tư tưởng không lành cho nên ngày nay phải gánh lấy một phần quả chung của nơn loại (Cộng nghiệp),

mặc dầu nó rất nhỏ, trong lúc đó chúng ta cũng phải trả những quả riêng của chúng ta nữa (Biệt nghiệp).

Thế gian bị những tư tưởng xấu xa làm cho đau khổ khá nhiều rồi, nay ta sanh thêm một tư tưởng quấy nữa tức là ta thêm một sự khổ nữa cho đời. Đó không khác nào lửa đang cháy phừng phừng mà ta thả vô một cây củi, tức là thêm sức cho nó cháy lâu tàn.

HẬU QUẢ CỦA MỘT TƯ TƯỞNG LÀNH

Trái lại khi ta sanh ra một tư tưởng tốt thì ta làm được ba việc lợi ích một lượt.

1). Trước nhất ta giúp cho ta, vì khi ta tư tưởng tốt, cái trí ta rút những tư tưởng đồng bản tánh với nó vô, đồng thời một phần chất thượng thanh khí xấu bay ra ngoài. Nếu ta tưởng luôn luôn những điều lành, cái trí ta sẽ chứa đầy những chất khí nhẹ nhàng, màu sắc tươi tốt, không khác nào một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp ai thấy cũng phải dừng bước ngắm xem.

2). Kế đó ta giúp những người ở xung quanh ta, vì tư tưởng tốt của ta tới khuyên bảo họ làm lành và làm nấy nở những mầm của những tánh tốt còn tiềm tàng trong lòng họ.

3). Sau rốt ta giúp ích cho đời, vì tư tưởng lành của ta là một viên kiện tướng mộ vào đạo binh cứu thế để quét sạch mây mù và đưa người tầm đạo qua bờ giác.

TƯ TƯỞNG BIẾN THÀNH SỰ HÀNH ĐỘNG

Một người nuôi mãi trong trí những tư tưởng thấp hèn thì tới một ngày kia nếu có dịp, va sẽ hành động như kẻ vô lương không còn ngày giờ suy nghĩ kịp nữa. Điều đó làm cho va ngạc nhiên vì va không ngờ mình tồi tệ đến thế. Nhưng đây, nuôi một thứ tư tưởng mãi giống như nhỏ nước trong ly, từng giọt. Ban đầu không thấy chi cả, nhưng tới một ngày kia, khi cái ly đầy rồi mà còn nhỏ thêm một giọt nữa, tức thì nước tràn ra ngoài.

Cũng thế ấy, trái lại một người nuôi những tư tưởng cao thượng mãi thì sẽ hành động như một bậc vĩ nhân, một bậc siêu phàm khi dịp tốt đưa đến.

Vì mấy lẽ trên đây, nếu trong trí ta sanh ra một tư tưởng quấy nào rồi ta phải diệt nó liền vì không biết nó biến ra sự hành động giờ phút nào.

TƯ TƯỞNG TRONG NĂM PHÚT CÓ THỂ PHÁ HOẠI NĂM NĂM CÔNG PHU LUYỆN TẬP, DẦU GẦY DỰNG LẠI ĐƯỢC CŨNG ĐÃ MẤT THÌ GIỜ, HÃY GIỮ GÌN CHO LẮM.

Tư tưởng là cội rễ của Luân hồi Quả báo. Con người tưởng cái chi thì sẽ thành cái đó. Bây giờ đây quý bạn có thấy sự chọn lựa tư tưởng cần thiết là thế nào chẳng? Cái trí ta không phải là một miếng vườn hoang ai muốn tới gieo giống chi cũng được, không khéo thì thay vì lúa bắp và những cây trái ngọt ngon, những gai góc sẽ mọc đầy, chừng muốn ruộng phá thì phải mất thì giờ

và công của. Nó cũng không phải là ngã ba đường cái, hay là cái quán trọ, tư tưởng này tới nghỉ chơn vài phút rồi ra đi, kể tư tưởng khác tới viếng rồi cũng dời gót, ngày này qua ngày kia, kiếp này qua kiếp nọ.

Nếu ta để như thế, sự tiến hóa của ta sẽ chậm chạp và ta sẽ bị liệt vào hàng người trễ bước.

Vậy thì chúng ta phải sản xuất và thu dụng những tư tưởng thành cao như Từ bi, Bác ái, Can đảm, Hy sinh vì hạnh phúc của nhơn loại chớ không phải vì tư lợi cá nhơn chút nào.

Trái lại những tư tưởng ích kỷ thấp hèn, đam mê vật dục, ta phải đuổi chúng nó ra khỏi cái trí lập tức.

CÁCH DIỆT TRỪ TƯ TƯỞNG XẤU

Một khi một tư tưởng xấu nảy sanh ra trong trí ta rồi thì ta thấy nó cứ lập đi lập lại mãi, vì đó là bản tánh của nó. Điều này làm cho ta bực tức lắm. Thái độ của ta lúc này là nắm nó thả tuốt ra ngoài đường không khác nào cách ta đối phó

với một địch thủ lợi hại. Nhưng ta tổng nó ra mạnh bao nhiêu thì nó càng nhậy vô mạnh bấy nhiêu. Ta tấn công, nó phản công, trong mười phút ta không thắng nó được mà ta đã đuối sức rồi. Ta phải chịu thua nó.

Vẫn biết ta bền chí làm như vậy trong năm năm thì ta có thể diệt một tư tưởng quấy được song kết cuộc trong trí ta có một chỗ bị tê liệt. Nếu năm năm mới trừ được một tư tưởng quấy thì phải mấy ngàn kiếp mới diệt được hết những tư tưởng xấu xa.

LÀM SAO BÂY GIỜ

Từ ngàn xưa, Tiên Thánh chỉ cho các đệ tử một phương pháp mà thôi, phương pháp duy nhất để chiến thắng kẻ diệt phá sự chơn thật; ấy là dùng TƯ TƯỞNG LÀNH đánh đổ tư tưởng quấy đối lập.

Thí dụ: Một tư tưởng nóng nảy sanh ra trong trí ta. Ta nói: "Tôi không nóng nảy, tôi không nóng nảy". Trong ba bốn phút ta mệt ngất, mà tư

tưởng nóng nảy vẫn ở đó. Ai có thí nghiệm điều này thì biết.

Phải nói: "LUÔN LUÔN TÔI VUI VẺ VÀ ÔN HÒA" lập hai ba lần như vậy thì tư tưởng vui vẻ và ôn hòa hất tư tưởng nóng nảy văng ra ngoài mà ta không nhọc sức chút nào. Ta thành công chắc chắn. Thế nên muốn trừ tư tưởng tham lam thì dùng tư tưởng thanh liêm vô tư lợi, muốn trừ tư tưởng xảo trá gạt gẫm thì dùng tư tưởng chơn chánh ngay thật, muốn trừ tư tưởng nịnh hót thì dùng tư tưởng trung tín. Nói tóm lại, tư tưởng siêng năng đánh đổ tư tưởng biếng nhác, tư tưởng yêu thương dẹp yên tư tưởng oán ghét, tư tưởng hiền lương xua đuổi tư tưởng hung bạo, tư tưởng khiêm tốn chiến thắng tư tưởng phách lối, kiêu căng, còn tư tưởng chơn lý trừ tuyệt tư tưởng dị đoan.

Nguyên tắc này là: TRONG TRÍ TA KHÔNG THỂ CHỨA MỘT LƯỢT HAI TƯ TƯỞNG ĐỐI LẬP VỚI NHAU ĐƯỢC, HẼ CÁI NÀY ĐẾN THÌ CÁI KIA PHẢI ĐI".

KIỂM SOÁT TƯ TƯỞNG

Vì mấy lẽ trên đây cho nên giờ phút nào ta cũng phải lo kiểm soát tư tưởng thâm nhập hay nảy sanh trong trí ta một cách nghiêm ngặt. Lúc ban đầu ta phải xua đuổi tư tưởng quấy ra khỏi trí, nhưng tới một ngày kia sau khi tham thiền đã đúng công phu rồi thì cái trí chứa đầy những tư tưởng tốt, chừng đó nó sẽ tự động; những tư tưởng xấu vừa đụng tới nó thì dội ngược ra cũng như những mũi tên bay tới trúng vách thành đồng thì rơi xuống đất. Tới trình độ này thì tâm và trí nhập một, nó vẫn yên lặng chờ nghe tiếng nói của Chơn như. Ta không còn nhọc lòng xua đuổi những tư tưởng xấu nữa và trong trí ta không nảy sanh một tư tưởng nào hay một tình cảm nào mà không có ý ta muốn. Ta đã thành công trong những bước đầu tiên trên con đường đạo hạnh.

Người nào kiểm soát tư tưởng được thì mới làm đệ tử Chơn sư được.

TAI HẠI CỦA SỰ MỞ TRÍ MÀ KHÔNG MỞ TÂM

Tập định trí quen rồi thì tư tưởng rất mạnh. Các nhà thôi miên thành công là nhờ có thói quen tập trung tư tưởng vào một việc. Nhưng chúng ta đừng quên rằng tư tưởng là con dao hai lưỡi, nó giúp người thành công mau lẹ, mà nó hại người cũng dễ dàng, tùy cách ta xử dụng nó.

Ta phải lo mở Trí và mở Tâm một lượt. Mở Trí mà không mở Tâm thì sẽ lo phụng sự lòng ích kỷ của mình, hãm hại kẻ vô cớ, làm những điều tàn ác không thể tưởng tượng được. Những sự bất công này là mầm mống của sự loạn lạc làm mất cả trật tự và thăng bằng. Các sự đau khổ của con người đều do nó mà sanh ra. Muốn tiến mau và giúp ích cho đời thì Tâm và Trí phải điều hòa. Mà muốn mở Tâm thì phải tập mở những tánh tốt tức là Tu thân.

Từ ngàn xưa các vị Thánh nhơn đều lấy sự Tu thân làm căn bản. Các ngài nhờ tham thiền những đức tánh mà đi đến kết quả tốt đẹp.

THAM THIÊN (Méditation)

Tham thiền là gì?

Theo nghĩa chánh của nó thì *tham thiền là sự tập trung tư tưởng vào một đối tượng đặng phá tan bức màn bao phủ nó, đạt đến sự sống của nó rồi đem sự sống của mình hòa hợp với sự sống này.*

Về sau định nghĩa này được nới rộng ra.

Tham thiền có nghĩa là:

- a) Tập trung tư tưởng vào một đối tượng mà mình sùng bái.
- b) Chú ý vào một vấn đề cần đến ánh sáng thiêng liêng, đặng giải quyết nó.
- c) Suy nghĩ sâu xa về một vật mà người ta muốn biết sự sống của nó và đồng hóa với sự sống này chớ không phải quan sát bề ngoài mà thôi.
- d) Xem xét một vấn đề đủ các phương diện đặng biết những sự liên quan của nó với những vấn đề khác v.v. . .

Tham thiền gồm hai phương diện chánh:

Một là: mở Trí

Hai là: mở Tâm

VẤN ĐỀ THAM THIÊN

Vấn đề tham thiền thì nhiều. Người ta có thể tham thiền về:

1.- Một đấng Cao Cả như Đức Phật, Đức Bồ Tát hay là một Chơn sư.

2.- Chơn ngã . . .

3.- Một đức tánh.

4.- Một câu chơn ngôn, một câu thần chú.

5.- Một đoạn kinh.

6.- Một vật.

7.- Hoặc để giải quyết một vấn đề v.v. . .

Từ xưa đến nay những sự phát minh, những sự sáng chế như viễn vọng kính, điện, phi cơ, tiềm thủy đình, đại bác, radio, hỏa tiễn, radar, vô tuyến truyền hình, vệ tinh, những máy móc điện tử, các thứ thuốc mới: như các thứ trụ sanh, các thứ sanh tố v.v. . . . đều do sự tham thiền mà ra

cả; người ngoài đời cho là do sự suy nghĩ, tính toán, tìm kiếm.

NHỮNG ĐIỀU HỮU ÍCH CỦA SỰ THAM THIỀN

Tôi xin chỉ cho quý bạn xem điều này mới thấy tham thiền hữu ích là như thế nào. Vẫn biết ta phải đem tư tưởng tốt đánh đổ tư tưởng xấu đối lập. Nhưng có khi tư tưởng xấu đến xúi giục ta hành động chớp nhoáng, ta không kịp suy nghĩ nữa. Sau khi hành động, ta ăn năn lắm, nhưng việc cũng đã muộn rồi.

Thế nên mỗi ngày ta phải suy nghĩ về một tánh tốt nào đó. Cứ làm như vậy trọn tháng. Rồi tháng kế đó tập một đức tánh khác cứ như thế trọn năm thì được 12 đức tánh.

Thí dụ mỗi ngày ta nuôi 10 tư tưởng tốt về một đức tánh nào thì trọn tháng ta ghi trong trí ta 300 tư tưởng tốt về đức tánh đó rồi và trọn năm 365 ngày thì được 3650 tư tưởng tốt thuộc về 12 đức tánh. Qua năm sau ta cũng lập lại 12 đức tánh đó

nữa, lần này ta thấy tâm và trí của ta khởi sự mở rộng. Tập như vậy trong 10 năm thì ta nuôi được 36.500 tư tưởng tốt. Ta sẽ thành một người mới, một người biết thuận theo lẽ Trời, lo lánh dữ làm lành và phân biệt được lẽ tà chánh dễ dàng hơn người chưa biết tu.

Trong chương thứ ba tôi có giải về 12 đức tánh cần thiết, quý bạn xem đến sẽ rõ. Bây giờ tôi xin nói về mục đích của sự tham thiền và những điều phải biết trong khi luyện tập.

MỤC ĐÍCH CỦA SỰ THAM THIỀN

Tham thiền có nhiều mục đích mà mười cái chánh là:

1.- Thăng phục cái trí và rèn luyện nó thành một khí cụ tốt nhất cho Chơn Nhơn.

2.- Giúp cho phàm Nhơn đương hoạt động ở cõi trần và Chơn Nhơn ở trong địa hạt của mình (từ cõi Niết Bàn xuống tới cõi Thượng Thiên thấy rõ và hiểu rõ nhiều phương diện khác của chơn lý).

3.- Mở rộng đường thông thương của Phàm
nhơn và Chơn nhơn.

4.- Ít nữa là mỗi ngày một lần, con người nhớ
đến những việc thanh khiết, cao siêu và tư tưởng
vượt qua cuộc đời phù hoa mộng ảo lên tới cõi
Tinh Thần Siêu Việt.

5.- Không bao lâu nó tập cho con người có thói
quen tưởng tới những việc siêu hình mỗi khi tâm
và trí rảnh rang.

6.- Nó là phương pháp tập thể thao cái Vía và
cái Trí, nhờ vậy hai thể này trở nên mạnh mẽ và
sáng suốt, thần lực lưu thông dễ dàng.

7.- Lợi dụng nó đặng mở mang những tánh tốt.

8.- Đem tâm con người lên mấy cảnh cao, nhờ
vậy khi trở về nhập xác con người sẽ sáng suốt
thêm.

9.- Nhờ nó mà vạn vật được hưởng ân huệ của
Tiên Thánh ở trên mấy cõi cao ban xuống.

10.- Nó là bước đầu tiên giúp cho con người có
thần nhãn, huệ nhãn và hiểu được những sự bí
mật của Tạo công.

Người tham thiền mỗi ngày có sức mạnh lạ lùng không ai biết mà cũng không ai tưởng tượng được.

THAM THIỀN MỖI NGÀY MẤY LẦN

Ban sơ mỗi ngày nên tham thiền ba lần:

1.- Sớm mai khi mới thức dậy và đã rửa mặt, súc miệng.

2.- Trưa 12 giờ.

3.- Chiều trong khoảng 6 giờ rưỡi tới 7 giờ.

Ba giờ này từ điển trên không trung rất tốt. Từ 10 giờ tối tới 3 giờ sáng không nên tham thiền, vì trong khoảng này thần lực đã kém nhiều và mặt trăng làm chủ. Nếu tham thiền có hại cho Vía, Trí chớ không có lợi.

Phải để bụng trống tham thiền, sau khi dùng bữa hay mới ăn no mà tham thiền thì bị phát ách, bởi vì trong lúc tập trung tư tưởng, thần lực gom vô trí óc, không còn đủ sức mà tiêu hóa đồ ăn. . .

NGƯỜI TU HÀNH ĂN NGỌ LÀ VÌ HAI LỄ:

1.- Để bụng trống đặng tham thiên nhập định.

2.- Để cho các chất độc trong mình bài tiết ra ngoài.

CÁCH NGỒI THAM THIÊN

Phải ngồi thông thả. Bên Thiên Trước người ta có thói quen ngồi kiết già, mình chớ nên bắt chước theo, không ích chi cả. Phải ngồi xếp bằng trên ván, trên bộ ngựa và ngay thẳng lưng; đây là điều cần thiết để thần lực lưu thông dễ dàng theo ba đường gân trong xương sống. I đa bên trái, Banh ga la (Pingala) bên tay mặt và Sút hum na (Soushumna) ở chính giữa.

Xin quý bạn nhớ rằng tham thiên đặng luyện cái Trí chớ không phải luyện xác thịt.

Lúc ban sơ mới tập nên nhắm mắt và lỗ tai nên bịt gòn đặng đừng nghe và đừng thấy. Hễ nghe và thấy cái nào thì cái Trí bắt chú ý tới đó, như thể hóa ra xao lãng.

PHÒNG RIÊNG ĐỂ THAM THIỀN

Nên có phòng riêng để tham thiền. Trong đó nên thường đốt nhang trầm và treo những hình ảnh đạo đức. Không nên cho người không có tâm đạo vào đó: chẳng phải ta ích kỷ song họ tới gieo tư tưởng không tốt thì chúng nó sẽ khuấy rối mình. Không có, cũng không hề chi, ngồi chỗ nào cũng được, tùy thích.

PHẢI THAM THIỀN LUÔN LUÔN ĐỪNG GIÁN ĐOẠN

Muốn thấy kết quả tốt đẹp phải tham thiền mỗi bữa cho đúng giờ, đừng bỏ qua ngày nào, trừ ra lúc bệnh hoạn không thể ngồi được thì niệm những câu chơn ngôn. **Đó là tập cho có thói quen ngày sau giờ phút nào đi, đứng, nằm, ngồi cũng phải tham thiền luôn luôn.**

Tại sao thế? Bởi vì mỗi giờ phút đều có sự thay đổi những nguyên tử ở trong cái Vía và cái Trí ta luôn luôn. Tham thiền là chọn lựa những nguyên tử tốt để làm cái Vía và cái Trí của ta; cũng như

ta chọn lựa đồ ăn tinh khiết để nuôi xác thân; nhờ thế chúng nó mới trở nên mạnh mẽ và tốt đẹp.

Nhưng nếu trọn ngày, 16 giờ (bỏ 8 giờ giấc ngủ ra) ta tham thiền có nửa giờ còn 15 giờ rưỡi kia ta không ở trong phòng nhập định thì sự thay đổi những nguyên tử trong cái Vía và cái Trí của ta thế nào? Ta nên nhớ ta chưa trọn lành thì tự nhiên ta có những ý muốn quấy quá, ích kỷ, mong lợi cho mình hơn là những tư tưởng giúp đời, xả thân vong kỷ. Cái Vía và cái Trí của ta sẽ chứa đầy những nguyên tử xấu hợp với bản tánh của tư tưởng và ý muốn đó. Ta sẽ tiến rất chậm. Cũng như một hồ nước dơ trọn ngày ta xả nước có nửa giờ rồi nghỉ, mà trong lúc nghỉ đó ta để nước dơ khác chảy vô hồ nữa thì tới chừng nào cái hồ mới cạn. Thế nên ta phải để tâm trí nghĩ đến những việc cao thượng và kiểm soát tư tưởng luôn luôn.

ĐỀ PHÒNG

Trong lúc tham thiền mà thấy trong xương sống nóng rần, nhứt là gần xương khu, thì ngừng liền. Đó là điềm luồng hỏa hậu khởi sự đi. Luồng hỏa hậu này dữ tợn phi thường, nó đi tới đâu đốt các tánh xấu tới đó và hại lớn là sự giao hiệp.

Phải ngưng tham thiền vài bữa. Nếu ngồi lại mà cũng nóng rần, nên dứt luôn, lo sửa tánh tốt.

Bên Thiên Trước trong lúc tham thiền đại định, các vị đạo sĩ Đô ghi (Yogui) bay bổng lên cao, trong một chập hạ xuống. Lúc tham thiền hơi thở ban đầu nhẹ nhàng, sau dường như dứt hẳn. Đừng sợ, một chập sẽ thở lại.

Có khi hồn lên tới cõi Thương Giới, chừng trở về nhập xác té ngựa ra hay là ngã chúi tới đấng trước. Muốn đề phòng, tốt hơn là đừng ngồi trên ghế, phải ngồi trên bộ ngựa, dựa vách và để một cái gối trước mặt.

Sau khi dứt tham thiền, lấy tay vỗ trán và chà vài cái rồi xây mình từ bên mặt qua bên trái và từ

bên trái qua bên mặt vài lần đặng khỏi choáng váng.

HƯỜN HƯ ^[8]

Làm việc cả ngày mệt nhọc, phải tập hườn hư đặng bồi bổ sức lực lại. Hườn hư tức là để cái trí trống không, chẳng tưởng tới cái chi cả, đó là một cách định trí.

CÁCH TẬP: Nằm ngửa, bỏ hai tay xuôi theo mình, nhắm mắt, trong trí đừng tưởng cái chi hết. Việc này rất khó, nhưng phải tập cho quen. Ban đầu không tưởng một giây, sau hai giây, lần lần tới nửa phút, một phút; tới hai phút đã khá rồi. Hễ hườn hư hai phút được thì ba phút, bốn phút, năm phút dễ dàng.

Tập hườn hư cho thành công rồi thì được nhiều điều lợi như:

- một là: tập cái Trí vâng theo mạng lệnh của mình.
- hai là: dưỡng sức khỏe (sau khi làm việc mệt nhọc).

- ba là: nằm xuống ngủ liền không thao thức, trần trọc.

- bốn là: sau để tập Đại định và có thể nghe tiếng gọi của Chơn nhưn trong lúc tham thiền.

ĐẠI ĐỊNH (Contemplation)

Từ lúc bắt đầu tham thiền cho tới khi Đại định được thì phải trải qua một thời gian khá lâu, từ 15 hoặc 20 năm hoặc trên nữa. Thật ra không nhứt định là bao lâu, 2 năm, 3 năm hoặc 3 – 40 năm vì điều này tùy thuộc công phu kiếp trước và công phu kiếp này. Nếu mới khởi sự tu kiếp này hay là mới tu có một hai kiếp, thì thời gian này phải kéo dài ra bởi vì không phải dễ mà làm chủ cái Trí đầu. Nếu chưa điều khiển được cái Trí thì không thể nào tham thiền được, nói chi là tới Đại định. Phải đi từ chỗ thấp lên chỗ cao, từ cái dễ đến cái khó, và trải qua từ cấp bậc cũng như một đứa trẻ 6 tuổi mới cấp sách vô trường Tiểu học thì ngồi lớp Năm rồi mới lần lần lên tới bậc Trung học và

Đại học. Không bao giờ có một đứa trẻ mới 6 – 7 tuổi mà hiểu được những bài vở của ban Đại học, mà dẫu có thật một em nhỏ như vậy đi nữa thì ấy cũng là một ngoại lệ bởi vì cậu này kiếp trước đã xuất thân Trường Đại học và kiếp này còn nhớ những điều cậu đã học. Đây là một câu chuyện bất thường bởi vì mỗi người khi đầu thai lại thì đều quên hết những chuyện kiếp trước của mình.

Bây giờ xin trở lại câu chuyện Đại định.

HAI THỨ ĐẠI ĐỊNH

Có hai thứ Đại định:

1.- Một thứ là Đại định “Có ý thức”, nghĩa là tâm thức hướng về những vật ở ngoại giới – tiếng Phạn là Sampragnata Samadhi.

2.- Một thứ là Đại định “Không có ý thức”, nghĩa là tâm thức hướng vô trong – tiếng Phạn là Asampragnata Samadhi.

HAI CÁCH ĐI TỚI ĐẠI ĐỊNH

Có hai cách đi tới Đại định:

1.- Cách thứ nhất để cho người trí thức.

Trong lúc tham thiền, khi đi tới điểm chót của lý luận rồi thì cái trí không còn giúp ích chi được nữa, hãy trụ vào điểm chót đó. Đừng nghĩ ngợi cái chi nữa, để cái trí trống không rồi chờ đợi.

2.- Cách thứ nhì để cho người sùng đạo.

Dừng sức tưởng tượng tạo ra trong trí hình ảnh của một đấng cao cả như: Đức Phật, Đức Bồ Tát hoặc một vị Chơn sư . . . đem tâm mình nhập vô tâm của Ngài rồi trụ vào đó mà chiêm ngưỡng ngây ngất, nghĩa là không tưởng cái chi ngoài việc đó. Lâu chừng nào tốt chừng nấy.

TRẠNG THÁI CỦA CÁI TRÍ TRỐNG KHÔNG LÚC NÀY

Ta nên hiểu: Trong lúc này cái Trí trống không thuộc về trạng thái hoạt động.

Ta hãy xem con diều hay con ó đương lơ lửng trên không trung, ta thấy nó xòe cánh ra mà không đập cánh như lúc nó bay. Tuy nhiên không phải nó làm biếng đâu, trong lúc này nó gom hết

sức lực đặng giữ vững thăng bằng. Nó còn làm việc hơn lúc nó bay nữa.

Trạng thái trống không của người luyện đạo khác hẳn trạng thái trống không của người đồng cốt. Đồng cốt để cái Trí trống không một cách thụ động đặng chờ người khuất mặt nhập xác.

Trái lại trong lúc để cái Trí trống không mà người luyện Đạo thấy một ảnh hưởng lạ muốn ám ảnh mình thì đuổi nó đi lập tức. Đây có nghĩa là trong lúc tập luyện vẫn tỉnh táo chớ không phải hôn mê.

TIẾNG NÓI VÔ THINH

Đại định một thời gian thì tới một ngày kia con người tiến tới một trạng thái gọi là bị mây mù bao phủ, tiếng Phạn là Dharma Megha, nghĩa là Vầng Mây Chơn Lý. Các nhà học đạo Tây phương gọi là Đám Mây Trên Đỉnh Núi hay là Đám Mây Trên Thánh Điện. Trong thâm tâm, con người biết rằng mình không bị lẻ loi nhưng mà không thấy chi cả. Dường như anh bị treo lơ lửng trên một chỗ trống

không, tối tăm mờ mịt, vô cùng kinh khủng bởi vì anh chỉ có một mình và in như đã chết rồi. Nhưng anh đừng sợ chi cả. Anh hãy bình tĩnh và nói "Tôi là Thượng Đế". Đâu đâu cũng có sự sống của Thượng Đế. Ngài ngự khắp mọi nơi, tức thì mây mù ta mất lần lần. Tâm thức cao siêu của anh vụt mở ra.

Trong lúc đó một tiếng vang lừng nổi lên phá tan cảnh tịch mịch, ấy là Tiếng Nói Vô Thinh, tiếng nói của Chơn sư hay là tiếng nói của Chơn ngã.

Chẳng những anh nghe được Tiếng Nói Vô Thinh mà anh còn thấy được sự tốt đẹp của Chơn ngã nữa.

- Có tiêu chuẩn nào để biết mình đi đến mức Đại định chăng? Có, ấy là muốn tưởng thì tưởng, không tưởng thì thôi, cái Trí không hề xao động. Chưa tới mức này thì không bao giờ Đại định được. Thế nên mỗi ngày phải tập Hườn hư đó là bước đầu tiên đi đến Đại định. Người đệ tử lúc nào cũng quì dưới chơn của Sư phụ mình.

Tôi xin lưu ý quý bạn về điểm này – những lời giải trước đây là Toát yếu của những Nguyên tắc Căn bản về sự Định trí và Tham thiên. Tuy vẫn tắt song vẫn đầy đủ cho những người mới học Đạo, những chỗ khó khăn đều giải ra.

Tôi tưởng cũng phải nói thêm rằng ngày sau khi quý bạn có đủ những điều kiện do luật Trời qui định, **thì quý bạn sẽ được Chơn sư thân quý bạn làm đệ tử và chỉ cho quý bạn cách tham thiên riêng hạp với quý bạn đặng quý bạn tiến tới mau. Nó vốn khẩu khẩu tương truyền.**

Không bao giờ hai vị đệ tử tham thiên in như nhau.

Không có một sự tham thiên nào để chung cho tất cả mọi người từ đâu tới cuối. Nó phải thay đổi tùy theo những giai đoạn tiến hóa. Cũng không ai cầm bút diễn tả được cái hay cái đẹp của sự tham thiên, mỗi người phải thực hành rồi tự hiểu lấy, cũng như những món ăn, không ăn thì không hề biết mùi vị của chúng ra thế nào cả.

Những cách tham thiền chỉ trong sách vở là những cách tham thiền tổng quát, chúng nó giống như những tấm bản đồ chỉ đường cho những khách lữ hành biết chỗ nào hiểm nguy phải tránh, phải đi cách nào và đi đến đâu thì đề phòng đặt để tiến, chỉ có thể thôi.

CÔNG PHU HẰNG NGÀY

Tôi xin nói vài lời về việc Công phu hằng ngày, nghĩa là một cách tổng quát rồi quý bạn mới nhập môn coi theo đó đặt áp dụng vào trường hợp của riêng mình.

3 lần mỗi ngày

Mỗi ngày công phu ba lần.

Sớm mai khi mới thức dậy; Trưa, đúng Ngọ; Chiều hay Tối trong khoảng từ 6 giờ rưỡi tới 10 giờ (22 giờ), luôn luôn phải trước bữa ăn hoặc cách xa hai giờ sau khi dùng bữa.

I. SỚM MAI

Sau khi thức dậy (không định được mấy giờ, điều này tùy thuộc tuổi tác và công việc làm ăn, nhưng thức được 5 giờ rưỡi sáng càng tốt) rửa mặt, súc miệng, thay đổi y phục rồi – ngồi xếp bằng ngay thẳng lưng trên ván, trên bộ ngựa . . . tùy tiện, nhắm mắt lại rồi thực hành những điều sau đây:

A. – Trước nhất. CẦU NGUYỆN, đọc nho nhỏ hay đọc trong lòng hai bài Kinh này. Bài đầu hoặc bằng chữ Phạn hoặc bằng tiếng Việt tùy ý.

3 lần

1) Bài Kinh cầu nguyện chữ Phạn

AUM ! Saha nau avatu sahanau bhunaktu.

Saha Viryam karavavahai tejasvi.

Navadhitam astu mavidvishavahai.

AUM ! Shanti ! Shanti !

2) Bài Kinh cầu nguyện chữ Việt

AUM ! Cầu xin các Đấng Chơn sư ban ân lành, che chở cho chúng con, và giúp cho chúng con được thông minh sáng suốt chuyên tâm học Đạo để đi đến đài Minh Triết và giác ngộ thiêng liêng. Chúng con cầu xin cho tình Bác ái được phổ biến khắp cả mọi nơi và cầu nguyện cho vạn vật được Thái bình. AUM !

3) Bài Kinh cầu nguyện chữ Việt

a.- Cầu xin những quyền lực của ánh sáng mang sự giác ngộ đến cho nhơn loại.

b.- Cầu xin Tinh thần Hòa bình bủa rải khắp thế gian.

c.- Cầu xin ở khắp nơi, những người có thiện chí gặp nhau trong một Tinh thần cộng tác.

d.- Cầu xin thần lực hộ trì những sự cố gắng của các Đấng Cao Cả.

B. – Tưởng đến Chơn thân

Cầu nguyện xong thì tưởng đến cội rễ của mình là Chơn thần. Hãy niệm nhỏ nhỏ hay niệm trong lòng **3 lần câu này.**

“Hỡi Atman (Átman) ! Chơn linh cao cả, toàn năng, toàn thiện, vô sở bất tại ! Ngài là tôi, tôi là Ngài. Ngài như thế nào tôi như thế ấy”.

Ngoài ra, mỗi giờ nên niệm câu này 2 – 3 lần, nhiều nữa càng tốt. Câu này sẽ mở rộng đường thông thương giữa Chơn nhơn và Phàm nhơn dễ dàng. Con người sẽ tiến mau vì biết được bản tánh thiêng liêng của mình.

C.- Tham thiền

Nên dùng hai cách:

- 1) Tham thiền đặng làm chủ ba thể: Thân, Vía, Trí.
- 2) Tham thiền một tánh tốt

I. THAM THIÊN ĐẲNG LÀM CHỦ BA THỂ: THÂN, VÍA, TRÍ

Trong các cách tham thiên đầu tiên, duy có cách này đáng cho ta chú ý hơn hết và đáng thực hành hơn hết, vì đây là cái gốc. Một khi làm chủ được ba thể rồi thì bước mau tới cửa Đạo, nơi đó người ta mới chỉ cho sanh viên **thấy cơ tiến hóa Thái dương hệ tức là tiếng chót của khoa học**. Sanh viên sẽ biết cái nguyên nhân và học tập cách tạo ra hình thể của vạn vật, hay là sự sống chớ không phải cứ quan sát hình thể và chỉ biết vật chất mà thôi, thay vì phải tìm hiểu tinh thần ở bên trong nó nuôi sự sống và điều khiển vật chất. Muốn tham thiên cách này thì trước hết phải xem xét xác thân xong rồi thì bỏ nó qua một bên, kế nghĩ tới cái Vía. Hết cái Vía tới cái Trí. Cuối cùng ta đi đến Chơn như ở cõi Thượng Thiên.

1.- XÁC THÂN

Xem xét xác thân, rồi nói trong lòng như vậy:

Xác thân này không phải thật là tôi đâu. Nó chẳng qua là một khí cụ của trời sanh để cho tôi dùng đặng hoạt động ở cõi Trần. Nó là đũa tôi tớ của tôi. Nó vẫn tráng kiện, tinh tấn, có tiết độ và siêng năng, ngoan ngoãn vâng lời, không bao giờ ương ngạnh.

Xong rồi để nó qua một bên và nghĩ tới cái Vía.

2.- CÁI VÍA

Cái Vía cũng không phải thật là tôi. Nó là lớp áo thứ nhì của tôi mặc để học hỏi ở cõi Trung giới và biểu hiện những tình cảm và những ý muốn thanh cao, tốt đẹp.

Nó chiếu ra những làn hào quang của những đức tánh từ bi bác ái, nhẫn nại, khoan dung, bất vụ lợi và hy sinh triệt để. Nó thuận hòa với tất cả mọi người bất kể là ai.

3.- CÁI TRÍ

Cái Trí cũng không phải thật là tôi nữa. Nó là lớp áo thứ ba của tôi mặc để học hỏi và kinh nghiệm ở cõi Trần và cõi Hạ Thiên.

Từ đây nó chỉ được phép sanh ra những hình dạng nào mà ý tôi quyết định. Nó sáng suốt minh mẫn và không còn ứng đáp với cảnh vật ở trước mặt nó hay là những làn sóng rung động từ ngoài đưa đến.

Nó yên lặng và thanh tịnh như mặt nước hồ thu và tiếp nhận một cách đúng đắn trực giác ở mấy cõi cao đưa xuống.

4.- TÔI LÀ CHƠN NHƠN

Xong rồi bỏ cái Trí qua một bên rồi quả quyết trong lòng như vậy: "Tôi là Chơn nhơn, tôi ở quê hương của tôi là cõi Thượng Thiên vô cùng tốt đẹp.

Thân, Vía, Trí là ba thể mà tôi thường dùng hằng ngày. Tôi là chủ nhơn ông, chúng nó là những tay chơn bộ hạ của tôi.

Tôi làm Một với vạn vật. Các giống dân tộc trên địa cầu vốn là Huynh đệ của tôi, tôi phải lo giúp đỡ và phụng sự họ tùy theo khả năng của tôi”.

II. THAM THIÊN MỘT TÁNH TỐT

Trước nhứt ta nên biết: Có một luật thiên nhiên như sau đây:

“Khi ta tưởng tới một tánh nào đó mãi thì trong một thời gian sau ta sẽ có tánh đó”. Nó sẽ là thành phần của tánh nết ta, nó biểu lộ ra một cách tự động mà ta không ngờ, thật đúng với câu “Con người tưởng điều gì thì sẽ thành ra điều đó”.

Hiểu định luật này rồi thì ta có thể rèn luyện những tánh tốt một cách chắc chắn và tránh xa các tánh xấu.

Muốn đừng nhiễm tánh xấu thì đừng tưởng tới nó, đừng nhớ tới nó, đừng nghĩ tới nó, đừng nói tới nó, tức là đừng cho nó vô trí ta. Nếu rui nó nhập vô rồi thì phải lập tức đuổi nó ra, bằng cách tưởng tới tánh tốt đối lập với nó. Chỉ có phương

pháp này là hay hơn hết để diệt trừ những tư tưởng xấu.

CÁCH LUYỆN TẬP MỘT TÁNH TỐT

Sau khi tham thiền đặng làm chủ ba thể rồi thì ta hãy ngồi suy nghĩ tới đức tánh mà ta muốn có, trong 5 – 7 phút tùy theo sức chủ ý của ta.

Ta xem xét đủ hết các khía cạnh của nó rồi nói: Tôi có đức tánh . . . , nó là thành phần của tôi (Xin quý bạn xem những bài giải văn tắt về 12 đức tánh trong chương thứ ba).

PHẢI KIÊN NHẪN, PHẢI BỀN CHÍ

Mỗi buổi sáng nào cũng phải tập như vậy, đừng bỏ qua bữa nào cả, nếu quý bạn mới tập có một tuần lễ, kể nghỉ hai ba tháng, lần sau quý bạn khởi sự lại trong vài ngày, kể nghỉ nữa. Cả năm cứ làm như vậy mãi thì cái kết quả sẽ ra thế nào?

Mỗi lần tập thì quý bạn tạo ra một hình tư tưởng của các đức tánh đó. Quý bạn nên nhớ, hình tư tưởng là một sanh vật, cũng như một con thú,

có đồ ăn nó mới sống lâu, không có đồ ăn nó sẽ chết mất. Quý bạn mới nuôi dưỡng nó có một tuần lễ, mà mỗi ngày có vài phút đồng hồ rồi nghỉ cả tháng không cho nó đồ ăn nữa thì tự nhiên nó sẽ ốm rồi chết đi, nó chết tức là nó rã ra chất Thượng Thanh Khí như trước.

Lần nào cũng như lần này, hình tư tưởng có còn sống dai đâu mà giúp được quý bạn.

Tham thiền như thế đó đừng nói một năm, dầu có mười năm đi nữa cũng không đem lại hiệu quả tốt đẹp nào cả.

Có người tham thiền được một ít lần mà không thấy sự thay đổi trong tâm tánh bèn ngã lòng bỏ luôn rồi nói: “Phương pháp đó rất dở không hiệu nghiệm gì hết”. Sự thật không phải tại phương pháp mà tại ông bạn đó không làm như lời đã chỉ bảo, không hành động đúng theo luật của thiên nhiên.

Chắc chắn quý bạn đã biết. Trọn một đời chưa ắt dứt được một tật xấu mà cũng không hẳn tập

được một tánh tốt chỉ vì tại không biết hay là không tuân theo phương pháp chỉ định.

Sự lập hạnh đòi hỏi một thời gian khá lâu. 15 – 20 năm rồi kéo dài từ kiếp này qua kiếp kia cho tới khi con người trở nên trọn sáng trọn lành làm một vị Chơn Tiên.

Hãy bền chí ! Hãy kiên nhẫn !

ĐỪNG SỢ THẤT BẠI

Trong lúc ban đầu luôn luôn có sự thất bại, nhưng đừng sợ, đừng ngã lòng, cứ lo tiến tới. Có thất bại, sau ta mới trở nên khôn ngoan hơn trước. Thí dụ quý bạn đương tập tánh “Ngay Thật” trong tháng này, bỗng có một việc đưa đến làm cho quý bạn không giữ lời hứa được, quý bạn phạm tội nói dối. Quý bạn sẽ ăn năn và nói: “Bậy quá, ta phải ngay thật một chút chớ”. Trải qua nhiều lần như vậy, tới một ngày kia, khi mở miệng muốn tráo trở thì quý bạn nhớ ngay tới tánh “Ngay Thật” liền. Quý bạn ngập ngừng, sau khi đó, tật nói dối không còn ám ảnh quý bạn một

cách mạnh mẽ như trước nữa. Quý bạn thắng lần thứ nhất thì sẽ thắng lần thứ hai, lần thứ ba, mặc dầu tất xấu chống lại một cách dữ dội trước khi đầu hàng.

Từ đó về sau tánh "Ngay Thật" là thành phần tánh nết của quý bạn rồi. Quý bạn sẽ luôn luôn ngay thật, ngoại trừ vài trường hợp hiếm có, tức là "bất đắc dĩ không thể nói thật được".

Về mấy tánh tốt khác cũng vậy, xin quý bạn nhớ rằng: Không có đủ những đức tánh của luật Trời qui định thì không thể nào được Chơn sư thân làm đệ tử và cửa Đạo vẫn đóng chặt. Quý bạn nào có đọc quyển "*Dưới Chơn Thầy*", "*Con đường của người đệ tử*", "*Trước thềm Thánh điện*", "*Người phụng sự*", "*Trước thềm đạo*" . . . đều biết rõ điều này.

Trong chu kỳ tiến hóa này, về phương diện luân lý đạo đức, hầu hết nhưn loại giống như những trẻ nít mới 6 – 7 tuổi, cần phải học tập, cần phải được dẫn dắt, dạy dỗ và giác ngộ luôn luôn.

Phải có ý chí cứng cỏi thì chúng ta mới thắng được các chướng ngại chằng chầy thì kíp.

Đừng quên rằng chúng ta là những vị Tiểu Thượng Đế có sẵn trong mình tất cả những quyền năng của Đức Thượng Đế. Chỉ cần có một điều phải ra công luyện tập đặng mở mang và sử dụng chúng nó theo ý chúng muốn.

Ai có gan dạ, ai giỏi chịu đựng thì tới trước, ai nhút nhát yếu đuối thì tới sau. Chung cuộc ai ai cũng tới mục đích của Đức Thượng Đế đã định sẵn cho con người trong vũ trụ này.

Nhưng mà ai chậm trễ, ham vui chơi, không lo bổn phận thì sẽ chịu không biết bao nhiêu nỗi thất vọng, đau khổ, có khi kéo dài cả chục muôn hay cả chục triệu năm như vậy, trong khi đó những bạn đồng hành đã qua hạng Siêu phàm nhập Thánh lâu lắm rồi.

Chỉ có bao nhiêu đó là sự khác biệt giữa những Linh hồn tiến hóa không đồng bực với nhau.

THỜI GIAN THAM THIÊN

Không nhứt định được phải bao lâu. Việc đó còn tùy thuộc sự tiến hóa của mỗi người. Hai cách tham thiền nói trên đây, mới nghe qua thì nhiều nhưng khi đem ra thực hành thì lối 10 – 15 phút đã đủ hết. Ban đầu thì khó khăn thật, song khi có thói quen rồi thì lần lần nó sẽ hóa ra dễ dàng.

TRONG NHỮNG GIỜ LÀM VIỆC

Trong những giờ làm việc tại Công hay Tư sở chúng ta nên giữ thái độ của người đã đạt được chơn lý, nghĩa là chúng ta có bốn phận phụng sự đồng bào mà không bao giờ vụ lợi. Mỗi việc nào cũng phải làm cho chính chắn, chu đáo, hoàn tất, không hề bao giờ có việc “chấm câu ăn tiền” như tục thường nói. Việc nào cũng là thiêng liêng cả. Chúng ta làm đây là làm cho Đức Thượng Đế và không bao giờ tưởng tới công quả. Trong Đạo đức gọi là trong Hữu vi có Vô vi.

Chúng ta tập tánh đoạn tuyệt, rồi lần lần những việc làm của chúng ta, dầu là tốt đẹp thế

mấy cũng không còn trói buộc chúng ta vào bánh xe Luân hồi nữa.

Trời sẽ ban thưởng chúng ta một cách khác là cho tâm trí của chúng ta càng ngày càng thêm mở mang sáng suốt và chúng ta có nhiều cơ hội giúp đời hơn trước. Nhờ thế mà chúng ta mới mau thành chánh quả làm một vị Chơn Tiên.

II. TRƯA ĐÚNG NGỌ

Cũng tham thiền như sớm mai, nếu không tiện thì nhớ tới đức tánh đương tập và niệm nhiều lần câu:

"AUM ! Hỡi Atman (Át măn) Chơn linh cao cả, toàn năng, toàn thiện, vô sở bất tại. Ngài là tôi, tôi là Ngài. Ngài như thế nào tôi như thế ấy".

III. CHIỀU HAY TỐI

[Trong khoảng từ 6 giờ rưỡi (18 giờ 30) tới 9 giờ rưỡi (21 giờ 30)].

Cũng tham thiền như buổi sớm mai.

Mỗi ngày nên xem những kinh sách Đạo đức và những báo chí khoa học đặng mở mang kiến thức. Phải lo mở tâm và mở trí một lượt. Tâm trí điều hòa rồi mới giữ được thăng bằng, sẽ tiến mau tới cửa Đạo và giúp đời một cách hữu hiệu.

TỰ TỈNH

Tối trước khi đi ngủ nên kiểm soát lại những tư tưởng và những hành vi của mình trọn ngày. Nhưng phải bắt đầu từ tối trở ngược lại sáng, chớ không phải từ sáng đến tối. Phương pháp này mở mau lệ trí nhớ. Thí dụ 10 giờ rưỡi (22 giờ 30) ta đi ngủ thì hồi 10 giờ ta ngồi suy nghĩ coi hồi 9 giờ rưỡi ta tưởng cái chi, làm cái chi, rồi hồi 9 giờ, 8 giờ 30 - 8 giờ . . . cho tới lúc 6 giờ sáng khi ta mới thức dậy. Nếu ta làm được việc lành thì nên cố gắng làm thêm nhiều nữa. Trái lại nếu có lỗi lầm thì ăn năn rồi suy nghĩ đặng sửa đổi cách tư tưởng, hành động hầu sau này không gây ra oan trái nữa. Sám hối rất tốt song đừng nhớ tới mãi lỗi cũ như cách người ta đã chỉ bảo bấy lâu nay.

Bởi vì nhớ tới lỗi cũ chừng nào thì càng dễ phạm lại lỗi đó chừng này, e không phải một lần mà còn nhiều lần nữa. Đừng buồn bực, đừng tức tối, không ích chi cả. Cái chi qua rồi, đã qua, chúng ta không sửa đổi quá khứ được. Hãy lo gây dựng tương lai là điều cần thiết và tối quan trọng. Hãy dùng những tư tưởng và những hành vi tốt đẹp để sửa đổi số mạng của chúng ta kiếp này và kiếp sau nữa.

CHÍ CÔNG MÀI SẮT CHẦY NGÀY NÊN KIM

Hỡi quý bạn thân mến ! tôi lập lại nơi đây một cách vụng về những điều mà chúng tôi đã học hỏi với mấy vị Sư Huynh của chúng tôi. Cầu xin những lời giáo huấn này giúp đỡ được quý bạn phần nào cũng như bấy lâu nay nó là cây kim chỉ nam của anh em chúng tôi vậy.

Lành thay ! Lành thay ! Lành thay !

BẠCH LIÊN

PHỤ TRƯỞNG

NHỮNG LỜI CHỨNG MINH VỀ MÀU SẮC CỦA NHỮNG HÌNH TƯ TƯỞNG

Tôi xin đem hai đoạn sau này trong cuốn *“Phương pháp Khoa học kim thời của sự Truyền Từ điển, Thôi miên, Gợi cảm của ông Paul C. Jagot* trang 152, (Méthode scientifique moderne de Magnétisme, Hypnotisme, Suggestion page 152) để chứng về màu sắc của hình tư tưởng.

. . . “Les théosophes, qui ont poussé très loin l’étude de certaines manifestations psychiques ont pu établir, grâce à certains clairvoyants, les loi de l’émission radiante qui contours extrêmement variés, émanent, disent-ils, de notre être pensant. La qualité de nos pensées détermine la couleur de ces formes, leur nature correspond aux contours et leur précision à la netteté de ces derniers.

Or, nous avons reçu, de personnes auxquelles toute étude théosophique ou occultiste est étrangère, la description de formes colorées tout

à fait semblables à celles qui illustrent les écrits des maîtres de la théosophie sur le sujet !”

Xin dịch đại ý:

. . . *“Những người Thông Thiên Học nghiên cứu rất sâu xa về những hiện tượng tâm linh, nhờ vài người có thần nhãn họ xác định được những luật của sự phát xạ của tư tưởng. Họ nói rằng chúng ta sanh ra những hình tư tưởng có màu sắc nhưng mà châu vi của những hình này khác biệt nhau rất xa. Phạm của những tư tưởng qui định màu sắc của hình tư tưởng, bản tánh của tư tưởng làm ra châu vi và sự rõ rệt của châu vi tùy thuộc sự minh bạch của tư tưởng”.*

Thì ra, chúng tôi lại được những người không hề khảo cứu về Thông Thiên Học hay là huyền bí học trạng tả cho chúng tôi nghe những hình có màu sắc giống hệt những hình tư tưởng của các nhà lãnh tụ phái Thông Thiên Học đã vẽ trong những sách của họ viết ra !”

*

Đọc đoạn trên chắc hẳn quý bạn đã biết, những bạn của ông Paul C. Jagot đều có thần nhãn. Một vài vị ấy chứng minh rằng: Những lời của phái Thông Thiên Học nói về tư tưởng có hình dạng và màu sắc vẫn đúng với Chơn Lý.

Tỷ như trong cái Vía của người tiến hóa thì:
Màu lục chỉ về tánh thiện cảm và thích nghi.
Màu hương là có lòng từ ái.
Màu xanh là có lòng mến Đạo.
Màu vàng là dấu hiệu khôn ngoan.
Màu tím ở trên đầu chứng tỏ được trạng thái mở mang về phần tinh thần.

CHƯƠNG THỨ BA

[mục lục đầu sách](#) [cuối sách](#) [chương 1](#) [chương](#)

[2](#) [chương 3](#)

LẬP HẠNH LÀ ĐIỀU KIỆN TỐI CẦN

Từ xưa đến nay và cho tới muôn đời sau, lập hạnh là điều kiện tối cần của người đời và nhất là những người muốn tầm chơn lý.

Đức Phật dạy đạo **Bát Chánh**.

Đấng Christ bảo: **“Hãy trọn lành như Cha các người ở trên trời trọn lành vậy”**.

Đức Khổng Tử khuyên: **“Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”**.

Con người có thể làm một vị thượng tướng trong tay cầm bá vạn hùng binh, trăm trận trăm thắng, nhưng mà mình thắng lấy mình là một việc còn khó khăn gấp trăm lần chiến thắng kẻ nghịch. Mình thắng phục mình được rồi mình sẽ thắng phục được Tạo vật. Trước khi nói đến sự luyện tập tánh tình tôi xin hiến quý bạn câu chuyện dưới đây:

CHUYỆN SOCRATE THÊU XÉNOPHON LÀM ĐỆ TỬ

Một ngày kia Socrate đi dạo trong thành Nhã điển (Athènes) ^[9], bỗng gặp một thanh niên mặt mày sáng láng. Ngài định thâu nạp cậu này làm đệ tử. Ngài bèn lấy gậy chặn đường cậu lại và hỏi: “Cậu biết ở đâu bán bánh mì và thịt không?” Xénophon bèn đáp: “Tôi biết lắm, Ngài kiếm mấy

món đó tại chợ A gô ra (Agora)". Socrate không hạ cây gậy xuống và hỏi thêm: "Còn người ta mua giày dép và quần áo chỗ nào?". Xénophon bèn chỉ mấy người bán hàng cho Socrate. Socrate mới nói: "Tốt lắm. Cậu đã biết nhiều chuyện hữu ích rồi, bây giờ đây cậu có rõ ở đâu mà người ta học hỏi đặng làm một vị thiện nhân không?".

Chuyện này Xénophon làm tỉnh và thẹn đỏ mặt. Socrate bèn nói: "Nếu mà cậu dốt chuyện trọng yếu hơn hết thì mấy cái còn lại cậu biết có ích gì không?"

"Cậu để trí thức của cậu làm gì nếu cậu không biết dùng nó đặng làm việc thiện? Nó ở với cậu cũng như một khí cụ nằm trong tay một người không kinh nghiệm. Va quơ bậy quơ bạ, nó sẽ phạm vào tay chơn va, chớ va không tiến tới trong nghề nghiệp chút nào"

Khi thấy Xénophon đứng sững sờ trước mặt mình và hổ thẹn vì bấy lâu nay bỏ luống môn học thức chánh đáng. Socrate bèn nói: "Thôi cậu hãy

theo tôi, chúng ta sẽ nghiên cứu khoa học làm kẻ thiện nhân”.

Từ đó Xénophon theo Socrate học tập và sau trở nên một bậc vĩ nhân đã làm rạng danh cho quê hương là xứ Hi Lạp.

*

Học đạo không khác nào cất một cái nhà, trước hết phải lo đắp nền tảng cho vững chắc, chẳng vậy, nếu một trận giông thổi tới không biết ngày giờ nào thì nó sẽ sụp đổ tan tành. Nền đạo là đức hạnh.

Người đời có thể luyện được phép kêu mưa hú gió, sai đậu thành binh, sai thần khiến quỷ, chỉ đá hóa vàng, song nếu không có đủ đức hạnh của luật trời qui định thì không hề khi nào được đứng tên trong bộ Tiên Ban. Người có thần thông thường ỷ tài làm quấy, thế nên phải bị muôn kiếp trầm luân.

Vậy thì chúng ta phải lo tu tâm luyện tánh trước nhứt và chớ nên ham phép tắc mà kêu cái họa đến cho mình.

12 đức tánh cần thiết cho người học đạo là:

- | | |
|-----------------|----------------|
| 1. TỪ BI BÁC ÁI | 7. CAN ĐẢM |
| 2. BỒ THÍ | 8. THANH KHIẾT |
| 3. HY SINH | 9. BỀN CHÍ |
| 4. CHƠN THẬT | 10. KHÔN KHÉO |
| 5. THĂNG BẰNG | 11. TỰ TÍN |
| 6. KHOAN DUNG | 12. MẶC |

Mỗi tháng tập một đức tánh, trong một năm đủ 12 đức tánh. Khởi sự tháng nào cũng được. Nếu tháng đầu tập tánh TỪ BI BÁC ÁI thì tháng kế BỒ THÍ, tháng thứ ba HY SINH v. v. . . Hết tánh MẶC rồi qua năm sau trở lại TỪ BI BÁC ÁI như cũ. Phải tập 15 năm như vậy. Nếu hành đúng công phu như tôi đã nói trong bài tựa thì hết ba năm đầu đã khởi sự thấy cái kết quả rồi. Xin quý bạn chớ ngã lòng. Luyện tập tánh tình là vấn đề thời gian, không biết phương pháp thì trọn một kiếp e chưa tập được hai tánh tốt và dứt bỏ một tánh xấu. Không khéo thì kiếp này qua kiếp

kia tiền có vài bước trong khi đó người biết đạo đã đi xa cả trăm cây số rồi.

Luyện tập tánh tình tốt là gây dựng một cái gia tài vĩnh viễn trường tồn, chớ những vàng bạc châu báu của ta gom góp trong mấy chục năm xài được lâu lắm là một đời. Có khi chưa bỏ xác nó đã về tay người khác rồi. Còn gia tài thiêng liêng này theo ta đời đời kiếp kiếp, không rời bỏ ta. Kiếp này ta luyện tập được đức tánh nào thì kiếp sau ta sanh ra đã có sẵn đức tánh đó trong lòng ta. Thế nên ta thấy có nhiều đứa nhỏ mới ba bốn tuổi tự nhiên siêng năng, hiền hậu, ngay thật, biết bổ thí v. v. . . Ấy là nhờ mấy kiếp trước chúng nó đã tập được những tánh tốt này rồi.

Lời dặn cần kiếp: Quý bạn nên đọc hết 12 đức tánh. Nếu đương tập tánh Bổ thí mà gặp dịp thì cũng phải Can đảm, Hy sinh hay Khoan dung vậy. Không nên câu chấp và nhớ luôn luôn, ta phải TỰ

TÍN [\[10\]](#) mới đoạt được mục đích. Dám chắc mỗi ngày ta đều có cơ hội để tỏ ra thành thật, ôn hòa, chất phác, khiêm tốn v. v. . . .

NHỮNG ĐỨC TÍNH PHẢI TẬP

THÁNG THỨ NHỨT

TỪ BI BÁC ÁI

Có lòng Từ bi Bác ái tức là thương yêu muôn loài vạn vật, phá vách tường tranh chấp giữa Ta với Người. Lòng thương này phải như Trời cao bề rộng, vô tận vô biên, không phân biệt thân hay sơ, đồng chủng hay ngoại bang và bao hàm tất cả chúng sanh trong vũ trụ. Người có lòng Từ bi Bác ái đã hiểu rõ cơ Trời và biết rằng ngày nay thiên hạ tấn hóa không đồng bực với nhau là tại phàm nơn của mỗi người mỗi khác, có người sanh trước, có người sanh sau, có người siêng năng, có người biếng nhác, có người đã giàu kinh nghiệm, có kẻ lại bơ thờ. Bề ngoài thì như thế mà bên trong cả thấy đều đồng bản tánh thiêng liêng với

nhau và đều là Chơn thần toàn năng toàn thiện cả.

Lòng Từ bi Bác ái của con người khởi đầu trong tình mẹ thương con và bao giờ cũng sẵn sàng hy sinh cho nó.

Khi xưa Đức Phật Thích Ca có dạy: “Tất cả phương tiện thi hành trong kiếp này đặng đắc quả không bằng một phần mười sáu của lòng từ bi bác ái. Nay sanh lòng từ bi bác ái một lần là một việc còn cao quý hơn sự bố thí cho kẻ nghèo ba lần mỗi ngày với cả trăm bát đầy thực phẩm.

Ngài cũng nói: “Nếu các con muốn phụng sự Ta, hãy phụng sự kẻ đau ốm bệnh hoạn”.

Đức Jésus Christ cũng có dạy: “Các con giúp đỡ một em nhỏ mọn của Ta, tức là giúp đỡ Ta vậy”.

Một người chỉ tỏ được lòng bác ái cao cả là khi nào va hy sinh cho các bằng hữu của va.

Lòng từ bi bác ái là nguyên động lực của nhiều tánh tốt như bố thí, hy sinh, khoan dung và can đảm. . .

Đức Đế quân K. H. cũng có nói: “Có mấy tánh tốt khác mà thiếu lòng từ bi bác ái thì cũng như nước đổ xuống cát bị rút đi mất hết”. Thật vậy, mặc dầu có tánh ngay thẳng, siêng năng, cần mẫn, can đảm mà không dạ nhưn từ thì hóa ra gắt hiem, cộc cằn không ai chịu nổi cách ăn thối ở của mình và trọn đời mình cũng không thể làm bạn thân với ai được lâu, mà cũng không giúp ai được nhiều.

Muốn mở lòng từ bi bác ái thì ta phải lập làm những việc nhỏ mọn hằng ngày cho quen đặng sau gặp việc lớn lao mới đủ sức thực hành. Trọn ngày trước mặt ta thiếu chi những việc làm có tánh cách từ bi bác ái.

Một con thú đương đói, ta hãy cho nó ăn; một cành bông ngã xuống, ta hãy nâng lên; một miếng chai, một vỏ chuối nằm giữa đường ta hãy lượm bỏ vô giỏ rác; một con kiến té xuống nước, ta hãy vớt nó liền. Kìa một người ăn xin qua đường, ta hãy giúp họ tùy theo phương tiện của ta, nhứt là an ủi người, đừng cho người tủi lòng vì

cảnh cơ hàn hay tàn tật. Tìm công việc làm cho người thất nghiệp, bảo hộ những mẹ góa con cô, lo thuốc men cho những người bệnh hoạn tứ cố vô thân, binh vực những kẻ yếu đuối bị hiếp đáp vô cớ, khuyên nhủ trẻ em rón sức học hành và trau dồi hạnh kiểm, đừng sát chim chóc hay hành hạ hại thú vật vô tội . . .

“Đầu cành chim đậu xin đừng bắn,
Trong ổ con đương ngóng mẹ về”.

Đó là những việc phước thiện mà ai ai cũng có thể làm được. Nếu làm chưa rồi thì chớ nên mong mỏi tu hành trong một kiếp mà thành Tiên, thành Phật, đặng độ tất cả chúng sanh. Chuyện đó còn xa với lắm.

PHẢI THỰC HÀNH NHỮNG ĐIỀU ĐÃ SUY NGHĨ

Suy nghĩ về đức tánh nào thì phải thực hành về đức tánh đó trong sự giao thiệp và trong công việc hằng ngày của ta. Cái kết quả tốt đẹp không

phải ở nơi suy nghĩ việc phải mà ở nơi thực hành việc phải, không vì tư lợi.

Tục ngữ Pháp có câu: “**Đường đi âm phủ lót đầy những hảo ý**” (Le chemin de l’enfer est pavé de bonnes intentions).

NHỮNG GƯƠNG BÁC ÁI

1.- CHUYỆN THÁI TỬ ĐIỆC GA DU

Ngày kia anh em trong Tăng già có việc rầy rà với nhau nên chia ra hai phe, không phe nào nhin phe nào. Phật thấy vậy mới thuật sự tích của một vị Thái tử tên ĐIỆC GA DU như vầy: [\[11\]](#)

Thuở xưa có một vị hoàng đế xứ Cô Sa La tên là ĐIỆC GƠ TI bị vua xứ Ca Si là Bra ma đạt ta chiếm đoạt giang sơn, nên giả làm một ông thầy tu dắt vợ qua trốn tại thành Bê na rết. Qua đó ít lâu, hoàng hậu sanh đặng một đứa con trai đặt tên là ĐIỆC GA DU. ĐIỆC GA DU lớn lên thông minh xuất chúng. Vua mới dạy ĐIỆC GA DU lánh mình đi nơi khác và sợ e ở đó có ngày sẽ bị hại. Thật vậy, một ngày kia vua ĐIỆC GƠ TI bị một viên quan cừu

thần của ngài khi trước nhìn được nên đi tố giác với vua Bra ma đạt ta. Vua Bra ma đạt ta truyền lệnh bắt hai vợ chồng vua Điệt Gơ Ti xiềng lại, dẫn đi cùng đường rồi dạy đem ra ngọc môn chặt làm bốn khúc. Ngày đó Thái tử Điệt Ga Du trở về thăm cha mẹ. Hay tin ấy, Thái tử mới trà trộn theo bá tánh đến chốn pháp trường. Vua Điệt Gơ Ti thấy con bèn động lòng sa nước mắt, song làm bộ day mặt chỗ khác rồi nói lớn rằng: "Điệt Ga Du con ôi ! con đừng ngó xa lắm mà cũng đừng ngó gần lắm. Chẳng phải lấy oán trả oán mà oán đó tiêu, phải lấy ơn đáp oán thì oán mới dứt".

Khi vua và hoàng hậu bị hành hình rồi, Thái tử Điệt Ga Du trốn vào rừng tìm kế báo thù. Một ít lâu Thái tử bèn thay hình đổi dạng ra xin làm tên nài chăn voi cho vua. Thái tử tiếng tốt, đờn hay và giọng ca lãnh lót lắm. Tiếng đờn thấu tới tai vua, vua mới đòi vào ca hát cho vua nghe. Vua đẹp ý mới cho Thái tử hầu hạ một bên mình vua luôn luôn.

Một bữa kia Thái tử theo hầu vua đi săn. Quần thần ham săn thịt mới bỏ vua ở lại một mình với Thái tử. Vua mệt mỏi bèn kê đầu lên vế Thái tử mà ngủ. Thái tử nghĩ rằng: *“Lão này độc ác, đã thâm đoạt hết giang sơn của cha mẹ ta mà chưa vừa lòng, lại còn bắt cha mẹ ta giết đi. Ngày nay số lão đã tới, vậy ta phải chém đầu lão dựng trả thù cho cha mẹ ta”*. Thái tử nghĩ như vậy bèn rút gươm ra toan giết vua.

Bỗng chốc nhớ lại lời vua cha dặn trước khi thác rằng:

“Không nên ngó xa lắm, không nên ngó gần quá. Chẳng phải lấy oán trả oán mà oán đó tiêu, phải lấy ơn đáp oán thì oán mới dứt”.

Thái tử bèn dứt gươm vô vỏ. Ba lần vừa rút gươm ra thì ba lần nghe văng vẳng bên tai lời vua cha dặn. Lúc ấy vua Bra ma đật ta nằm chiêm bao thấy Thái tử muốn giết mình. Vua liền giựt mình mở mắt ra, Thái tử bèn nắm đầu vua rút gươm ra nói rằng:

“Ta là Thái Tử Diệt Ga Du, con của vua Diệt Gơ Ti đây. Khi trước người chiếm đoạt giang sơn của cha mẹ ta mà còn bắt cha mẹ ta hành hình. Ngày nay số người đã tới. Vậy ta phải chém đầu người đặng báo oán”.

Vua Bra ma đật ta nghe vậy kinh hồn thất phách, rung rẩy lập cập quì xuống nói rằng: *“Xin Thái tử nhiều dung tánh mạng cho tôi”.*

Thái tử nói rằng: *“Không phải là ta tha người đâu, ấy là người tha ta mới phải”.* Vua đáp rằng: *“Vậy thì ngài hãy tha tôi trước rồi tôi sẽ tha ngài sau”.* Thái tử buông vua ra. Vua với thái tử nắm tay nhau và thề không hề làm hại nhau nữa. Vua bèn hỏi Thái tử: *“Tại sao Thái tử không giết trẫm trong lúc ngủ”.* Thái tử đáp rằng: *“Muôn tâu bệ hạ, trước khi thác phụ hoàng tôi có dặn tôi ba điều này.*

- 1) Con đừng ngó xa lắm;**
- 2) Con đừng ngó gần lắm;**
- 3) Chẳng phải lấy oán trả oán mà oán đó tiêu, phải lấy ơn đáp oán thì oán mới dứt.**

Vua bèn hỏi: Ba câu đó nghĩa chi vậy?

Thái tử trả lời rằng:

1) Con đừng ngó xa lắm nghĩa là dặn tôi trong lòng đừng cố oán lâu ngày.

2) Con đừng ngó gần lắm nghĩa là dặn tôi chớ nên vội dứt tình bằng hữu.

3) Bệ hạ đã sát hại cha mẹ tôi, nếu bây giờ tôi giết bệ hạ, thì bây tôi trung của bệ hạ sẽ giết lại tôi, rồi quân thần của tôi sẽ báo cừu cho tôi nữa.

Hễ lấy oán trả oán thì oán đó bao giờ mới tiêu. Ngày nay bệ hạ dung tánh mạng tôi và tôi không thích khách bệ hạ thì thù oán khi xưa đã dứt.

Vua Bra ma đật ta nghe vậy gật đầu ngẫm nghĩ rằng: "Hay thật ! Lạ lòng thật !" Thái tử Điệt Ga Du rất thông minh nên hiểu nổi mấy lời cha mình bảo. Vua bèn gả công chúa cho Thái tử và trả hết thành trì, binh lính, khí giới, kho tàng của vua đã chiếm đoạt khi trước cho Thái tử, rồi tôn Thái tử lên làm vua xứ Cô Sa La.

Khi hội Tăng già nghe chuyện Thái tử Diặc Ga Du rồi từ đó về sau không hề xích mích với nhau nữa.

LỜI BÀN: Bài này rất phù hợp với câu Oan gia nghi giải bất nghi kết, oan gia nên gỡ oán, chớ không nên kết. Người đời đều nhờ lẫn nhau, ai biết sau đây mình có việc phải tới cầu lỵ người mà mình đang oán giận bây giờ chẳng? Vậy thì hãy lấy lòng khoan dung đại độ mà tha lỗi cho người. Giờ nào mình cũng an lành và ngủ yên giấc.

Phật thường nói: "Người nào hại ta thì ta ban ơn lành lại cho người đó, người nào làm quấy với ta bao nhiêu thì ta làm phải lại với người đó bấy nhiêu. Em Phật là Đê-hoa-đạt-ta ba phen kiếm thế giết Phật, song hại không được mà Phật không hề chấp nhứt. Có một lần Đê hoa đạt ta xúi vua Ác gia ta sa trui [\[12\]](#) sai nhiều người đến thích khách Phật. Song mấy người này nghe Phật thuyết pháp thì qui y với Phật liền. Một lần khác kẻ nghịch Đê hoa đạt ta leo đứng trên núi Đờ

Quật ^[13] rinh một cục đá lớn, nhắm ngay Phật thả xuống. Nhưng cục đá đó bể hai và văng ra hai bên; có một miếng trúng chơn Phật chảy máu. Một lần nữa Đê hoa đạt ta thả con voi dữ Nalagiri ra đặng nó vạt Phật đi. Song con voi chạy gần tới Phật thì nó hóa ra hiền, đứng sững trước mặt Phật. Bởi vì Phật làm gương cho người thấy nên Phật thốt ra điều chi, ai ai cũng đều cúi đầu bái phục.

2. – KHÔNG YÊU NHAU MỚI LOẠN

Thánh như trị thiên hạ tất phải biết loạn từ đâu mà ra thì trị thiên hạ mới được. Không biết loạn tự đâu ra thì không trị nổi được thiên hạ. Ví như thầy thuốc chữa bệnh cho người ta, tất phải biết bệnh căn tự đâu khởi ra thì mới chữa được, chớ không biết thì chữa không nổi được bệnh. Người loạn có khác gì thế?

Loạn tự đâu mà sanh ra? Sanh ra bởi không yêu nhau.

- Con không hiểu với cha, tôi không trung với vua, thế là loạn đấy. Con chỉ yêu đến thân con không yêu đến cha, cho nên làm thiệt cha để lợi mình; em chỉ yêu thân em, không yêu đến anh, cho nên làm thiệt anh để lợi mình; bây tôi chỉ biết yêu thân mình, mà không biết yêu vua cho nên làm thiệt vua để lợi mình. Thế là loạn đấy.

Tuy đến cả cha mẹ không thương con, anh mà không thương em, vua mà không thương bây tôi, thế cũng là loạn. Cha chỉ yêu thân cha, không yêu đến con, cho nên phải làm thiệt con, để mình được lợi; anh chỉ yêu thân anh, không yêu đến em, cho nên làm thiệt em để mình được lợi; vua chỉ yêu thân vua, không yêu bây tôi cho nên làm thiệt hại bây tôi để mình được lợi.

Tại sao mà sanh ra những điều ấy? Có phải chỉ tại không yêu nhau cả phải không? Đến cả quân trộm vặt cũng vậy. Thằng trộm chỉ biết yêu nhà mình, không yêu nhà người khác, cho nên ăn trộm nhà người khác để lợi cho nhà mình; thằng giặc chỉ biết yêu thân mình chẳng yêu thân người

khác, cho nên sát hại thân người khác để lợi thân mình. Tại sao mà sanh ra như thế? Có phải chỉ tại không yêu nhau cả mà thôi không?

Cho đến các quan khuynh loát nhau, các nước đánh lẫn nhau, cũng tại các quan chỉ biết yêu nhà mình, không yêu nhà khác cho nên hại nhà khác để lợi cho mình, các nước chỉ yêu nước mình, chẳng yêu nước khác cho nên đánh nước khác để lợi cho nước mình.

Ấy thiên hạ sanh ra loạn là bởi như thế cả. Nếu biết yêu nhau, thì còn ai nữa hại ai, mà thiên hạ làm gì chẳng bình trị.

MẶC TỬ

LỜI BÀN: Đại ý bài này rút lại một câu là: loạn mà sanh ra được, là chỉ tại cái lòng không yêu nhau hết cả. Cầu lợi cho mình tức là muốn hại người, mà hại người tất ghét người; ghét người tất người ghét lại mà thành ra không ai được bình yên, ai cũng chỉ lo toan tranh cướp lấy lẫn của nhau mà thôi. Vậy muốn cho khỏi loạn, tất

phải làm sao cho thiên hạ biết yêu nhau, yêu người cũng như yêu mình. Đó chính là cái cốt yếu của MẶC TỬ, là cái ý kiêm ái, yêu cả loài người, không phân biệt thân sơ gì cả.

Ý MẶC TỬ đây cũng giống như ý của MẠNH TỬ nói rằng "Ở đời ai nấy đều con cái thân yêu cha mẹ, kẻ dưới tôn kính người trên, thì tự khắc thiên hạ bình trị !" nhưng có phần thống thiết hơn, vì nói đến cả quân thần cũng có khi không thương yêu thần tử cho nên sanh loạn. Cái thuyết ấy kể tuy quá đáng, nhưng ở những đời ai ai cũng chỉ tự tư tự lợi, có nói quá đi như vậy, thì mới mong người tỉnh lại ít nhiều chăng.

CỔ HỌC TINH HOA

THÁNG THỨ HAI

CÔNG PHU MỖI NGÀY

Từ tháng đầu tiên sắp sau, công phu mỗi ngày đều giống in nhau, chỉ có tập đức tánh trong tháng là khác nhau mà thôi.

BỔ THÍ

Bổ thí để tỏ lòng thương xót và giúp đỡ những người cô đơn, hoạn nạn, nghèo khó, bệnh hoạn, dốt nát, tật nguyền v .v . . . Có bao nhiêu cách thức đau khổ thì có bấy nhiêu cách bổ thí. Phải tùy duyên, tùy phận, không nhứt định được. Có thể bổ thí từ lời nói tới việc làm, từ đồng tiền đồng bạc cho tới thuốc men quần áo. Dầu sao bổ thí tự nơi tâm mình mà ra thì quý hơn hết. Không ai buộc mình làm quá sức mình.

Bổ thí đặng diệt tánh tham lam, ích kỷ vì tánh ích kỷ xúi giục con người thâm vô cho nhiều, tom góp hết về cho mình chớ không chịu phát ra. Hồi mới thoát kiếp thú đi đầu thai làm người tánh ích kỷ giúp cho ta tiến tới. Nó làm cho con người có tánh siêng năng, cần mẫn, nỗ lực, sáng kiến, làm lụng. Nhưng tới một mức kia nó hết hữu ích mà trở lại thành tai hại. Nó ngăn cản bước đường tiến hóa của con người. Phải trừ khử ngay liền và phăng tới gốc rễ nó.

Quý bạn chớ quên rằng chúng ta là Chơn thần. Xuống cõi trần ở tạm một thời gian đặng học hỏi. Không có cái chi tại thế được vĩnh viễn trường tồn. Vợ đẹp hầu xinh, con ngoan cháu hiền, nhà cao cửa rộng, ngọc ngà châu báu, chức tước oai quyền ở với ta lâu lắm là một đời mà thôi. Trong vài chục năm, những điều mà ta quý mến hơn hết có thể về tay người khác. Chung qui ta nắm hai tay trắng mà xuống mồ ! Ngày nay ta giàu sang là nhờ kiếp trước đã gieo giống lành. Nếu kiếp này ta biết dùng tiền dư giả của ta để giúp ích cho kẻ khác thì qua đời sau ta còn gặp nhiều cơ hội tốt tiến tới dễ dàng. Trái lại nếu ỷ thế bốc lột thì ta sẽ gặt lấy quả xấu, vì ta đã gieo nhân chẳng lành, dẫu ta chạy trốn ngã nào cũng không khỏi.

Vậy thì ta phải tập bố thí, ban đầu ít sau nhiều. Bố thí vì biết bốn phận phải làm và vì đã mở lòng như chớ không mong hưởng hạnh phúc về sau hay được danh thơm tiếng tốt. Hễ thi ân thì bắt cầu báo, cầu báo thì bắt thi ân. Nếu bố thí mà

trông người trả ơn hay mong mỏi Trời ban phước lộc thì không khác nào một cuộc đổi chác bán buôn. Hễ tay mặt đưa món hàng ra thì tay trái thu tiền vô. Tục gọi: "Tiền trao, cháo múc". Như thế đâu phải là bố thí. Quả thật: "Khó giúp nhau mới thảo, giàu tư trợ ai màng". Luôn luôn cách cho còn hơn của cho. Trong việc bố thí phải thận trọng từ chút, đừng vì lẽ gì, hoặc vô tình hay cố ý mà làm cho người ta đau khổ, e mất đức bình sanh.

Than ôi ! Nếu ngày nay ta còn thấy nhiều cảnh thương tâm xảy ra mỗi ngày thì ấy là tại cách tổ chức của xã hội trái hẳn luật Trời và tại con người còn thiếu lòng nhơn. Ngày nào diệt được tánh ích kỷ, ngày đó thiên hạ mới thái bình an cư lạc nghiệp.

Hãy coi gương mặt nhựt. Không có nó soi sáng thì chúng ta ở trong chốn tối tăm, vạn vật đều chết hết, không có chi sanh sản được. Nhưng người thế đã không tỏ dấu biết ơn chút nào mà có khi còn nguyền rủa là khác. Mặc dầu như vậy,

mặt nhựt vẫn ban rải ánh sáng không nghỉ, không ngừng mà vẫn không hề trách móc ai. Ta hãy bắt chước gương mặt nhựt, nếu muốn mau thành đạo.

TẠI SAO TA KHÔNG NÊN TỪ BỎ MỘT SỰ BỔ THÍ NÀO?

Tôi đã từng chứng kiến vài lần chuyện này. Một người đói khó đi xin ăn. Một vị có học thức lại thuộc hạng khá giả thấy vậy nói: “Tại kiếp số nó như vậy, nó phải chịu, bổ thí làm gì?” Nói rồi day mặt chỗ khác bỏ đi luôn.

Vâng. Người đó vô phước gieo giống chẳng lành kiếp trước nên ngày nay phải lãnh lấy cái quả không tốt. Nhưng ta gặp tức là Trời bảo ta thay mặt cho Ngài đặng giúp đỡ và hầu hạ cho va thấy lòng từ bi bác ái vô lượng vô biên của Ngài. Sự giúp đỡ có nghĩa là: sự đau khổ của va đã chuộc tội cho va rồi nên trời mới cứu va. Đó là cho va một bài học hay đặng cho va nhớ vì chưng kiếp trước va ích kỷ không thương xót ai, gây ra tội ác

nên ngày nay quả báo trả lại. Bây giờ va được người ta thương yêu, săn sóc, lo lắng, va sanh lòng cảm mến ăn năn lỗi cũ và từ đây sẽ hóa ra như từ hơn trước. Luật như quả không phải là luật báo oán, nó là ông thầy dạy đời rất hay.

Hiểu như vậy rồi mà ta không tuân lệnh Trời bỏ qua cơ hội tốt cứu trợ người thì chắc chắn sẽ có người khác thay thế cho ta hoặc là Trời sẽ ra tay giúp đỡ chừng đó người còn vô minh cho là chuyện phi thường. Không có cái chi cản nổi sức Trời hay là làm nghịch với Ngài được lâu. Ta thờ ơ lãnh đạm, từ chối sứ mạng thì gây ra quả xấu làm cho ngày sau ta bị lẻ loi khi ta lâm vào cảnh khốn cùng. Chừng đó ta sẽ bị bỏ rơi, không ai đoái hoài in như lúc ta chẳng thèm ngó ngang tới kẻ đối khó. Có vay thì có trả.

Có người nói: "**Khi khốn khổ gặp tôi, chưa chắc quả của va tới chừng đó thì dứt**". Tôi không nói dứt hay là không dứt. Đó là việc của như quả chớ không phải là việc của mình. Nếu Trời không cho va hưởng quả tốt thì dù mình

muốn giúp và cách nào cũng có những sự trở ngại tự nhiên mà ta vượt qua không nổi vì chúng nó mạnh hơn ý muốn và sức của ta; ta phải khoanh tay chịu phép.

Hiện giờ ta có bốn phận phải bổ thí, phải nhen từ, thương yêu chúng sanh và giúp đỡ kẻ cô thế, tật nguyền, tùy phương tiện. Trời không hề buộc ta làm quá sức ta. Nếu mỗi người đều nói thây kệ nó, quả ai nấy chịu thì không có những cơ quan phúc thiện, không có những cô nhi viện, không có những nhà dưỡng lão, không có những dưỡng đường v . v . . và các đảng Giáo chủ cũng không ra đời dạy đạo.

Quý bạn hãy suy nghĩ coi có phải vậy chăng?

NHỮNG GƯƠNG BỔ THÍ

1.- TRỌNG NGHĨA KHINH TÀI

Ông Phạm Trọng Yên, người nhà Tống, làm quan đến Tế tướng mà vẫn nghèo suốt đời. Tính ông trọng nghĩa khinh tài, thích làm việc bổ thí,

nhút là đối với người trong họ, lại càng hậu lắm. Ông để dành lương bổng, mua một thửa đất làm nghĩa trang để cứu người nghèo trong họ. Phàm việc tang tóc, cưới xin của họ, ông đều lo hậu giúp đỡ hết.

Con ông là Thuần Nhân, đức tánh cũng như ông. Lúc ông làm quan ở Khai Phong, để dành được năm trăm thùng thóc, sai Thuần Nhân đem về quê. Thuần Nhân đi đến Đan Dương, gặp người bạn cũ của cha là Thạch Man Khanh, nhà đã cùng quần, chẳng may gặp ba cái tang một lúc. Thuần Nhân giúp cho cả năm trăm thùng thóc. Hai con gái Man Khanh lớn tuổi mà chưa gả bán gầy dựng, không chỗ nương dựa. Thuần Nhân cho nốt cả cái thuyền.

Đến lúc về nhà cha hỏi: “Con đi có gặp ai không?”

Thuần Nhân thưa: “Con đến Đan Dương, có gặp Thạch Man Khanh nhà nghèo khổ, lại một lúc liền ba cái tang, hai con gái lớn không có gì gầy

dựng, con có thiện tiện cho cả năm trăm thùng thóc mà còn chưa đủ”.

Ông bảo: “Thế sao con không cho nốt cái thuyền?”

Thuần Nhân thưa: “Con cũng cho cả cái thuyền rồi”.

Ông khen phải. Rồi nói: “Có như thế mới đáng là con của ta”.

PHẠM TRỌNG YÊM truyện

LỜI BÀN: Làm quan đến bậc Tể tướng mà nhà vẫn nghèo. Thế là thanh liêm đáng khen. Để dành được đồng nào lại đem bố thí cho kẻ nghèo khổ, thế là nhân đức đáng khen hơn nữa. Có năm trăm thùng thóc cho cả, thế là thương người đáng khen. Còn chiếc thuyền mình đi cũng cho nốt, thế là quên mình đáng khen hơn nữa. Rõ ràng cha nào con nấy, hai cha con ông Phạm Trọng Yêm thật là có lòng nhân ái, hiểu thấu cái nghĩa cứu

*kẻ khốn cùng, giúp người tai nạn là việc vui lòng
nhứt ở đời.*

CỔ HỌC TINH HOA

1.- MUA NGHĨA

Mạnh Thường Quân nhà giàu cho vay mượn nhiều. Một hôm sai Phùng Huyền sang đất Tiết đòi nợ. Lúc sắp đi Phùng Huyền hỏi: “Tiền nợ thu được, có định mua gì về không?” . . . Mạnh Thường Quân nói: “Người xem trong nhà ta còn thiếu thứ gì thì mua”.

Khi lên đất Tiết, Phùng Huyền cho gọi dân lại, bảo rằng: “Các người công nợ bao nhiêu, Thường Quân đều cho cả”. Rồi đem văn tự ra đốt sạch.

Lúc về Phùng Huyền thưa rằng: “Nhà Tướng công châu báu đầy kho, chó ngựa đầy chuồng, người đẹp đầy nhà, không còn thiếu gì nữa. Chỉ còn thiếu một cái ‘nghĩa’, tôi trộm phép vì Tướng công mua về”.

Mạnh Thường Quân nghe thấy nói thế, cũng không hỏi gì đến tiền nữa.

Sau Mạnh Thường Quân phải bãi quan về ở đất Tiết, dân đất Tiết nhớ đến ơn xưa, ra đón rước đầy đường. Mạnh Thường Quân bấy giờ mới ngoảnh lại bảo Phùng Huyền rằng: “Trước tiên sinh vì tôi mua *nghĩa*, nghĩa ấy ngày nay tôi mới trông thấy.”

LỜI BÀN: Cửa là trọng mà nghĩa lại càng trọng hơn. Vì cửa có khi hết chỗ nghĩa còn mãi mãi. Người ta ở đời lúc đã giàu có thường hay vợ vét gian tham, tưởng như thế là được lâu dài, bền chặt. Nhưng ta nên hiểu cái lẽ “Tài vi oán phủ” nghĩa là cửa là kho oán, lắm khi chỉ vì lắm của mà gây nên những chuyện làm cho thiên hạ bất bình, ghét bỏ, thù oán, ghen hờn cho nên người ta lúc giàu có cũng nên ăn ở làm sao mua chuộc lấy chút “nghĩa” để phòng khi suy biến còn có chốn nương nhờ. Việc nghĩa tức là việc phải, việc nghĩa tức là việc từ thiện, việc nghĩa tức là ích

chung, việc nghĩa tức là việc công bình, ơn đức, chỉ có việc nghĩa để thấm lòng người và làm cho người nhớ dai mà thôi.

CỔ HỌC TINH HOA

3.- THÁC RỒI MÀ CÒN LÀM VIỆC PHƯỚC THIỆN Ở TRẦN

Ông Dr. Minot J. Savage trong Ainstées Magazine tháng Mars 1902, Volume IX, trướng 119, có thuật chuyện này tóm tắt ra sau đây:

“Cách đây vài năm tại thành Boston có một vị mục sư tân giáo rất danh tiếng, lo giúp đỡ những nhà nghèo khổ. Ông và vợ ông săn sóc những người cô độc, những người mà không ai tha thiết đến. Lúc già rồi, ông mục sư có một người bạn đồng nghiệp tới tiếp sức với ông. Chẳng bao lâu, ông mục sư, vợ ông và người bạn đồng nghiệp đều từ trần, chỉ tồn còn có vợ của ông bạn đồng nghiệp lo nổi chí của ba vị kia. Hai vợ chồng ông mục sư tuy thác rồi song cũng còn chiếu cố

những người trong giáo khu của mình, mặc dầu có nhiều người dời chỗ đi nơi xa. Hai ông bà không hề quên họ và coi chừng họ luôn luôn. Một khi họ thiếu thốn hay cần dùng cái chi thì hai ông bà cho bà góa phụ hay đặng tới giúp họ. Nhiều năm như vậy, những việc phước thiện này làm âm thầm trong bóng tối, không quảng cáo, không danh vọng không người khen. Tiền bạc và công phu tốn nhiều lắm, nhưng chỉ có hai người bạn thiết rõ được sự bí mật này mà thôi.

Góa phụ ở một thành không xa Boston. Khi bà được lệnh đi Boston lại số nhà mấy, đường nào, gặp những ai, cần dùng cái chi, bà đến đó thì in như vậy, một trăm lần không trật một lần. Có một khi người ta dạy bà phải tới một cái thành kia ở nước khác, bà không biết tên người mà bà phải tìm đặng giúp, song đến đó thì bà gặp người đó liền. Trong nhiều trường hợp thì sự cần dùng là tiền bạc, cũng có khi thức tỉnh một người nào đó đặng cứu ý, không cho làm những chuyện tội lỗi nữa.

Có một chuyện đáng ghi nhớ hơn hết như vầy:

“Con gái ông mục sư được bà góa phụ bảo rằng ông thân cô có dặn cô phải bỏ hai chục đô la trong bao thư rồi gửi tới một địa chỉ ở thành kia mà cô chưa từng nghe nói lần nào. Cô dấn dừ vì sợ gửi theo cách đó mất tiền, cô tính mua một cái chi phiếu thì được lệnh phải gửi đi lập tức, bởi vì trường hợp này gấp rút, không thể trì hoãn được. Cô bèn lấy hai tấm giấy 10 mỹ kim bỏ vô thư gửi đi.

Ông Dr. Minot J. Savage có hân hạnh được đọc bức thư trả lời đặng tiền và cảm ơn, viết bằng viết chì một cách khó khăn, không trúng mẹo luật. Ấy là một người đàn bà bị chồng đánh đập và ruồng bỏ. Cô này rán hết sức làm đặng nuôi mình và hai đứa con thơ. Cô đã kiệt sức, cô mới cầm cái bàn của cô, ấy là món đồ chót, cô lấy tiền mua than củi sửa soạn để tự vận với hai đứa con, kể cô được số bạc gửi tới”.

Đọc bài này ta thấy hai vợ chồng ông mục sư và bạn ông cứu giúp những người ở trong giáo khu mình mà còn lo lắng cho người ở nước khác và thành thị khác. Quý hóa thay tấm lòng từ thiện như thế ! Hai chục mỹ kim cứu được ba mạng người, công đức ấy rất lớn.

Nhưng có điều ta muốn hiểu là: Ông mục sư làm thế nào mà ra lệnh cho bà góa phụ biết đặng thi hành. Có nhiều phương thế, hoặc hiện hồn về hoặc dùng cách chiêm bao cho thấy v. v. . . . Hiện hồn về thường thì nhọc sức lắm, chiêm bao cũng có khi quên, không biết dùng cách nào.

Còn làm sao mà mấy vị từ thiện này biết người ta đau khổ về tinh thần hay về vật chất đặng kêu bà góa phụ tới giúp. Nói ra coi bộ dễ lắm, song kỳ thật đó là việc khó khăn vô cùng, vì người chết chỉ thấy cái vía người sống chớ không biết được thiếu thốn tiền bạc hay là cần dùng cái chi. Nhưng dầu sao những việc từ thiện cảm hóa người rất mau và làm nảy nở những tánh tốt ở trong lòng con người.

4.- ẢNH HƯỞNG CỦA NHỮNG VIỆC TỪ THIỆN

Còn một chuyện nữa rất hay như sau đây:

Một chị thợ may khốn khổ kia ở trong một xóm tồi tệ và tanh hôi nhứt tại thành Luân đôn, vì nơi đó thiếu ánh sáng mặt trời và không khí. Học lực của chị còn thấp thỏi mà công việc của chị rất nhọc nhằn, tuy vậy lòng chị rất tốt, hay thương xót và cứu giúp tất cả mọi người. Trong xóm đó không có nhà nào nghèo hơn nhà của chị mà trái lại mấy căn phòng của chị ở sạch sẽ và vén khéo hơn hết. Khi mấy người hàng xóm đau, chị không có tiền đem cho, song chị chạy tới ân cần chăm nom, an ủi và giúp đỡ luôn luôn. Thường bữa, chiều đi làm về thì chị lại nhà người bệnh ở tới nửa đêm săn sóc, không quản nhọc nhằn. Chị không hề bỏ một người nào. Mấy chị em lao động ở xóm đó rất cảm cảnh vô cùng, cả thầy đều kính mến và

thương yêu chị thợ may và đồng coi chị như một vị Phúc Thần. Chính là chị thợ may làm nảy nở trong lòng họ những đức tánh như Hy sanh và Tình yêu thương trong sạch, không có một mảy ích kỷ xen vào. Nhờ mấy đức tánh này mà khi họ lên tới cảnh thứ bảy cõi Thiên Đường thì tinh táo. Không có chị thợ may thì họ còn mê mang như mấy kiếp trước, vì họ thuộc về hạng người “trễ bước”. Sự tấn hóa của họ còn chậm lắm. Từ đây về sau họ sẽ đi mau vì nhờ chị thợ may giúp cho họ mở mang về đường tinh thần.

(Lời tường thuật của Đức Leadbeater).

Vì nguyên nhân này mà các nhà Tôn giáo đều chú trọng về sự “Bố thí”. Nhưng làm từ thiện vì thương đời, chớ không có trông mong hưởng phước như chị thợ may này thì mới cao quý. Ví như có tánh ích kỷ xen vào thì việc làm sẽ giảm hết ba phần giá trị và nó sẽ buộc con người vào bánh xe Luân hồi mãi.

THÁNG THỨ BA

HY SANH

Người thứ nhất của nhóm loại đã hy sanh hạnh phúc trăm kiếp luân hồi đặng tu hành tới bậc Phật là Đức Vô lượng Thọ. Trên quả địa cầu này chưa có ai sánh kịp Ngài. Trong kiếp chót, Ngài bỏ ngai vàng điện ngọc vào chốn rừng sâu chịt sáu năm khổ hạnh đặng tìm phương pháp diệt khổ cho quần sanh [\[14\]](#).

Bực cao cả là Ngài còn bực thấp thỏi như ta thì thế nào?

Mỗi người trong chúng ta đều có hy sanh không nhiều thì ít, hoặc vô tâm hoặc hữu ý. Trước nhất hy sanh cho gia đình, kế đó hy sanh cho xã hội và quê hương rồi sau rốt mới hy sanh cho nhóm loại đại đồng, từ hy sanh vì ích kỷ cho đến hy sanh vì lòng từ bi bác ái.

Hy sanh luôn luôn kèm theo sự đau khổ của xác thân, vì tinh thần cứ vui mà cho ra mãi còn

vật chất thì cứ lo tom góp vô và sợ tan rã tiêu mất đi. Tinh thần và vật chất phải cân xứng và đi đôi với nhau mãi. Tinh thần hy sinh cái xấu xa, cái hư hoại đặng lấy cái tốt đẹp bền bỉ hơn, cứ như vậy tiến tới. Dòm xung quanh ta thì thấy các loài đều hy sinh lẫn cho nhau, sắt đá hy sinh cho cây cỏ, cây cỏ hy sinh cho loài cầm thú, cầm thú hy sinh cho con người. Ban sơ, con người vì tánh ích kỷ bắt buộc kẻ khác hy sinh cho mình, chừng tinh thần mở mang rồi thì lần lần quên mình, hy sinh lại cho kẻ khác. Tới bậc sau này con người mới tiến mau trên con đường giải thoát. Phải tập hy sinh những điều nhỏ mọn hằng ngày sau quen rồi mới dám hy sinh vì đại cuộc. Sự hy sinh của Chơn Thần vô bờ bến, không thể nào hạn định được ngày giờ hay trường hợp. Đấng Tạo hóa hy sinh thì mới có Vũ trụ này, nếu ta không tập hy sinh thì không khi nào tấn hóa được, nhưng nên nhớ kỹ điều này: "*Hy sinh không vì Tư lợi*".

NHỮNG GƯƠNG HY SANH

1.- CHUYỆN VUA BẮC MA CA (Padmaka)

Thuở xưa có một ông vua rất hùng dũng, rất minh chánh tên Bắc Ma Ca, trị vì tại thành Bê na rết (Bénarès). Tâu gọi là Ba la nại.

Ngày kia thành lình một tai nạn khủng khiếp xảy đến cho kinh thành. Dân chúng bị một chứng bệnh lạ lùng, da vàng như nghệ. Dầu họ ra phơi mình ngoài nắng chang chang, họ cũng lạnh run cầm cập. Vua thấy vậy động lòng xót thương mới tìm phương cứu chữa. Ngài hỏi ý kiến mấy vị lương y danh tiếng trong nước. Ngài đi phân phát thuốc men và chính Ngài đích thân đi săn sóc bệnh nhơn nữa. Nhưng than ôi ! vô hiệu quả: bệnh truyền nhiễm càng ngày càng lan ra. Vua lấy làm buồn bực. Ngày kia có một ông lương y già tóc bạc phơ phơ, chống gậy đến xin ra mắt vua và nói rằng: “Muôn tâu Hoàng thượng, tôi biết một phương thuốc cứu an trăm họ trong thành này”.

Vua nghe lật đật hỏi: “Thưa Lão trượng, món thuốc nào vậy, xin Ngài chỉ dùm”.

- Ấy là con cá Rô hi ta (Rohita). Nếu bắt được nó đem làm thịt phát cho bá tánh, mỗi người ăn một miếng nhỏ xíu, thì bệnh truyền nhiễm dứt liền theo tay. Vua mừng rỡ bèn cảm ơn ông lương y rồi sai người đi khắp sông, biển, kinh, rạch, tìm con cá Rô hi ta. Song luống công vô ích, không ai thấy tăm dạng con cá đó cả. Vua càng sầu thảm hơn nữa. Có khi sớm mai và chiều, vua nghe những tiếng của bệnh như rên siết thở than: “Bệ hạ ôi ! Chúng tôi đau khổ lắm ! Hãy cứu chúng tôi với”. Ngài bèn khóc than thảm thiết, rồi Ngài ngồi suy nghĩ: “Giàu sang mà chi; ngai vàng bệ ngọc mà chi; kiếp sống này mà chi; không thể cứu giúp những người bị đau khổ”. Ngài bèn cho đòi Đông cung Thái tử tới dạy rằng: “Ngày nay cha truyền ngôi cho con đăng con trị vì thiên hạ. Cha cho con hết thảy vàng bạc và ngọc ngà châu báu trong kho tàng”. Nói rồi Ngài lên trên nóc đền đem hương hoa cúng Thánh thần rồi khẩn nguyện

như vậy: “Ngày nay tôi xét lại kiếp sống của tôi vô ích. Vậy tôi xin hy sinh nó, cầu xin nó cứu được dân chúng đang bị bệnh hành khổ. Cầu xin cho tôi hóa ra con cá Rô hi ta lội trong con sông đang chảy qua Hoàng thành”. Vái rồi vua gieo mình xuống nước tức thì biến thành con cá Rô hi ta. Người ta chài lên làm thịt. Trong lúc người ta cầm dao bằm xẻ thân Ngài đặng phân phát cho dân chúng, Ngài đâu có biết đau đớn, trong lòng chỉ xót thương sanh linh mà thôi. Bệnh truyền nhiễm tiêu mất.

Trên không nghe có tiếng Thiên thần ca hát : *“Hỡi dân chúng thành Ba na lại, ấy là vua Bắc Ma Ca hy sinh đặng cứu các người đó. Hãy vui mừng đi”*. Từ đó dân chúng truyền tụng công đức nhà vua không ngớt.

Rút trong cuốn Đời sống của Đức Phật do theo kinh sách của Cổ Ấn Độ, trang 117. (La vie du Bouddha d’après les textes de l’Inde ancienne par A. Ferdinand Herold).

2.- MỘT GƯƠNG HY SANH CỦA BÀ BLAVATSKY

Đọc bài hy sanh trên này rồi, tôi nhớ lại một câu chuyện hy sanh khác như là tầm thường mà xét cho kỹ ít người làm được, như sau đây:

Lối năm 1877, bà Blavatsky mua giấy tàu hạng nhứt đi từ Liverpool (một thành của Anh quốc) qua Nhiêu Do (New York). Lúc bà sửa soạn bước lên tàu thì thấy một người đàn bà nghèo khổ dắt hai đứa con nhỏ ngồi trên bờ đê để bảo hộ hải cảng khóc than thảm thiết. Bà bèn lại gần hỏi thăm thì cô kia đáp rằng: “Thưa bà, chồng tôi ở Mỹ châu gửi tiền về cho tôi đặng đi qua bến. Tôi lấy tiền đó đủ mua giấy tàu đi trên bông (pont) cho ba mẹ con tôi. Hồi nầy tôi đem giấy tàu trình cho hãng thì người ta nói giấy đó là giấy giả, không có giá trị chi cả”.

- Vậy cô có biết ai lường gạt cô không?
- Thưa không, tôi đến đây tứ bề lạ lẫm, không có ai giúp đỡ một đồng xu nào cả.

Bà Blavatsky bèn lật đặt lại hăng tàu đổi giấy hạng nhứt của bà ra bốn giấy đi trên bông cho bà và ba mẹ con cô kia, vì bà chỉ đem theo mình có vài ba Mỹ kim mà thôi.

Mới nghe qua không thấy cái chi là lạ, nhưng muốn biết giá trị của sự hy sanh đó thì phải hiểu ba điều này:

Một là: *Tánh ý của bà Blavatsky và địa vị của bà trong đường đạo đức.*

Hai là: *Tuổi tác và sức khỏe của bà.*

Ba là: *Tình cảnh của những người đi trên bông tàu vượt biển Đại Tây Dương qua Mỹ châu thuở đó.*

Bà Blavatsky là một vị La hán, thân thể của bà rất nhẹ nhàng, một tiếng động mạnh cũng làm cho bà rất khó chịu trong mình rồi.

Bà đã trọng tuổi, sức yếu và thường bệnh hoạn.

Thuở đó, phần đông những người đi trên bông thuộc về hạng thô lỗ cộc cằn, say sưa vất vả, họ lìa quê hương qua Mỹ đặng kiếm việc làm. Trong lúc vượt biển họ phải chịu nắng mưa, sương gió,

cực khổ không biết là bao nhiêu, vì tàu hồi thế kỷ 19 không phải tàu như bây giờ. Người thường đi chung lộn với bọn họ cũng là bực bội lắm, còn đối với bà Blavatsky thì sự khó chịu đó có lẽ tăng lên gấp trăm lần người thường. Nhưng bà không quản tới mấy điều đó, bà chỉ có một mục đích giúp cho vợ chồng cô đó sum vầy nhau, nương cậy nhau, hai đứa con có cha nó bảo bọc khỏi bị đói rách cực khổ.

Ai có kinh nghiệm rồi mới biết đó là một sự hy sinh rất lớn lao, mà muốn làm được một việc như thế thì phải hy sinh trong những sự nhỏ mọn hằng ngày.

3.- GƯƠNG HY SANH CỦA MỘT GIA ĐÌNH BÀ LA MÔN

Người có lòng bác ái coi người cũng như mình, giúp người do lòng thương người, một tình thương lai láng tràn ngập linh hồn.

Lòng thương ấy sánh như lòng của người mẹ đối với con. Chỉ vì con, lo cho con chớ chẳng

tưởng đến mình. Miễn cho con đặng no ấm, mạnh giỏi, còn thân mình đói lạnh, ốm đau cũng chẳng màng.

Lo sợ đau khổ của người mà quên sự đau khổ của mình mới thật là hy sinh.

Dưới đây là một câu chuyện làm gương mẫu hoàn toàn của việc ấy.

Sau trận giặc Cu ru sết tra (Kurukschétra), năm anh em Bần đa qua (Pāndava) làm một cuộc lễ bố thí cho những người nghèo.

Thật là một cuộc đại bố thí. Tất cả nhơn dân đều hoan nghinh nhiệt liệt lòng quảng đại của thí chủ, vì vàng bạc, ngọc ngà, châu báu đem ra bố thí vô số, từ trước đến giờ chưa có sự làm phước nào được vinh quang như thế. Khi cuộc lễ vừa xong, bỗng có một con chồn nhỏ chạy đến, phân nửa mình nó màu vàng hực, còn phân nửa màu nâu. Nó nhào lặn tròn xuống đất trong cái phòng để dùng làm nơi bố thí, đoạn nó nói với những người bao vây xung quanh nó rằng: "*Các ông ca tụng một cuộc bố thí như thế là vĩ đại, các ông*

nói dối, đó nào có phải một cuộc đại bố thí đâu?" [\[15\]](#). Các người đứng xung quanh nghe nó nói đều la lên và hỏi rằng: "Nhà người nói rằng cuộc lễ này không phải là một cuộc đại bố thí. Nhà người có biết người ta đã phân phát cho kẻ nghèo khổ vàng bạc là bao nhiêu và hiện thời thiên hạ đều giàu và hưởng hạnh phúc dường nào chẳng? Ấy là một sự phóng tài rất vinh quang xưa nay chưa từng có một người nào dám làm như thế". Con chồn bèn đáp: "Cách ít lâu đây, trong một tiểu thôn nọ, có một gia đình Bà la môn gồm một người chồng, một người vợ, đứa con trai và con dâu. Họ rất nghèo khổ, họ sống nhờ một số tiền nhỏ mọn của người ta biếu cho là vì ông chồng giảng dạy đạo đức cho những người lối xóm. Lúc đó trong xứ xảy ra tai nạn đói khó vì thất mùa kéo dài đến ba năm, và người Bà la môn kia phải chịu khổ đốn hơn trước nữa.

Cả nhà phải nhịn đói nhiều ngày rồi. Một buổi sớm mai kia người cha kiếm về được một ít bột lúa mạch, chia ra bốn phần ăn. Khi sắp ăn thì có

người đến gõ cửa. Người cha mở cửa ra gặp một người khách lạ. Theo tục lệ xứ Ấn Độ, người khách đến nhà mình thì phải đãi họ như Thần thánh, nên người chủ đối đãi với người ấy hết sức kính trọng.

Người chủ mời ông khách vào nhà và nói rằng: *“Tôi rất hân hạnh được tiếp rước ngài”*. Người chủ mới nhường phần ăn của mình cho người khách ăn. Ông khách ăn lau lấu và nói: *“Ông đây mới thật là làm cho tôi chết đói, vì đã mời ngày rồi tôi không có gì ăn cả mà với vài ba miếng ăn như vậy có thấm vào đâu, nó chỉ làm tăng sự đói của tôi thêm nữa”*. Lúc ấy người vợ mới nói với chồng: *“Mình lấy phần ăn của tôi đây đừng cho ông ấy !”*. Song người chồng không nhận. Người vợ giục thúc mãi và nói rằng: *“Chúng ta đây là người nghèo nhưng chúng ta có được cái nhà, bốn phận chúng ta là cho ông ấy ăn. Phận tôi là vợ, tôi phải cho ông ấy phần ăn của tôi là vì mình (trò người chồng) không còn gì mà cho ông ấy nữa !* Nói rồi người vợ đem phần của mình đừng

luôn cho ông khách. Ông này ăn rồi cũng còn kêu đói kịch liệt. Đoạn người con trai mới thưa với cha: *“Cha lấy phần ăn của con dựng luôn cho khách, vì bốn phận con phải luôn luôn giúp đỡ cha để cho cha làm tròn bốn phận”*. Ông khách cũng ăn luôn và dường như cũng chưa đủ no; tới phiên con dâu cũng dựng phần ăn của mình và ông khách cũng ăn luôn. Ăn xong người ấy mới hết kêu đói, đoạn ban ơn lành cho bốn người rồi từ giả ra đi ngay.

Đêm đó cả nhà vì đói mà chết hết. Còn một chút bột rơi rớt xuống đất, khi tôi đến, tôi lăn tròn trên đó thì phân nửa mình tôi hóa ra vàng hực như các ông thấy đây vậy. Từ ngày đó tôi đi khắp thế gian ước ao gặp được một sự hy sanh như thế nữa mà tôi tìm hoài không gặp, vì vậy mà phân nửa mình tôi chưa được thành màu vàng trọn. Bởi thế cho nên tôi cho cuộc bố thí này chưa phải là một sự hy sanh.

BẠCH NGỌC

4.- GƯƠNG HY SANH TẠI THỪA THIÊN

Trong trận lụt rất to lớn vừa qua đã xảy ra tại Thừa Thiên (Trung Việt) – một trận lụt bảy tám mươi năm nay chưa từng thấy – có anh Tôn Thất Trí một thanh niên Phật tử, 20 tuổi, học sinh lớp đệ tam chuyên khoa (1ère année du cycle secondaire) hỏng bằng Thành Chung, trường Tư thục Nguyễn Du, đã nêu một gương hy sanh cao cả. Anh ấy là con của ông Tôn Thất Khánh và bà Nguyễn thị Hai ở nhà số 9 Kiệt 1 đường chợ xép, kinh thành nội (Huế). Gia đình anh gồm một mẹ 44 tuổi, một bà dì, một người anh, hai em gái. Nhà tranh, phen tre, thấp thỏi. Đêm 29 tháng 9 năm 1953, nước vào nhà lên đến ngực, anh Tôn Thất Trí dìu mẹ và dì, cõng hai em và chồng đồ đạc đến một nhà ngói cao ráo ở gần. Đến 5 giờ sáng ngày 24 tháng 11 năm 1953 nước lên cao hai thước rưỡi, anh nghe xung quanh thiên hạ kêu cầu cứu, anh đứng ngồi không yên, nên thưa với mẹ: “Thưa mẹ, con nghe thiên hạ kêu cầu cứu, con không an tâm, không lẽ mình làm trai

thanh niên mà lại ngồi khoanh tay để ngó họ chết. Mẹ cho con đi cứu họ”. Bà mẹ cản anh, sau anh tìm cơ hội về nhà lấy chồng sách vở, anh bơi đến các vườn chuối lặn xuống dưới nước chặt được bốn cây chuối đem lên kết bè để đi cứu người. Buổi mai ấy anh không uống được một hớp nước nóng, không ăn được một miếng cơm lót dạ, anh để thời giờ đi cứu gia đình này sang gia đình khác. Có điều đáng thương nhất là trọn thời gian đi cứu người anh không đi trên bè để chống, mà vừa lội vừa đẩy bè để nhường chỗ cho các nạn nhân ngồi.

Người ta không biết đích xác anh đã cứu những mấy mạng người, nhưng đến lần cuối cùng phần đông đều chứng kiến anh cứu một người đàn bà có mang. Lúc bấy giờ anh định lội về nhà để tạm nghỉ và thay quần áo; nhưng khi nghe có tiếng một người đàn bà kêu cứu: “Anh ơi, nhờ anh cứu giùm tôi, một người hóa hai, vì tôi gần sanh”. Anh Trí cầm lòng khôngặng, rón lội đẩy bè đến cứu, sau khi đưa người đàn bà ấy lên đến Thượng

Thành, anh liền lội đẫy bè trở về nhưng được hơn nửa đường đuối sức anh chìm luôn. Lúc đó hơn 8 giờ mai. Người em gái anh đăm đăm nhìn theo bóng anh, bỗng thấy mất dạng la lên, nước cuồn cuộn chảy không ai dám ra lặn vớt anh lên. Mãi đến 10 giờ người ta bắt đầu lội tìm thấy anh mà không thấy đầu cả. May có anh Phụ, 20 tuổi ở gần nhà anh Trí, bị chìm, hụp chơn té xuống nước đập nhằm thấy anh vớt lên. Anh Trí đã chết !

Ủy ban cứu trợ nạn nhưn Bão lụt Thừa Thiên có giúp cho gia đình người bất hạnh 1.500\$00 để lo việc an táng trong ngày 26-11-1953 gần núi Ngự Bình. Các khuôn tỉnh Hội Phật học Thừa Thiên ở Kinh thành nội đều có thiết lễ cầu siêu. Thiên hạ đến đi đưa đám người hy sanh cao cả rất đông.

Bà Nguyễn thị Hai buôn bán ở chợ xép để nuôi bốn con, gia cảnh bần hàn. Ông chồng đã để bà bốn năm nay (để lấy hầu) bà cũng là người vợ hầu của ông Khánh. Bà lo nuôi con ăn học. Nay người con đầu đã đi Thủ Đức học lớp sĩ quan trừ bị ngày 21-11-53, giờ còn hai gái; gái lớn giúp

mẹ buôn bán, gái nhỏ học lớp năm trường Bồ Đề. Nhưng hiện nay hàng hóa trôi cả. Bà Hai phải dẹp hàng, vì không có vốn dọn lại. Bà trông mong thường ngày sự trợ cấp của Chánh phủ. Trong nhà hiện thời căn giữa có thiết lập bàn thờ Phật, tượng Phật do A Từ họa.

THÁNG THỨ TƯ

CHƠN THẬT

Chơn thật đây là chơn thật từ trong tư tưởng cho đến lời nói và việc làm.

Trong Đạo Bát Chánh, Phật để Chánh Tư duy trước Chánh ngữ và Chánh nghiệp vì luôn luôn lời nói và việc làm đều do tư tưởng mà ra. Nếu tư tưởng lành thì bao giờ lời nói và việc làm cũng đượm nhuần tình bác ái.

Ta phải tập tánh phân biệt từ chút và trong tư tưởng trước nhứt, vì trong đời có không biết bao nhiêu tư tưởng lầm lạc, không biết bao nhiêu sự dị đoan phi lý: nếu nhắm mắt tin càn thì có

những thành kiến bao bọc cái trí và thay hình đổi dạng chơn lý cũng như ánh sáng mặt trời rọi ngang qua tấm kiếng vàng thì tự nhiên hóa ra vàng chớ không còn trong trắng như trước nữa. Thế nên không phải nhiều người đồng tưởng in một chuyện mà chuyện đó đúng với chơn lý, bởi vì tại một người đầu tiên tưởng như vậy rồi lôi cuốn mấy người khác cũng tưởng như họ. Về đức tánh PHẢI HẾT SỨC NGAY THẬT, cuốn Dưới Chơn Thầy dạy rất kỹ lưỡng. Ta không nên nghi ngờ, không nên định đọ và phải suy nghĩ cho thiên hạ những điều mà ta biết quả có thật. *Không biết thì nên làm thinh*, và đừng lấy mình làm khuôn vàng thước ngọc mà đo người khác.

Một trong những việc mà Chơn sư bắt buộc đệ tử phải làm là ghi chép những điều mình thật biết là bao nhiêu và những điều mình nghe rồi tin theo chớ chưa kinh nghiệm là bao nhiêu. Nếu mình làm thử thì mình sẽ thấy rốt cuộc sự hiểu biết thật của mình chưa có gì là đáng kể cả. Đây xin lấy sự học trong trường mà nói: "Những môn

Sử ký, Địa dư, Lý, Hóa, Vạn vật mà ta học, hết chín phần mười ta chưa kinh nghiệm được; ta chỉ tin theo tác giả những quyển sách của ta đọc hoặc những bài của ta học mà thôi.

Những sự học hỏi của ta trên đường đạo cũng thế ấy. Tuy vậy ta có thể đặt đức tin những điều ta học, một khi ta biết những người dạy ta học vẫn chơn thật. Ta cũng nên hiểu, Chơn sư không hề lầm lạc bao giờ. Ở đời có những việc ta phải tin trước rồi sẽ thí nghiệm sau. Cũng như số học: Nếu một đứa trẻ không tin Bảng cửu chương thì làm sao làm toán nhơn được.

Tập đức tánh chơn thật rất khó. Có nhiều điều chơn thật ta muốn tỏ ra mà không thể tỏ, đúng với câu: *"Không phải những chơn lý nào cũng nên nói trắng ra"*.

Tới đây ta mới thấy, ta tự biết ta là điều kiện tối cần và phải phân biệt luôn luôn đặng coi cái nào hữu ích nhiều, cái nào hữu ích ít; không khéo những điều chơn thật mà ta nói ra làm cho kẻ khác đau lòng. Trước hết là ta phải dung người và

bao giờ cũng đừng tha thứ cho mình và luôn luôn nhớ điều này: “Mấy anh ở trong bóng tối tục gọi là Bàn môn tả đạo, muốn phá ai thì dùng ảo tưởng, mà những phép này tới trước mặt người hết sức chơn thật thì hiện nguyên hình không làm hại được.

NHỮNG GƯƠNG CHƠN THẬT

CHỮ TÍN

1. – CÁI ĐÌNH

Nước Lỗ có một cái đình rất quý. Nước Tề bắt phải đem dâng. Vua Lỗ tiếc lắm, cho làm một cái đình giả đưa sang.

Vua Tề bảo: “Phải có Nhạc Chính Tử đem đình sang nói thì ta mới tin”.

Vua Lỗ cho gọi Nhạc Chính Tử đến, bảo đi.

Nhạc Chính Tử hỏi: “Sao không đưa cái đình thật?”

Vua Lỗ nói: “Ta quý cái đình ấy lắm”.

Nhạc Chính Tử thưa: “Nhà vua quý cái đỉnh ấy thế nào, thì tôi quý cái đức “Tín” của tôi như thế ấy”.

Sau vua Lỗ phải đưa đỉnh thật. Nhạc Chính Tử mới chịu đi.

HÀN TỬ

2.- THANH GƯƠM

Quý Trác là con của vua nước Ngô, đi du lịch các nước. Khi qua nước Tù, vào thăm vua Tù. Vua Tù thấy Quý Trác có thanh gươm báu, muốn xin mà chưa dám nói. Quý Trác trong bụng cũng định cho, mà chưa dưng được, vì cuộc du lịch chưa xong. Khi ở nước Tấn về thì vua Tù đã mất rồi, Quý Trác không biết làm thế nào, đành phải đem thanh gươm đến treo chỗ gốc cây bên mộ vua Tù, rồi mới về.

SỬ KÝ

LỜI BÀN: *Nhạc Chính Tử không chịu đem cái đỉnh giả.*

Quý Trác không chịu về không cho gươm, đều là những người biết trọng chữ "tín". Giả không nói là thật đã là quý, mới hứa trong bụng cố làm cho được, lại quý hơn nữa. Ôi ! xưa nay chữ "tín" có giá biết ngần nào. Chữ "tín" liệt vô trong ngũ thường, người ở đời giao thiệp cốt lấy chữ tín làm chủ. Cho nên cổ nhân có những câu như "Nhân vô tín bất lập" (Khổng Tử), nghĩa là người không có tín thì không đứng được ở đời, "Tín vi quốc chi bảo" (Tấn Văn Công) nghĩa là tín là cái của báu của cả nước.

CỔ HỌC TINH HOA

3.- MẸ HIỀN DẠY CON

Thầy Mạnh Tử thuở nhỏ nhà ở gần nghĩa địa, thấy người ta đào, chôn, lăn, khóc, về nhà cũng bắt chước đào, chôn, lăn, khóc. Bà mẹ thấy thế nói: "*Chỗ này không phải chỗ con ta ở được*". Rồi dọn nhà ra gần chợ.

Thầy Mạnh Tử ở gần chợ, thấy người buôn bán điên đảo, về nhà cũng bắt chước nô nghịch một cách điên đảo. Bà mẹ thấy thế lại nói: "*Chỗ này cũng không phải chỗ con ta ở được*". Bèn dọn nhà đến ở cạnh trường học.

Thầy Mạnh Tử ở gần trường học, thấy trẻ đua nhau học tập, lễ phép, cắp sách vở, về nhà cũng bắt chước học tập, lễ phép, cắp sách vở. Bấy giờ bà mẹ mới vui lòng nói: "*Chỗ này là chỗ con ta ở được đây*".

Một hôm, thầy Mạnh Tử thấy nhà hàng xóm giết lợn, về hỏi mẹ: "Người ta giết lợn làm gì thế?" Bà mẹ nói đùa "Để cho con ăn đấy". Nói xong, bà nghĩ lại, hỏi rằng: "Ta nói nhỡ mồm rồi. Con ta thơ ấu, trí thức mới mở mang mà ta nói dối nó, thì chẳng ra ta dạy nó nói dối hay sao?" Rồi bà đi mua thịt lợn đem về cho con ăn thật.

Lại một hôm thầy Mạnh Tử đang đi học, bỏ học về nhà chơi. Bà mẹ đang ngồi dệt cửi, trông thấy, liền cầm dao cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung mà nói rằng: "Con đang đi học mà bỏ học, thì

cũng như ta đang dệt tấm vải này mà cắt đứt đi vậy". Từ hôm đó, thầy Mạnh Tử học tập rất chuyên cần. Rồi về sau thành một bậc đại hiền. Thế chẳng là nhờ có cái công giáo dục quý báu hay sao?

LIỆT NỮ TRUYỆN

LỜI BÀN: Mẹ thầy Mạnh thực là biết dạy con. *Mấy lần dọn nhà thế là hiểu cái lẽ: gần mực thì đen gần đèn thì rạng – Nói lờ lời phải mua thịt cho con ăn, thế là hiểu cái lẽ chớ nên nói dối trẻ - Thấy con bỏ học mà cầm dao cắt đứt tấm vải làm thí dụ, thế là hiểu cái lẽ: học hành cốt phải chuyên cần. Người ta đã nói: Người mẹ là thầy giáo thứ nhất của trẻ, nên người mẹ phải biết cách dạy dỗ mới được. Dạy con từ thuở còn thơ, cái buổi đầu là buổi khó, mà cái buổi ấy là ở trong tay người mẹ, người mẹ tức là người có trách nhiệm gia đình giáo dục rất to, không kém gì cha, mà có lẽ còn hơn.*

CỔ HỌC TINH HOA

THÁNG THỨ NĂM

THĂNG BẰNG

Thăng bằng là đứng vững vàng không nghiêng về một bên nào, không chênh lệch. Trong trời đất mọi việc đều thăng bằng và điều hòa. Thử xem bốn mùa, xuân thì ấm ẩm, hè thì nóng nực, thu thì mát mẻ, đông thì lạnh lẽo. Thời tiết sai một chút thì thảo mộc hư hao, con người bệnh hoạn. Ta đã từng thấy trước mắt, đất mất thăng bằng đất sụp, nhà mất thăng bằng nhà nghiêng, nước mất thăng bằng nước đổ, thân mất thăng bằng thân bịnh, tâm mất thăng bằng tâm xao xuyến.

Đường đạo cũng vậy. Nó bén như dao cạo. Muốn đi trên đó phải đề khí khinh thân, giữ vững thăng bằng mới không sợ đứt chơn vấp té.

Một tánh tốt thực hành quá mức trung bình thì thành ra một tánh xấu. Tỷ như tánh chơn thật. Bốn phận ta không được phép nói dối; nhưng

không phải vì cố đó mà mọi việc ta phải nói trắng ra cho thiên hạ đều biết. Nếu phanh phui ra thì mang tật không kín miệng hay thò léo. Bán rao tánh không tốt của người thì sanh ra thù oán, gây ra những chuyện bất hòa, khó ăn ở đời.

Gan dạ rất tốt, nhưng quá gan dạ thì đâm ra liều lĩnh; quá cẩn thận thành ra nhút nhát, quá yêu thương thành ra yếu đuối.

Khi xưa Phật dạy đạo Bát Chánh tức là khuyên con người theo con đường Trung đạo. Đạo Trung Dung của đức Khổng Tử cũng không ngoài lẽ đó.

Nhưng có một điều nên nhớ, chúng ta còn ở trong vòng tương đối, sự tiến hóa của con người bất đồng thì có trắng tự nhiên phải có đen, có lành phải có dữ, có ngày phải có đêm, có tròn phải có khuyết. Đó là để giữ vững thăng bằng. Mất thăng bằng thì phải có sự phản động lại liền. Luật động và phản động làm ra luật Nhân quả mà người ta gọi "*Gieo giống chi, gặt giống nấy*".

Thế nên ta phải thận trọng luôn luôn, đừng thái quá mà cũng đừng bất cập.

NHỮNG GƯƠNG THẲNG BẰNG

1.- ĐẦY THÌ ĐỔ

Đức Khổng Tử vào xem miếu Hoàn Công nước Lỗ, có một cái lọ đứng nghiêng. Ngài hỏi người coi miếu. Người ấy nói rằng: *“Đó là một vật quý của nhà vua thường để bên chỗ ngồi chơi để làm gương”.*

Khổng Tử nói: Ta nghe nhà vua có vật quý để làm gương, vật đó bỏ không thì đứng nghiêng, đổ nước vừa vắn thì đứng ngay mà đầy quá thì lại đổ, có lẽ là vật này chẳng? Ngài bèn sai học trò đổ nước vào. Quả nhiên, nước đổ vừa thì lọ đứng ngay, nước đổ đầy thì lọ đổ, bỏ không thì lọ lại đứng nghiêng. Ngài chép miệng than rằng: *“Hỡi ôi ! ở đời chẳng có cái gì đầy mà không đổ”.*

Thầy Tăng Tử nói: *“Dám hỏi có cách gì đầy mà không đổ không”.*

Ngài nói: *“Thông minh thánh trí nên giữ bằng cách ngu độn, công lao to hơn thiên hạ nên giữ*

bằng cách khiêm cung; sức khỏe hơn đời nên giữ bằng cách nhút nhát; giàu có bốn biển nên giữ bằng thói nhún nhường. Đó là cách đồ bớt đi để giữ cho khỏi quá đầy thì đổ”.

TUÂN TỬ

CỔ HỌC TINH HOA

2.- TÀI VÀ BẤT TÀI

Một hôm Trang Tử cùng với học trò đi chơi ở trong núi. Thấy một cây to, cành lá rườm rà, có người đốn gỗ, chống búa đứng ở bên, mà không chặt. Trang Tử hỏi: “Sao không chặt cây này thế?”

- Người đốn gỗ đáp: “Cây này tuy thế mà gỗ xấu không dùng được việc”.

Trang Tử nói: “*Cây này chỉ vì không ra gì mà sống lâu được mãi*”.

Ra khỏi núi, Trang Tử vào chơi nhà một người quen. Chủ nhà vui mừng, bảo người nhà đem chim nhạn làm thịt.

Người nhà hỏi: “Một con gáy được, một con không gáy, thì làm thịt con nào?”

Chủ bảo: “Làm con không gáy”.

Hôm sau, học trò hỏi Trang Tử rằng:

“Cái cây ở núi vì bất tài mà được sống lâu, con nhận ở nhà chủ vì bất tài mà phải bị giết chết. Giá như tiên sinh thì xử vào địa vị tài hay bất tài?”

Trang Tử cười rồi nói: “Ta xử vào trong cái khoảng giữa tài và bất tài. Như vậy thì tránh khỏi tai nạn, song không phải là kế vẹn toàn. Chỉ những bậc đạo đức cao siêu, không quản khen chê, lúc như rỗng, lúc như rắn, không rõ hẳn ra tài hay bất tài, lúc lên, lúc xuống, chỉ cốt lấy đức hòa làm mực, siêu việt cả muôn vật, tuy là người mà lại khác người . . . Những bậc như thế, thì còn gì lụy đến thân được. Còn thói đời thường tình nào có thể? Hợp với người, thì có lúc lìa tan; làm nên việc thì có người nghị luận; ngay thẳng thì bị đê nén, tôn trọng thì bị chê bai; làm thì có người phá; giỏi thì có kẻ khen; không ra gì thiên hạ lại

khinh bỉ . . . Nhân tình như thế, làm thế nào được? Thương ôi, các người nên ghi lấy: chỉ có đạo đức mới khỏi lụy mà thôi.

TRANG TỬ THUYẾT

LỜI BÀN: *Tài cũng khổ; quân tử đa nạn, tài liền với tai. Bất tài cũng khổ; khôn sống đại mái, đại để người ăn. Vậy con người ta phải làm thế nào, cho ở vào cái khoảng giữa tài và bất tài, thì mới gọi là khôn khéo nghĩa là thông minh thánh trí mà như người ngu thì mới sinh tồn được. Tuy vậy, vẫn chưa bằng người có đạo đức, nghĩa là người chỉ lấy một cái bụng ăn ở theo thiên lương mà ra ngoài vòng được cái tài, bao bọc được hết cả thiên hạ mà không gì lụy đến tấm thân. Thế mới hay: chữ "tâm" kia mới thực là thu liễm được cái tài mà bổ cứu được cái bất tài vậy.*

CỔ

HỌC

TINH

HOA

4.- TRUNG DUNG

Cuốn này gồm những lời tâm phát của đức Khổng Tử do học trò ngài truyền lại rồi sau Tử Tư là cháu Ngài chép thành sách, gồm có 33 chương.

“Ông Tử Tư dẫn những lời của của Khổng Phu Tử đã giảng về đạo Trung Dung. Ngài nói rằng: Trung hòa là cái tính tình tự nhiên của trời đất, mà trung dung là cái đức hạnh của người ta. Trung là giữa, không lệch về bên nào; Dung là thường. Đạo Trung Dung thì ai cũng có thể theo được, thế mà không mấy người chịu theo. Khác nào như ai cũng ăn uống cả, nhưng ít người ăn uống mà biết rõ mùi vị vậy. Chỉ có thánh nhân mới theo được mà thôi, vì theo đạo ấy cốt phải có ba cái đạo đức là Trí, Nhân và Dũng. Trí là để biết rõ cái sự lý, Nhân là để hiểu điều lành mà làm, Dũng là để có cái khí cường kiện mà làm theo điều lành cho đến cùng.

“Ông Tử Tư lại dẫn lời của Khổng Phu Tử nói về chữ “thành”. “Thành là đạo trời, học cho đến thành là đạo người. Đạo người là phải cố gắng hết

sức để cho đến bậc chí thành. PHẢI HỌC CHO RỘNG, XÉT CHO KỸ, NGHĨ NGỢI CHO SÂU, BIỆN BẠCH ĐIỀU PHẢI TRÁI CHO RÕ VÀ DỐC LÒNG LÀM ĐIỀU THIỆN CHO ĐẾN CÙNG. Hễ ai làm được như thế rồi ngu thành ra sáng, yếu thành ra mạnh, tức là dần dần lên tới bậc chí thánh. Ở trong thiên hạ duy có bậc chí thánh tức là bậc thánh thì mới rõ cái tính của Trời; biết rõ cái tính của Trời thì biết rõ cái tính của người; biết rõ cái tính của người thì biết rõ cái tính của vạn vật; biết rõ cái tính của vạn vật thì khả dĩ giúp được sự hóa dục của trời đất và có công ngang với trời đất.

“Sách Trung Dung nói cái đạo của thánh nhân căn bản ở trời rồi giải diễn ra hết mọi lẽ, khiến người ta giữ mình cho kính cẩn trong khi hành động và khi im lặng một mình. Suy cái lý ấy ra cho đến sự nhân nghĩa, để khiến cho thiên hạ được bình trị và lại tin cái công hiệu linh diệu của đạo ấy cho đến chỗ tinh thần vô thình, vô sắc mới thôi. Thật là một triết lý rất cao”.

(Trần trọng Kim, Nho Giáo, quyển I, trang 279-285)

THÁNG THỨ SÁU

LÒNG KHOAN DUNG

Các linh hồn tấn hóa không đồng bực với nhau, thì tự nhiên có người giỏi, người dở, người khôn, người dại, người thông minh, người ngu muội, lý luận có hay có dở, hành động có cao quý có hèn hạ. Vậy ta nên khoan dung cho tất cả mọi người. Nếu ý kiến của người không đồng với ta thì chớ nên vội chê bai, trách móc hoặc phiến hà, hãy tìm kiếm nguyên nhân coi sự sai dị ở đâu? Tại sao chỗ ấy của người không in của ta?

Mỗi giống dân tộc trên địa cầu đều có tánh tình, ngôn ngữ, phong tục, tập quán và tín ngưỡng khác nhau mà ta phải luôn luôn kính trọng. Ta chưa trọn lành thì nên lấy sự lỗi lầm của người làm một bài học hay để giúp ta trở nên

khôn ngoan và thận trọng. Nếu có thể thì ta nên khuyên nhủ hoặc giúp đỡ chứ không nên nhạo báng chê bai. Ta hơn người về phương diện này mà ta thua người về phương diện khác thì sự khoan dung là một bổn phận chứ không phải một việc đáng khen.

Người thật lòng khoan dung thì không câu nệ làm việc chung chạ với những người mà mình không có cảm tình hay không thích ý.

Ta phải để công việc giúp đời trên tình cảm. Không nên tưởng phải có mình nhúng tay vào mọi việc mới hoàn thành, còn giao cho người khác thì hư hỏng hay lôi thôi.

Dẫu cho bạn mình làm hay người khác làm cũng vậy, hễ thành công thì vui mừng, vì nhờ loại nhờ đó mà tiến lên một bước. Không nên tỏ vẻ buồn bực vì *chưng người khác chứ không phải mình* đã làm được một việc lớn lao hữu ích. Đó là tỏ dấu mình còn tách ích kỷ, ganh hiềm ghét ngó, như thế rất còn xa cửa đạo.

Người đời thường hay thói lộng tìm vít, chỉ thấy cọng rơm trong con mắt người khác mà quên phức khúc cây lớn đưng nằm trong con người của mình. Ngày nào ta chưa truy ra sự hành động của thiên hạ, thì ngày đó sự xét đoán của ta vẫn còn có chỗ sai lầm.

Đấng Christ đã dạy khi xưa: “Đừng xét đoán ai cả, đặng sau khỏi bị xét đoán lại”.

Nếu quả thật ta tài đức vẹn toàn thì không hề chê bai, nhục mạ ai bao giờ. Ta phải tìm chỗ hòa hợp được với người thì mới mong có thể giúp đỡ người trong muôn một.

Theo luật Nhân Quả, cười người tức là ta cười ta, ta mắng người tức là ta mắng ta, ta hại người tức là ta hại ta. Thế nên khoan dung là thượng sách vì không còn gây oan trái về sau.

NHỮNG GƯƠNG KHOAN DUNG

1.- CHUYỆN NÀNG TỶ NỮ BRA RI TI (Prakriti)

Tỳ nữ Bra ri ti đương múc nước giếng bỗng gặp A nan đã đi ngang qua đó xin nàng nước uống. Tỳ nữ bèn nói rằng: “Thưa ngài ! Tôi vẫn thuộc về hạng thấp hèn, nếu tôi múc nước cho ngài thì nước đó hóa ra dơ dáy”. A nan đã đáp rằng: “Tôi xin nước uống chớ không hỏi nàng thuộc về hạng nào”. Tỳ nữ nghe vậy cả mừng bèn dâng nước cho A nan đã uống. A nan đã uống rồi từ giả ra đi. Chẳng dè khi ngài đi rồi tỳ nữ lại sanh lòng trứu mến ngài vô hạn. Nàng hỏi thăm mới biết A nan đã là đệ tử của Phật, nàng mới lại năn nỉ Phật, xin Phật cho phép nàng theo hầu hạ A nan đã. Phật bèn nói rằng: “Con không biết ý của con đâu, con không phải thương cái xác A nan đã mà chính là con thương lòng tốt của va. Vậy thì con hãy lấy lòng tử tế mà ở với thiên hạ.

Một vị hoàng đế ăn ở nhân từ với đứa tôi mọi thì đáng kính trọng lắm.

Còn một đứa tôi mọi quên sự đau đớn khổ sở của nó, cứ lấy lòng trung tín, thuần hậu ở với mọi người, không ghen ghét oán giận những kẻ hành

hạ nó, mà nó lại còn thương xót cái cử chỉ kiêu căng xác xược của mấy kẻ ấy, thì nó đáng khen, và đáng kính hơn vị hoàng đế kia nữa.

Con tuy thuộc về hạng thấp hèn song nếu con ăn ở cho công bình, chánh trực, nhơn từ, đức hạnh thì danh con sẽ chói rạng như một vị Nữ vương. Con sẽ làm gương cho hàng quý tộc soi lấy”.

Tỳ nữ nghe rồi trong lòng phới phở, xin nhập môn học đạo và dứt hết lòng tà niệm.

LỜI BÀN: Các linh hồn vốn là anh em với nhau, song đâu thai xuống trần mà kẻ sang người nghèo, kẻ giàu người nghèo, là bởi sự tấn hóa không đồng bậc với nhau. Người nào mấy kiếp trước gây ra nhiều quả tốt thì kiếp này được sung sướng tẩm thân, còn người nào mấy kiếp trước gây những quả xấu thì kiếp này phải khổ cực. Cái giai cấp dưới trần không có công bình. Không phải mỗi người đâu thai vô nhà giàu sang lòng dạ đều tốt hết hay là thông minh hết, còn những

người đầu thai vào nhà tâm thường tánh tình đều xấu xa và ngu muội hết.

Theo luật Quả Báo, một người giàu có, tánh tình gắt hiểm xấu xa, song vì háo danh mà đem tiền của bố thí cho thiên hạ thì kiếp sau cũng được giàu có mà tánh tình cũng xấu xa như kiếp trước. Còn một người khác thông minh mà không làm tội chi ác, kiếp sau đầu thai vào nhà tâm thường song trí hóa cũng thông minh như xưa. Nói tóm lại, quả báo của tánh tình trả cho tánh tình, quả báo việc làm trả cho xác thịt.

Phật biết rõ luật Luân Hồi, Quả Báo, nên không phân biệt giai cấp mà Ngài cũng chẳng biểu con người triệt bỏ giai cấp. Khi Phật thân nhận nàng tỳ nữ Bra ri ti làm đệ tử thì người Bà la môn nổi lên phản đối rất dữ dội, nói rằng làm như thế là nhục cho Đạo. Vua xứ Cô Sa La (Kosala) là Ba Sê Na Di (Présénajit) bấy lâu thường ủng hộ Phật, lúc đó cũng tới tỏ dấu bất bình.

Phật bèn thuật chuyện này cho vua và mấy thầy Bà la môn nghe:

“Thuở xưa, tại mé sông Hằng hà (Gange) có một đám rừng rậm rạp. Trong rừng có một vị tên là Tri Săng Cu (Trisangku) làm chúa bọn Thủ đà la. Ngài có học kinh Huê Đà (Phệ Đà) kiếp trước cho nên kiếp này ngài nhớ lại hết. Ngài mới đem kinh ấy dạy cho con Ngài là Đông cung Thái tử.

Khi Ngài thấy Thái tử đã thông thạo việc cúng tế thì Ngài mới đi đến nhà một ông thầy Bà la môn xin làm xui cưới con gái ông tên là Bra ri ti cho Thái tử. Ông thầy Bà la môn nổi giận khoát mắng rằng: Đồ khốn kiếp ! đi đi cho rảnh. Người là bậc thấp hèn hơn hết trong loài người, người dám tới đây nói chuyện với ông thầy Bà la môn thông thạo kinh Phệ Đà sao? Người dám đèo bồng như thế hả?

Chúa Tri Săng Cu đáp rằng: Người Bà la môn với người Thủ đà la có khác nhau như vàng khác với đá, hay là ban ngày khác với ban đêm đâu. Người Bà la môn không phải trên trời rớt xuống. Họ cũng ở trong mình người đàn bà chun ra như người Thủ đà la vậy. Tại làm sao một đàng thì

được tưng trọng là sang cả, còn một đàn thì bị chê bai là hèn hạ? Lúc thác rồi thì thầy của người Bà la môn hay là thầy của người thuộc mấy hạng khác cũng hơi háms, cũng gớm ghiếc vậy. Thế thì sự khác nhau ở chỗ nào?

Mấy người Bà la môn thật là giả dối. Trong lòng họ còn những tật xấu xa, họ kiếm những phương thế làm cho thỏa mãn tình dục của họ, song bề ngoài họ khoe là họ trong sạch.

Trước khi họ muốn giết con thú vật ăn thịt, thì họ làm bộ đọc kinh cầu nguyện, họ nói rằng hồn mấy con thú nhờ vậy mà được về Trời.

Nếu thật như thế sao họ không đem bà con thân thích họ giết hết rồi họ đọc kinh cầu nguyện cho hồn mấy người đó lên tuốt trên trời đi. Có khi nào mà mấy câu kinh và vài chén nước lã đưa linh hồn mấy con trư, mấy con dê lên Thiên đường được bao giờ.

Nói rồi thì chúa Tri Săng Cu tỏ cho ông thầy Bà la môn biết rằng Ngài rất thạo kinh Phệ Đà vậy.

Bài này là một cái gương soi lòng những người nào còn tự kiêu, lấy giai cấp mà làm sự vinh diệu đó.

Phật thật là Đại Đức Từ Bi, Ngài cũng thường nói rằng: Luật ta là luật hỉ xả cho cả thầy chúng sanh. Nó làm cho người ăn mày, ăn xin thành ra người tu hành mặc áo cà sa lánh vòng trần tục.

2.- KHÔNG NÊN CÂU NỆ

Trời không thể làm cho hoa mùa nọ nở mùa kia, cho nên thánh nhân không trái thời.

Đất không thể làm cho khí tiết xứ kia đổi ra xứ nọ, cho nên thánh nhân không trái tục.

Thánh nhân không có thể làm cho tay biết đi, chơn biết cầm, cho nên thánh nhân không làm trái cái tài riêng.

Thánh nhân lại không có thể làm cho cá biết bay trên không, chim biết bơi dưới nước, cho nên thánh nhân cũng không dùng trái cái tài riêng của người.

Vì vậy, lúc nên động, lúc nên tĩnh, lúc nên tối, lúc nên sáng, ta không nên câu nệ một đường nào, thì mới là hợp đạo.

QUAN DOÃN TỬ

LỜI BÀN: Cây cỏ, giống vật cả đến người ta, mỗi loài mỗi giống thường có những đặc tính riêng của loài ấy, giống ấy, cách tri dù có tinh xảo, cũng không thể bắt cho cả mọi loài một giống như nhau cả. Suy như thế, thì bất cứ về mặt gì tính tình phong tục cho đến cả tôn giáo, học thức ta không nên câu nệ chấp nhứt một đường nào, chỉ biết cái phải của ta mà không rõ cái phải của người. Ta phải có lượng rộng dung được cả mọi cái, bao quát được cả mọi việc, thì ngô hầu mới là người sáng suốt vậy.

THÁNG THỨ BẢY

CAN ĐẢM

Can đảm là một tánh rất tốt cần phải luyện tập như tập thể thao cho các bắp thịt nở nang vậy.

Mỗi người trong chúng ta đều nhút nhát không nhiều thì ít. Chúng ta dạn dĩ trong phương diện này mà sợ sệt trong một hay nhiều phương diện khác. Nhút là trong thời đại nguyên tử này, phần đông thiên hạ sống trong cảnh hồi hộp, không biết hòa bình tới ngày nào chấm dứt vì viễn ảnh lời mờ. Nhưng muốn trị bệnh phải trị tận gốc. Một khi mình thật biết mình là Chơn thần, trường sanh bất tử, không có chi làm hại được – xác thân này không phải là thật mình, nó còn mất không chừng, thì chừng đó con người hết sợ sệt nữa. Con người rất bình tĩnh mà xem xét mọi việc xảy đến cho đúng giá trị của nó và tìm phương thế đối phó. Quả thật ở đời nếu không có gan dạ thì không thể chịu đựng những sự nghèo khổ khó khăn, đau ốm, bệnh tật, buồn bực, sầu não; chúng nó tới liên miên, cái này chưa dứt cái khác đã nối theo, làm sao sống nổi, làm sao gỡ rối. Người nhát sợ không thể làm việc lớn lao được.

Trong đường đạo cũng vậy, không gan dạ không thể tiến xa. Học đạo rồi tới một ngày kia sẽ biết phép tự ên xuất vía. Khi lên cõi Trung giới lần thứ nhứt, tinh táo như lúc thức ở cõi trần thì phải chịu thử trước hết là bốn cách: địa, thủy, hỏa, phong, giống như những cuộc thử thách những thí sanh khi muốn học đạo trong Kim Tự Tháp Khéops thuở xưa. Hơn nữa những tinh tú (ngũ hành) cõi Trung giới không ưa những người ở thế lên chỗ họ ở, họ sợ mấy người này lên làm rộn họ cho nên họ hóa ra những hình dữ tợn tới nhất. Nếu sợ quá chạy về nhập xác thì có khi phát điên khùng.

Sau đây vài phương pháp trị bệnh nhát sợ:

a). Vô trong tối sợ. – Quý bạn hãy nhớ rằng: tối với sáng là tương đối, nếu con mắt ta nhận được những điện tử thì sẽ thấy mọi vật đều chiếu sáng và không tối nữa. Thường thường thì người ta sợ ma, nhưng ma là chi? Ấy là hồn người đã chết. Người chết rồi qua cõi khác tấn hóa nữa, ít ai

muốn ở lại cõi trần, trừ một vài trường hợp đặc biệt: cần giải quyết một vài vấn đề mà họ còn thắc mắc hồi sanh tiền. Một nỗi nữa, muốn hiện hình phải biết cách lấy chất dĩ thái tinh khí (éthers) làm ra cái hình giả, điều này không phải mỗi hồn ma đều làm được. Thí dụ họ hiện ra: mình đừng sợ, đừng hoảng hốt, đừng chạy đi, hãy đứng lại hỏi họ muốn chi? mình sẽ giúp họ. Tự nhiên họ sẽ tỏ ý muốn cho mình biết. Thường thường họ liệng đá gạch, dở bàn ghế. Đó là họ tỏ dấu họ còn sống như người thường, nhưng tại họ không còn xác thật nên không nói chuyện được. Họ khác với ta chỉ có bấy nhiêu đó thôi. Thế thì có chi phải sợ họ.

Các bạn sẽ nói: Nếu họ hiện hình hung dữ nhất? Quý bạn chớ lo: Quý bạn gặp trường hợp đó cứ thản nhiên nói: "Mấy anh chớ nên khuấy chơi, chúng ta đều là Chơn thần cả mà", bấy nhiêu đó đủ làm cho họ tỉnh ngộ. Nếu họ làm dữ đừng nao núng, lấy ngón tay trỏ chỉ tới ngay họ miệng niệm chữ "AUM" tức thì họ biến mất liền. Đây là

trường hợp cấp bách mới dùng tới chữ “AUM” không nên lạm dụng mà gây ra ác cảm với hồn ma vô ích và mang quả xấu về sau. Đi trong tối ta phải đề phòng rắn rít, bò cạp hay những thú có thể làm nguy hại tới sanh mạng ta, chỉ bấy nhiêu đó thôi, chớ đừng sợ ma. Trong một muôn lần hết chín ngàn chín trăm chín mươi chín lần tại trí tưởng tượng của mình sanh ra ma, chớ kỳ thật không có *ma hiện hình*, còn một lần nữa là do hiện tượng tự nhiên như gió thổi, lá cây xào xạc v. v. . .

b). Nếu lên Trung giới gặp ngũ hành hóa hình hung tợn, cứ thản nhiên. Hãy tươi cười với họ rồi nói: “Quý hữu, chúng ta đều là anh em với nhau mà”. Nói rồi đem tư tưởng từ bi bác ái ban rải cho họ, tự nhiên cảm hóa họ dễ dàng và họ trở nên vui vẻ tản đi, sau mình nhờ họ giúp mình vài việc.

c). Sợ rắn – Hãy nói trong lòng: Nó là thú vật, ta là con người, ta khôn ngoan hơn nó. Ta có đủ phương thế trị nó, không cho nó phạm tới mình

ta. Quả thật nọc nó độc song ta cũng có thuốc giải độc chích hoặc uống vô thì nọc làm tan không hại được.

d). Còn nhiều trường hợp khác nữa. Song phương pháp căn bản như sau đây. Tưởng tượng thấy việc đó hay ai đó tới trước mặt, mình tìm cách đối phó hay giải quyết cho ổn thỏa, trong lòng cứ bình tĩnh coi như thường. Cái nào phải đến thì đến cho rồi và nhớ kỹ điều này: Luôn luôn nên lấy lòng từ bi bác ái đặng cảm hóa người thì chặt đứt được những dây oan trái. Phải mỗi ngày mỗi tập chớ không phải tập một lần mà thấy kết quả.

NHỮNG GƯƠNG CAN ĐẢM

1.- TRÍ, TRUNG, DŨNG

Nước Tần bị nước Sở đánh, phá tan mất cửa thành phía Tây. Sau người Sở lại bắt dân nước Tần ra tu bổ lại cửa thành ấy.

Một hôm Đức Khổng Tử đi xe qua đây, không cúi đầu vào miếng gỗ trước xe. Thầy Tử Cống

dừng cương lại hỏi: “Cứ theo lễ, đi xe qua chỗ ba người thì phải xuống xe, qua chỗ hai người thì phải cúi đầu vào miếng gỗ trước xe để tỏ lòng kính trọng. Nay quan dân nước Tần sửa sang cửa thành biết bao nhiêu là người, thế mà Thầy đi qua không tỏ lòng kính trọng là cố làm sao?”

Đức Khổng Tử nói: “Nước mất không biết là bất tri; biết mà không lo liệu là bất trung; lo liệu mà không liều chết là bất dũng. Số người nước Tần tuy đông, mà ba điều ấy không biết được một, thì bảo ta kính làm sao được.”

HÀN PHI TỬ

LỜI BÀN: Cứ theo cổ lễ rất phiền (ba người phải xuống xe?) nhưng Đức Khổng Tử vốn là người hay giữ lễ nên Thầy Tử Cống mới hỏi.

Đức Khổng Tử mới đáp thế, ý hằn quan dân nước Tần bấy giờ ai nấy đều vui vẻ, hình như không còn ai biết đến nước là gì. Nếu quả vậy thì có người cũng như không. Ngài không kính là phải, vì rằng: “Ngu dân bách vạn vị chi vô dân”,

nghĩa là nhân dân ngu dại thì tuy dân số nhiều đến trăm vạn, cũng đáng bảo là không có một người dân nào.

CỔ

HỌC

TINH

HOA

2.- BỌ NGỰA CHỐNG XE

Một hôm Trang Công nước Tề xe giá đi săn. Xe ra khỏi thành, đi trên đường cái có con bọ ngựa, cứ đứng giữa đường, giương cẳng chực chống lại với xe. Tả hữu thấy thế, kêu lên rằng: “Chết ! Chết !” Trang Công nghe tiếng, tưởng sự gì nguy hiểm, vội vàng bắt dừng xe lại hỏi. Tả hữu thưa: “Có con bọ ngựa thấy xe sắp đến, không tránh lại còn giơ cẳng lên muốn chống lại. Giống bọ ngựa chỉ biết tiến lên, chớ không biết lùi. Không chịu lượng sức mình khỏe hay yếu, hễ gặp cừu địch thì xem thường, xem khinh, cứ lập tức xông vào đánh. Xin cứ để cho xe đi, xem bọ ngựa sống hay chết thế nào?”

Trang Công nói: “Hãy khoan, giống bọ ngựa thế mà đáng kính. Giả sử có một người bị kẻ tàn

bạo hà hiếp, không ngại gian nan, không sợ nguy hiểm, nhứt quyết tiến lên, chọi đến cừu địch, chết cũng không thoái tị thì chẳng đáng nên tôn kính lắm ư?”

Nói đoạn Trang Công bảo tránh xe đi sang một bên. Từ hôm đó, bọn tướng sĩ Trang Công nghe thấy câu chuyện, khi phải đi đánh giặc đâu, là liều chết tiến lên, chớ không chịu không bằng con bọ ngựa.

HÀN THỊ NGOẠI TRUYỆN

LỜI BÀN: *Có kẻ cừu địch trước mặt, không biết lượng sức người ta yếu hay khỏe thế nào, cứ liều xông vào chọi, có khi như trúng chọi với đá, nồi đất chọi với nồi đồng, thì cũng khờ dại đáng tiếc. Tuy vậy có kẻ hà hiếp mình thậm tệ mà mình đủ chí khí chống lại, thế là mình hiểu được cái lẽ tự vệ, chết cũng không chịu nhục. Nhất là mình lại quả quyết phẫn chấn tiến lên, không chịu nhẫn nhục lùi lại, thế là có dũng khí đáng khen. Ôi ! giống bọ ngựa là giống sâu bọ còn biết thế, huống chi là giống người là bực tinh anh lại chịu*

kém bộ ngựa hay sao? Trang Công thật khéo biết dạy, và tướng sĩ Trang Công thực là biết nghe ra vậy.

CỔ HỌC TINH HOA

THÁNG THỨ TÁM

THANH KHIẾT

Muốn được hoàn toàn tinh khiết thì phải đủ ba điều kiện này:

- a) Thân tinh khiết
- b) Ý tinh khiết
- c) Trí tinh khiết

a) THÂN TINH KHIẾT

- Hạng xuất gia phải trường trai tuyệt dục
- Hạng cư sĩ phải trường trai và có điều độ.

b) Ý và TRÍ TINH KHIẾT

Không nên sanh một ý muốn hay một tư tưởng quấy quá. Phải nuôi những ý muốn và những tư

tưởng thanh cao từ bi bác ái. Nếu có một tư tưởng hay một ý muốn quấy quá ở ngoài xông vào nhiễm cái vía hay cái trí ta, thì ta phải xua đuổi nó đi lập tức. Xua đuổi đây có nghĩa là tưởng tới tư tưởng tốt đối lập với ý muốn hay tư tưởng quấy quá đó. (Xin xem lại chỗ kiểm soát tư tưởng).

Tinh hoa đạo Phật gồm trong ba câu này:

- a) Lánh dữ.
- b) Làm lành.
- c) Rửa lòng cho trong sạch.

Lánh dữ tức là trì giới thuộc về tánh thụ động. Làm lành và rửa lòng cho trong sạch thuộc về tánh hoạt động. Hãy xem: mặt kiếng để soi, nếu mỗi ngày không lau chùi thì đóng bụi dơ, hóa ra lu mờ. Cũng thế ấy, nếu ta để những tư tưởng hay ý muốn quấy nhiễu tới tâm ta thì nó trở nên như bọt, ta không đồng hóa chơn lý được, vì chơn lý vô tâm, ta thì biến đổi ra khác cũng như kiếng lồng đèn đỏ thì ta thấy ngọn đèn đỏ chứ không còn trong trắng nữa. Người ta nói tâm viên ý mã.

Nhưng người ta lầm lộn cái trí là cái tâm. Chính là cái trí lao chao, tưởng cái này rồi nhớ cái kia cũng như con khỉ ở trên cây, buông nhánh này bắt nhánh nọ liền liền, không chịu ở một chỗ cho lâu.

Nói tóm lại: muốn trở nên thanh khiết thì bước đầu tiên là phải *kiểm soát tư tưởng* – tức là tự biết mình sanh ra tư tưởng và ý muốn nào, tốt hay xấu, phải chọn lựa lấy cái lành và bỏ cái không lành.

Hữu phước thay những người tấm lòng thanh khiết. Họ sẽ thấy Đức Thượng Đế.

NHỮNG GƯƠNG THANH KHIẾT

1. – CHUYỆN NHỮNG NGƯỜI KHÔNG TU LUYỆN CHỈ CÓ LÀM BỐN PHẬN MÀ ĐƯỢC GIÁC NGỘ.

Một vị tiểu đạo sĩ Săn ni da sen (Sannyāsin) [\[16\]](#) lánh tục vào rừng, tu luyện nhiều

năm, một ngày kia thầy ngồi dưới gốc cây, lá vàng đổ rơi rớt trên đầu thầy. Thầy dòm lên thấy một con quạ và con sẻ cắn lộn nhau trên ngọn cây. Thầy lấy làm tức giận và hét lên rằng: “Chà ! Chúng bây dám làm cho lá cây rớt trên đầu ta à !” Trong lúc thầy thốt ra câu nói đó, cặp nhãn quang đây về tức giận chiếu thẳng vào cặp chim, thì bỗng một tia lửa trong cặp mắt thầy xẹt lên đốt hai con chim ấy cháy tiêu ra tro.

Thầy lộ vẻ mừng đặc chí, thật là một cái mừng tràn ngập vì thầy thấy được phép màu của bao nhiêu công phu khổ luyện bấy lâu, nay chỉ có cái trừng mắt mà làm cháy tiêu hai con chim vậy! Ít ngày sau, thầy đi khất thực nơi thành thị, thầy ghé một nhà kia thầy mới nói: “ Thưa mẹ^[17] hãy bố thí cho tôi chút ít cơm độ khẩu”. Bỗng nghe trong nhà có tiếng đưa ra: “Con ơi! hãy chờ tôi một chút”. Tiểu đạo sĩ nổi giận nói trong lòng rằng: “Người đàn bà khốn nạn kia ơi, sao người dám bảo ta chờ, người chưa biết ta có phép màu à !” Trong lúc thầy đương tư tưởng như thế thì lại

nghe tiếng trong nhà nói ra: “Con ơi ! con đừng tưởng đến con quạ, ở đây không có quạ và sáo đâu !” Thầy ấy lấy làm kinh ngạc, đứng chờ và không dám nói chi nữa. Khi xong công việc rồi thì bà chủ nhà mới đi ra cửa, thầy bèn quì trước mặt bà và hỏi rằng: “Thưa mẹ, làm sao mẹ biết được như thế?” Bà đáp lại rằng: “Con ơi ! tôi không biết con tu những gì và luyện tập cách nào. Tôi là một người đàn bà tầm thường thôi. Tôi bảo con chờ tôi bởi vì chồng tôi đau và lúc ấy tôi đương mắc tay săn sóc chồng tôi. Trong đời tôi, tôi chỉ hết sức làm tròn bổn phận của tôi. Trước khi tôi lấy chồng, tôi giữ tròn bổn phận làm con đối với cha mẹ; khi tôi có chồng rồi, tôi ăn ở trọn đạo với chồng tôi, đó là cái đạo tu hành của tôi. **Trong lúc tôi cố làm tròn bổn phận, tôi được giác ngộ, vì thế nên tôi biết được tư tưởng của con, biết con làm gì ở trong rừng.** Nếu con muốn học hỏi thêm những điều cao xa hơn nữa, thì con nên đi đến thành kia, nơi đó con sẽ gặp một người Uy da đa (Vyādhya) [\[18\]](#). Người ấy sẽ

dạy cho con những điều mà con rất hân hạnh muốn biết. Thầy ấy suy nghĩ rằng: “Tại sao mình phải đến thành kia và phải tìm đến anh Uy da đa (Vyādha)? Song thầy vì đã thấy việc thành linh khi này, tinh thần thầy mở thêm, nên thầy làm theo lời người đàn bà khuyên bảo.

Khi đến gần thành kia, thầy thấy một người Uy da đa mập mạp đang chặt thịt và nói giá cả với những người đứng mua, thầy nói thăm rằng: “Xin Thượng Đế giúp con! Có phải người này mà con cần phải học hỏi thêm nữa chăng? Thật là một linh hồn ma quỷ nào đầu thai vào xác thịt như thế kia !” Song người Uy da đa dòm thấy rồi nói với thầy rằng: “Sờ hoa mi (Swami) ơi, có phải bà già bảo thầy đến tìm tôi chăng? Mời thầy ngồi chơi, chờ tôi bán xong hàng thịt của tôi một chút”. Tiểu đạo sĩ Sannyāsin kinh ngạc, nghĩ thăm rằng: “Rồi đây sẽ xảy đến cho tôi việc gì?” Đoạn thầy ngồi chờ, còn người hàng thịt thì cứ tiếp tục công việc của y. Khi bán hết rồi, người ấy góp hết tiền bỏ vào túi và nói với tiểu đạo sĩ rằng: “Mời thầy lại

nhà tôi". Khi hai người về tới nhà, người Uy da đa chỉ ghế cho thầy ngồi và xin thầy chờ y một lát, rồi người ấy bước vào trong nhà.

Anh lau mình, rửa mặt cho ông già và bà mẹ già của anh; anh dựng cơm cho cha mẹ anh và anh làm công việc của cha mẹ anh cần dùng.

Xong xuôi rồi anh mới ra chỗ tiểu đạo sĩ ngồi và nói rằng: "Thầy đến thăm, thật tôi lấy làm hân hạnh, tôi không biết lấy chi đáp lại tấm thịnh tình này . . .?" Tiểu đạo sĩ mới hỏi anh vài câu về linh hồn và Thượng Đế, người Uy da đa nhân đó giảng cho thầy nghe một bài thuyết pháp, mà bài này ở trong kinh Ma ha bờ ha ra ta (Mahabhārata) và người ta gọi bài ấy là Uy đờ ha Ghi ta (Vydhā Ghita). Bài thuyết pháp này chứa một trong những đoạn hay của kinh Huê đăn ta (Védanta). Khi người Uy da đa ngưng nói, tiểu đạo sĩ rất lấy làm ngạc nhiên và nói với người Uy da đa: "Tại sao anh ở trong cái thân hình này? Với sự hiểu biết của anh, tại sao anh đầu thai ở

trong hạng người Uy da đa? Tại sao anh làm cái nghề ghê tởm, nhơ nhớp này?”

Người Uy da đa đáp rằng: “Thầy ơi, không có bốn phận nào nhơ nhớp, không có nghề nào ghê tởm. Tôi sanh nhằm địa vị hoàn cảnh này. Trong lúc tôi còn nhỏ, tôi đã học cái nghề này. **Tôi sống đây chẳng có gì dính dấp trói buộc tôi cả và tôi cố sức làm tròn bốn phận của tôi. Tôi làm tròn bốn phận của tôi là người chủ gia đình, và tôi cố làm cho cha mẹ tôi được hạnh phúc. Tôi không biết cái đạo của thầy, tôi không phải là hạng Săn ni da sen, lại tôi không phể bỏ cuộc đời mà vào rừng sâu. Nhưng tất cả những điều tôi biết và thấy được trong tư tưởng thầy là nhờ tôi thi hành theo đúng bốn phận tôi đối với một sự không quyến niệm, nghĩa là không câu thúc mình vào việc đó, mà bốn phận tôi, đó cái nghề của tôi vậy”.**

Thế nên khi ta lãnh một phận sự nào, ta phải cố làm cho tròn bốn phận, đừng tưởng

gì ngoài việc làm ấy. Ta làm như ta chỉ ham một việc ấy thôi, ham một cách trong sạch và chú tâm, trong khi ta thi hành việc đó. Cũng như chuyện của người Uy da đa và người đàn bà, nhờ họ làm tròn bốn phận một cách rất vui vẻ và tận tâm nên họ được giác ngộ.

B. N.

2. – CHUYỆN NÀNG KỸ NỮ VÀ VỊ ĐẠO SĨ SA NI DA SEN (Sannyāsin)

Thuở xưa có một vị đạo sĩ tu luyện gần bên đền thờ Đức Thượng Đế Si hoa (Shiva). Ngay tịnh thất của ông là nhà của một nàng kỹ nữ, ngày đêm rước khách không ngớt. Đạo sĩ thấy vậy bèn kêu nàng kỹ nữ nói rằng: “Này con! Con có biết con phạm tội lỗi tới ngần nào không? Ngày đêm con dụ dỗ bọn đàn ông con trai vào đường hoa nguyệt. Con làm chuyện đồi phong bại tục trái với luật Trời. Con sẽ bị Trời phạt nặng nề”. Nói xong

ông mới giảng đạo lý cho nàng nghe. Nàng hết sức hối hận về những điều quấy của nàng đã làm, nên từ đó nàng thành tâm cầu nguyện Trời tha tội cho nàng. Nhưng bởi nàng không có phương kế khác sanh nhai, nên buộc mình phải tiếp tục nghề như nhớp đó. Tuy vậy, mỗi lần tiếp khách mua hoa dày vò thân nàng, thì nàng rất ghê tởm và nàng xin Đức Thượng Đế chứng minh lòng thành của nàng và hỉ xả cho. Vị đạo sĩ thấy dường như lời khuyên của ông không có hiệu quả mới tự nói: “Để ta tính coi trọn đời, nàng này rước bao nhiêu khách”. Ngay khi đó hễ mỗi người vô nhà nàng thì ông lấy một cục sỏi để một bên. Tới ngày kia những sỏi chất thành đống cao. Ông bèn kêu nàng kỹ nữ chỉ cho coi và nói: “Con hãy xem đống sỏi đó, mỗi cục sỏi là một tội ác của con gây ra từ lúc ta đã chỉ đường ngay thẳng cho con. Ta khuyên con hãy sửa tánh nết con lại và ta lặp lại một lần nữa: “Con phải gội rửa những lỗi lầm đó đi”. Nàng kỹ nữ rung rẩy lập cập và khóc mùi mẫn khi thấy tội lỗi của nàng chồng chất lên cao.

Nàng bèn vái lăm thẳm: “Lạy Đức Thượng Đế, xin Ngài giải thoát kiếp đau khổ của con đi”.

Lời cầu nguyện của nàng được chứng chiểu. Tử thần tới rước nàng nội ngày đó. Nàng đã thoát kiếp trần ai khổ não.

Mà một điều lạ xảy ra, do thiên ý đã định là vị đạo sĩ cũng bỏ xác một ngày với nàng kỹ nữ. Các Thiên thần, bộ hạ của Quích nu (Vishnou) xuống rước hồn nàng về cõi Thiên đường; trái lại hồn của vị đạo sĩ bị quỷ sứ dẫn xuống âm phủ. Đạo sĩ thấy lẽ trái ngược như thế bèn la lên: “Đức Thượng Đế công bình như thế nào? Trọn đời tôi sống trong cảnh thanh bần, tu hành khổ hạnh mà tới lúc thác người ta đem tôi xuống địa ngục, còn ả buôn hương bán phấn đó, trọn một kiếp dầy dầy tội lỗi mà được lên Thiên đường à?” Thiên thần bèn đáp: “Đức Thượng Đế không bao giờ lăm lặc trong sự xét đoán bao giờ. Người ta gieo giống chi thì gặt giống nấy”. Trên đời Ngài sống trong cảnh hư vinh, Ngài khoe khoang cho thiên hạ thấy công đức của Ngài, Ngài đeo đuổi theo

những danh vọng hão huyền; Ngài muốn cho người ta kính trọng và ca tụng Ngài. Trời đã ban thưởng Ngài rồi đó. Ngài không hề thật lòng mến Đức Thượng Đế chút nào cả.

Trái lại, nàng này ngày đêm thành thật cầu khẩn Đấng Chí Tôn trong lúc thân mình nàng phạm tội lỗi. Bây giờ hãy coi người trần thế đối đãi với xác thân của Ngài và xác thân của nàng như thế nào? Bởi xác thân của Ngài không phạm tội lỗi cho nên người ta mới đem tràng hoa phủ lên và cô đi tới sông Hằng hà, theo sau quần chúng và tiếng nhạc vang đầy, mà cũng trong lúc ấy xác thân bản thú của nàng đương làm mồi cho kên kên quạ quạ và lang sói. Nhưng bởi tấm lòng nàng trong sạch cho nên linh hồn nàng mới được về cõi Thiên đường là nơi để ban thưởng những người không nhiễm trần ai. Còn lòng của Ngài chỉ để ngắm xem những tội lỗi của kẻ khác, vì thế nó trở nên như bợn. Bởi vậy Ngài phải xuống cõi âm phủ để chữa những người lòng dạ

xấu xa. Chính Ngài mới thật là kỹ nữ chớ không phải nàng đó đâu”.

LỜI BÀN: *Chuyện này có thật hay không điều đó ta tưởng không cần thiết lắm, có thật cũng được, không có thật cũng được; nhưng ý nghĩa của nó rất sâu xa và rất đúng với Chơn lý. Trong bài này có ba điều ta phải ghi nhớ mãi:*

a) *một là: quả báo trả từ cảnh – Quả báo của việc làm trả cho xác thịt, quả báo của ý muốn trả cho cái vía, quả báo của tư tưởng trả cho cái trí và cái tâm;*

b) *hai là: mình phải tự biết mình và lo rửa lòng cho trong sạch, đừng háo hức danh;*

c) *ba là: không nên xem bề ngoài mà xét đoán những tội lỗi của kẻ khác.*

Theo luật Nhân Quả con người gieo giống chi thì gặt giống nấy. Những khổ hạnh bề ngoài giống như một lớp sơn phủ lên những tấm ván mục, nếu tấm lòng ta còn vấy bợn nhơ, không lo sửa tư tưởng, ý muốn cho hợp với cơ Trời. Con

người có thể khoe khoang với con người, chứ không có chi qua mắt các đấng Thiên liêng được. Như Thiên thần đã trả lời với vị đạo sĩ " . . . Còn lòng Ngài thì để ngắm xem những tội lỗi của kẻ khác, vì thế nó trở nên như bợn". – Đây là sự thật. Một khi mình nhớ tới tánh xấu của người nào thì tư tưởng của mình tới thêm sức cho tánh xấu của người đó làm cho va xấu thêm. Đồng thời cái trí của mình rút những tư tưởng xấu, đồng bản tánh với tật xấu đó vô, làm cho nó trở nên đen tối và lòng dạ của mình vì đó trở nên hèn mạt. Chính là ta hại người mà ta trở lại hại ta một lượt nữa.

Thế nên xin nhắc lại điều kiện tối cần cho sự thành công trong đường Đạo hay đường Đời là: mình phải tự biết mình trước nhất vì tánh tình mình là khí cụ của mình dùng. Mình phải hết sức gắt gao với mình, mà trái lại luôn luôn tha thứ cho người. Không nên khinh khi, rẻ rúng ai cả, mặc dầu thấy người ta còn ở trong vòng tội lỗi. **Một sự sa ngã chưa phải là dấu hiệu của**

một sự thấp thỏi. Nhiều khi bị luật Nhân quả, người ta phải làm những điều hèn hạ đặng đền bù tội lỗi kiếp trước, nhưng trong mấy cõi vô hình người ta đã tiến hơn mình rất xa. Sau khi dứt hết các dây nghiệt chướng rồi, người ta bước vào cửa đạo và đi mau lắm, ta không thể theo kịp. Điều này ta chớ lấy làm lạ. Phải là Chơn sư mới hiểu rõ được sự tấn hóa của con người tới bậc nào, tới bậc đó mới không còn lầm lạc nữa. Chính là thuở xưa Phật cũng thân nhận làm đệ tử những kỹ nữ thuộc về hạng sang trọng, tiếng Pháp dịch là "courtesances".

Chuyện nàng "Kỹ nữ và vị đạo sĩ" là một, còn chuyện dưới đây vốn của ông Đại tá Olcott thuật lại do sự kinh nghiệm của ông, cũng một ý nghĩa với bài trên.

3.- KHÔNG NÊN COI THEO BỀ NGOÀI MÀ XÉT ĐOÁN

“Một ngày kia tôi bị một vị Chơn sư ở Bombay quở trách nặng nề vì tôi do dự không nhận làm hội viên một người có lòng thành nhưng đã bị một nhóm tín đồ Cơ Đốc giáo hành hạ ngược đãi và bắt bỏ tù vì một lẽ riêng. Ngài mới cho tôi coi bề trong của những vị bằng hữu cộng tác với tôi và tôi hiểu rằng: “Mặc dầu họ có những ý muốn tốt đẹp, hết chín phần mười phạm tội một cách kín đáo vì bởi họ còn yếu tánh. Đây là một bài học cho tôi, trọn đời tôi không hề quên, và từ đó sắp sau tôi rất kiên dè, không hề xét đoán những vị cộng tác với tôi nữa; phần đông họ không yếu đuối hơn tôi mà tôi cũng không hoàn toàn hơn họ; mặc dầu họ vượt núi không nổi, họ cũng như tôi, vẫn kiên gan lo leo trèo cực nhọc cho tới chót.

Mấy năm về trước, khi tôi tới Bombay lần đầu tiên, bà Blavatsky có nói với tôi: “Nhiều vị Chơn sư hội họp với nhau rồi cho trải qua trước mắt các Ngài một luồng ánh sáng tinh giới [\[19\]](#) trong đó hiện ra phản ảnh những tánh tình của các hội

viên người Ấn. Bà liền yêu cầu tôi định coi hình nào tốt đẹp hơn hết. Tôi bèn đề nghị: Ấy là một người Bạt si (Parsi), ở Bombay, còn trẻ, hiện là hội viên rất hoạt động và rất tận tụy, ai ai cũng nhận thấy điều đó. Bà bèn tươi cười mà nói: “Hình đó không tốt đẹp chút nào; người mà tánh tình tốt hơn hết là anh Băn ga li (Bengali) khổ, lúc đó lại mang tật uống rượu. Chẳng bao lâu anh Bạt si ra hội rồi trở lại công kích chúng tôi, còn anh Băn ga li bỏ rượu và bây giờ thành một người chơn tu. Bà mới cắt nghĩa rằng: “Có nhiều tật xấu thuộc về nhục dục chỉ có ảnh hưởng đến xác thịt mà thôi và không có để dấu vết mãi mãi trong tâm hồn. Trong những trường hợp này, bốn tánh thiêng liêng rất hùng dũng và trong một cuộc chiến đấu ngăn ngừa rửa sạch hết các vết bợn ở ngoài”.

KẾT LUẬN: Tôi xin lấy hai đoạn này, qui tắc 2-4 và 5-8, rút trong quyển Ánh Sáng Trên Đường Đạo [\[20\]](#) mà kết luận:

Chúng tôi rón thật hành theo lời khuyên dạy của một Đức Thầy trong các Đức Thầy của chúng tôi dưới đây:

Nếu các con gắng công bước tới trước được một bước, nếu các con có được một sự tiến bộ rõ rệt, các con chớ nên tự nói: “Tôi đã làm được như thế, quả thật, tôi đã tiến bộ”. Tốt hơn là nên tưởng nghĩ như thế này: “Tôi rất hữu phước mà làm được như thế bởi vì do sự thành công của tôi, nhân loại càng tiến gần, lúc mà nhân loại sẽ tự mình thấy chân tướng của mình, và đến gần mục đích mà Thượng Đế đã định cho nhân loại. Do nơi sự thành công của tôi, nhân loại tiến tới một bước, khiến cho mỗi phần tử của nhân loại tiến bộ được một ít”. Như thế người ta có thể tưởng nghĩ đến trọn cả gia đình của y, từ đứa con nhỏ cho đến nội tổ cao niên, để lo lắng cho sự thịnh vượng chung tất cả.

Con đừng tưởng rằng con có thể sống riêng biệt với kẻ hung dữ hay là người ngu ngốc điên cuồng [\[21\]](#).

Họ cũng là con mặc dầu họ ở vào một trình độ thấp kém hơn bạn con hay là Sư phụ con. Nhưng nếu con để nầy nở ý nghĩ rằng con không liên đới với một vật nào hay một người nào tức là con sẽ tạo ra một nghiệp quả trói buộc con vào người đó hay vật đó, cho tới chừng nào tâm hồn con nhận thấy nó không có thể sống riêng biệt được.

Con nên nhớ rằng tội lỗi và sự nhục nhã của nhân loại là tội lỗi và sự nhục nhã của con vì con là một phần tử của nhân loại. Nghiệp quả con kết chặt với Đại Nghiệp quả . . . (Nghiệp quả của nhân loại).

Và trước khi con giác ngộ con phải trải qua tất cả mọi nơi, chỗ bợn nhơ cũng như chỗ sạch sẽ. Con hãy nhớ rằng cái áo dơ dáy mà vừa đựng tới con đã nhơm gớm, có thể con đã mặc nó hôm qua và có thể con sẽ mặc nó

lại ngày mai nữa. Nếu con day mặt chỗ khác ghê tởm nó chùng nào thì khi nó đặt lên vai con rồi nó sẽ bó chặt con lại chùng này. Người nào khoe khoang đức hạnh của mình tức là sửa soạn xuống nằm dưới bùn lầy. Con phải trì giới vì trì giới là tốt chớ không phải giữ mình con cho được trong sạch.

4.- ÔNG QUAN THANH BẠCH

Dương Chấn được bổ đi làm thái thú quận Đông Lai. Lúc đi phó nhậm, qua đất Xương ấp, quan huyện ở đây là Vương Mật, trước được nhờ ông đề bạt cho, vào yết kiến. Rồi đợi đêm khuya đem vàng đến lễ.

Dương Chấn bảo:

- Trước, tôi biết ông là người khá, mới cử ông lên thế mà ông vẫn chưa biết bụng tôi, còn đem vàng đến cho tôi ư?

Wương Mật cố nài, thưa rằng:

- Xin ngài cứ nhận cho. Bây giờ đêm khuya không ai biết.

Dương Chấn nói:

- Trời biết, đất biết, ông biết, tôi biết, sao lại bảo là không ai biết?

Vương Mật nghe nói xấu hổ lùi ra.

Dương Chấn thật là một quan thanh liêm, chỉ chăm việc dân, việc nước, không tham nhũng, không làm giàu cho mình. Ông thường nói: "Làm quan mà để được cái thanh bạch cho con cháu chẳng quý hơn ruộng nương tiền của để lại cho chúng ư?"

LỜI BÀN: Làm quan như ông Dương Chấn đối với người mình đã đề bạt không cần ơn, đối với dân mình cai trị không ăn lễ, lúc đêm khuya, tấm lòng cũng rõ rệt như lúc thanh thiên, bạch nhật, chẳng cũng là một ông quan thanh liêm đáng làm gương cho những bọn tham quan ô lại những muôn đời ư ! Làm quan mà vợ vét cho nhiều, chính mình chắc đâu đã giữ được, huống chi còn mong để lại cho con cháu. Như thế thì để lại cho chúng cái tiếng thanh bạch thơm tho muôn thuở

*chả hơn là cái của phi nghĩa chỉ làm cho chúng
kiêu sa dâm dật rồi đi đến bại vong ư !*

CỔ HỌC TINH HOA

5.- CỬA BÁU

Nước Tống có người được hòn ngọc, đem biểu
quan Tư thành là Tử Hãn. Tử Hãn không nhận.
Người biểu ngọc thưa rằng:

- Ngọc này tôi đã đem cho thợ ngọc xem, quả
là một thứ ngọc rất báu, mới đem dâng quan lớn,
xin quan lớn nhận cho, tôi được vui lòng.

Tử Hãn nói:

- “Người cho ngọc là của báu, ta cho tính không
tham là của báu. Người đem ngọc cho ta, nếu ta
nhận thì cả hai bên cùng mất cả của báu. Ấu là
người cứ đem về. Ai giữ lấy của báu của người ấy,
như thế của báu của hai người đều còn cả, thì
chẳng là hơn ư?

Người biểu ngọc cúi đầu thưa:

- “Chúng tôi là thường dân mà lại có ngọc này, chần sợ trộm cướp mà có khi hại đến thân . . .

Tử Hãn thấy thế, lưu người ấy lại, gọi thợ ngọc đến giữa ngọc bán được tiền rồi bèn đưa cho người ấy đem về để làm giàu.

LỜI BÀN: Đã là người ai cũng có hiếu thượng, cái hiếu thượng ấy là của báu của mình. Nhưng hiếu thượng, không ai giống ai. Người kiến thức thô鄙 thì hiếu thượng thô鄙, người kiến thức cao minh thì hiếu thượng cao minh. Kẻ dâng ngọc chỉ biết ngọc là quý, nhưng người không nhận ngọc lại cho thanh liêm mới là báu. Làm quan mà ai cũng có tánh nhất quyết không nhận lễ vật của dân như Tử Hãn, có bụng che chở gầy dựng cho dân như Tử Hãn nói trong chuyện này, thì dân nào chẳng kính, chẳng trọng, chẳng yêu quan như cha mẹ, sợ quan như thần mình.

CỔ HỌC TINH HOA

THÁNG THỨ CHÍN

KIÊN NHẪN

Trong muôn việc, không kiên nhẫn thì không bao giờ thành công. Tánh kiên nhẫn bao gồm những đức tánh; can đảm, hy sinh, an phận, tự tín . . . Một khi biết mục đích của mình là chánh đáng và tự lượng sức mình rồi thì cứ tiến tới và không bao giờ thay đổi chí hướng. Ta có thể ngày nay thất bại mà ngày mai hay là một ngày gần đây thành công, tùy theo sự sửa đổi phương pháp hành động và khả năng của ta. Cái gương nước chảy đá mòn cũng đủ chứng cho ta thấy, dầu đá là vật cứng rắn, nó cũng có thể bị nước lần lần xoi lủng nó được.

Có kiên nhẫn mới vui lòng trả những quả xấu đã gây ra, mới có thể học hỏi sâu rộng, trau sửa tánh tình ra tốt đẹp và gầy dựng tương lai rực rỡ. Các bạn chịu khó suy nghĩ, thì thấy Tạo công rất kiên nhẫn trong sự sanh hóa muôn loài vạn vật. Từ ngày cấu tạo thân hình sắt đá, cỏ cây, thú

cầm cho tới con người thì phải mất mấy trăm triệu năm công phu chứ không phải một vài năm mà xong công việc đó. Thế nên ta đây cũng vậy, ta phải kiên nhẫn mới hái được trái ngon ngọt của giống tốt mà ta đã gieo.

GIỜNG KIÊN NHẪN

1.- HỌC BẮN CUNG

Kỷ Xương vào hầu Phi Vệ, xin học phép bắn cung.

Phi Vệ bảo:

- Anh phải học không chớp mắt trước rồi sau mới học bắn được.

Kỷ Xương vâng lời trở về, ngày ngày nằm dưới cái khung cử của vợ, giữa chỗ gong máy, đưa lên, đưa xuống. Hai năm sau thành quen mắt, cho dầu dùi đâm vào cũng không chớp mắt.

Kỷ Xương đến thưa chuyện với Phi Vệ.

Phi Vệ bảo:

- Chưa được. Anh còn phải học nhìn. Bao giờ nhìn vật nhỏ như vật to, nhìn vật tối như vật sáng, thì bấy giờ đến đây ta sẽ dạy.

Kỷ Xương lại vâng lời trở về, bắt một con rận treo trước cửa sổ, ngày đêm ngảnh mặt vào đó mà nhìn. Sau mười hôm mỗi ngày nhìn thấy một to. Sau ba năm nhìn thấy to bằng cái bánh xe. Bấy giờ trông vật gì cũng to như núi, như gò cả. Kỷ Xương bèn làm một chiếc cung nhỏ bằng sừng, mũi tên bằng đầu kim bắn trúng giữa bụng con rận, rồi đến thưa chuyện với Phi Vệ.

Phi Vệ nhảy lên vổ vào bụng nói rằng:

- Anh học được rồi đó.

LIỆT TỬ

LỜI BÀN: Nói dùi đâm vào mắt mà không chớp, ta có thể tin được, nhưng nói trông con rận bằng cái bánh xe, tựa hồ như ngoa ngôn khiến ta lấy làm ngờ vực. Song ta ngờ vực vị tất đã là phải, vì chưa ai đã chịu khó luyện tập được như Kỷ

Xương, nhìn con rận trong những ba năm trời. Ôi ! Chịu khó luyện tập như Kỳ Xương rất là hiếm. Tác giả lấy Kỳ Xương làm cái gương chịu khó chuyên tâm cho ta rất là đúng vậy. Ở đời đã kiên tâm không còn việc gì khó nữa, thì chuyên tâm cũng không có gì là không học được.

CỔ HỌC TINH HOA

2.- PHẢI BỀN CHÍ

Có một vị đệ tử của Phật, tấm lòng rất sốt sắng với Đạo đức. Huynh có lập nguyện tìm nơi thanh tịnh để tham thiền nhập định. Chẳng dè vào rừng ở đặng ít lâu ngã lòng và tưởng trong trí như vậy: “Phật dạy rằng con người chia ra làm nhiều hạng; chắc là tôi thuộc về hạng thấp hèn hơn hết, kiếp này chắc tôi không đắc đạo được. Vậy thì tôi ở trong rừng tham thiền nhập định có ích chi đâu”. Nghĩ như thế, huynh bèn bỏ chốn ấy trở về chỗ Phật ngự. Mấy vị đệ tử khác thấy vị này trở về thì trách sao không giữ tròn lời hứa, bèn dẫn anh đến trước mặt Phật. Phật ngó thấy thì hiểu hết

mọi việc, bèn nói rằng: “Con ôi ! Kiếp này con rất hữu phước nên con mới gặp lại Ta, nếu con không lo tu cho đắc đạo thì mấy kiếp sau con sẽ ăn năn chẳng kịp. Mấy kiếp trước con rất có chí khí, sao kiếp này con nhu nhược lắm vậy? Nhờ con ra sức mà khi xưa những người lái buôn và năm trăm cỗ xe mới có nước uống giữa đồng cát khỏi chết. Ngày nay sao con lại thối chí hời con?”

Mấy lời này làm cho vị đệ tử ấy tỉnh ngộ, còn mấy vị kia cầu khẩn Phật xin thuật chuyện năm trăm cỗ xe cho họ nghe.

CHUYỆN NĂM TRĂM CỖ XE

Phật bèn nói rằng: “Thuở xưa, hồi vua Bra ma đạt ta (Bramadatta) trị vì tại Ca si (Kaci) thì Đức Bồ Tát đầu thai làm con một vị thương gia rất giàu có. Lớn lên Đức Bồ Tát dọn năm trăm cỗ xe đi buôn. Một ngày kia đến ranh của một cái sa mạc rất lớn. Cát chỗ đó nhỏ rí, nếu bốc lên tay thì nó lọt theo mấy kẽ tay. Đến trưa thì nó nóng như

lửa đốt. Người ta sấm sửa vật thực, củi đốt, nước nôi cho nhiều rồi chờ trời tối mới dám đi qua.

Đức Bồ Tát mướn người hướng đạo coi theo sao mà dẫn đường. Hễ đêm đi ngày nghỉ. Khi được năm mươi chín dặm, Đức Bồ Tát nghĩ rằng: “Còn một đêm nữa thì mình ra khỏi sa mạc”. Chẳng dè tên hướng đạo ngồi cỗ xe đầu, bị mỏi mệt quá ngủ quên, để cho mấy con bò [22] quày đầu trở lại. Tới hừng đông, tên hướng đạo giật mình thức dậy, xem sao rồi thất kinh, hô lên bảo ngừng xe lại hết. Ai nấy đồng nhảy xuống xe thì thấy mình còn ở chỗ cũ hôm qua. Cả thầy đều than rằng: “Bây giờ củi đuốc và nước nôi đã hết, chắc là phải chết giữa đồng cát này rồi. Nói rồi lên xe nằm dàu dàu. Đức Bồ Tát nói thầm trong lòng như vậy: “Nếu ta nhát gan thì chắc phải bỏ mạng cả đám”. Nghĩ như vậy, Ngài mới đi tìm coi gần đó có ao giếng chi chẳng. Bỗng đâu Ngài gặp một đám cỏ, Ngài bèn nói: “Đám cỏ này nhờ nước mới sống được. Nói rồi liền kêu tôi tớ đem cuốc xuống lại đào dưới đám cỏ. Khi đào xuống 60 thước mọc

thì đưng một cục đá rất lớn. Bọn tôi tớ bèn ngã lòng, bỏ lên. Đức Bồ Tát nghĩ rằng: “Ở dưới cục đá chắc có nước”. Nghĩ như vậy, Ngài đi xuống giếng kê lỗ tai trên cục đá mà nghe thì quả nhiên có tiếng nước chảy ro re. Ngài trở lên kêu một người tôi tớ dặn rằng: “Này em, em hãy xách cái búa lớn, xuống giếng rán đập cho bể cục đá, em đừng ngã lòng. Nếu em không nghe lời qua thì nội bọn đều phải chết hết”. Người tôi tớ vưng lời xuống giếng rán sức đập cục đá ấy nứt hai rồi trở lên.

Bỗng chút nước ở dưới trào lên ngập tới miệng giếng. Cả thầy đều mừng rỡ, lại đó tắm rửa, múc nước nấu ăn. Và đưng vào mấy cái hũ bằng da, chờ trời tối đặng qua đồng cát . . .”

Khi thuật hết chuyện này rồi Phật nói rằng Đức Bồ Tát khi xưa là Ta, người tôi tớ xuống đập cục đá tức là vị đồ đệ mới thất lời hứa đó, còn mấy người đi buôn kia vốn là đệ tử của Ta.

3.- NGU CÔNG DỌN NÚI

Phía sau Nam châu Kỳ, có hai ngọn núi Thái Hàng và Vương Ốc, to bảy trăm dặm, cao hơn muôn thước, cây cối rậm, ác thú lại nhiều, đi lại khó.

Ở cận núi có một cái nhà của ông lão tên là Ngu Công, tuổi đã chín mươi.

Ngu Công thấy vì núi mà nhà ở chướng ngại, đường đi bất tiện, lấy làm bực tức. Một hôm họp cả vợ con, người nhà lại bàn rằng:

- Ta muốn cùng lũ người hết sức bặt phẳng hai quả núi này thì có nên không?

Ai nấy đều thuận. Chỉ có người vợ ngần ngại hỏi vặn lại rằng:

- Sức ông không bặt nổi một cái gò, thì làm thế nào bặt được những hai quả núi. Mà dù cho có sức bặt được đi nữa, thì đất, đá định đem đổ đi đâu?

Ngu Công nói: Khuân đổ ra bể Đông.

Đoạn Ngu Công đem con cháu cùng cả họ ra phá núi, kẻ đục đá, người đào đất, kẻ đầu đội, người vai mang, hết ngày này sang ngày khác.

Láng giềng có đứa bé tám tuổi, con người đàn bà góa, cũng xin đi làm giúp, hàng năm mới về một lần . . .

Gần miền đó có ông lão khác, tên là Trí Tẩu thấy vậy, cười Ngu Công và can rằng:

- Sao khờ dại vậy ! Mình thì tuổi tác, núi thì cao lớn, phá thế nào nổi?

Ngư Công thở dài nói:

- Người không bền lòng. Bền lòng thì việc gì cũng phải được. Người không bằng người đàn bà góa, đứa trẻ con thơ. Ta già ta chết, đã có con ta. Hết đời con ta đã có cháu ta, hết đời cháu ta đã có chắt ta. Con con cháu cháu sinh hạ vô cùng mà núi thì bao giờ cũng vậy, lo gì không bạt nổi.

Trí Tẩu nghe nói im lặng không trả lời.

Sau cùng vùng Nam châu Ký không có núi non chướng ngại, đi lại thuận tiện là nhờ có Ngư Công.

LIỆT TỬ

LỜI BÀN: Ta không tưởng tượng rõ núi Thái Hàng và núi Vương Ốc to lớn thế nào. Ta chỉ biết cái đời Ngu Công bấy giờ chưa có máy móc tinh xảo như bây giờ, mà đã bặt được núi thì giỏi thật. Lại không phải thuê hàng nghìn hàng vạn người để làm, chỉ toàn người trong nhà, một họ và ít người lân cận giúp tay vào mà cũng làm nổi. Ôi! nếu quả như vậy thì cái gương kiên nhẫn của Ngu Công thực đáng để truyền lại mãi cho muôn nghìn đời sau này, giả chẳng chỉ một câu của Ngu Công nói với Trí Tẩu cũng nên ghi nhớ lắm. Sự kiên tâm không phải chỉ hạn chế trong một đời, nhưng cứ tiếp luôn đời ấy, đời khác, theo đuổi mãi, thì ở đời còn có cái gì gọi là khó được nữa. Ngu Công đây thật là người đại trí nhược ngu (người cực khôn bề ngoài coi như ngu). Ngôn hành ông y như những câu sau đây cũng đều có ý khuyên chúng ta lập chí và kiên tâm làm việc:

1.- Trên đời chả có việc gì khó, chỉ tại tâm người ta không kiên nhẫn mà thôi.

2.- Bí quyết thành công cốt ở nhất định không thay đổi mục đích.

3.- Đã có cái kiến thức can đảm phi thường, nhất quyết làm được sự nghiệp phi thường.

4.- Đem sự hiểu biết tinh tường, dùng hết tâm trí bền bỉ, vận cả toàn lực tinh tiến vô cùng, thì có việc gì mà không làm được. Người ta sống một cách nay lần mai nữa, suốt đời không làm được việc gì, chỉ tại không có chí.

5.- Ý chí kiên nhẫn có thể chinh phục được hết thảy các thứ tự nhiên trong vòng trời.

CỔ HỌC TINH HOA

THÁNG THỨ MƯỜI

KHÔN KHÉO

Người khôn khéo phải là người thấy xa hiểu rộng, kinh nghiệm đã nhiều, rất cẩn thận và nhút là thuận theo lẽ trời – gặp nghịch cảnh người cứ thản nhiên lo xoay đổi chiều hướng đặt thẳng lợi cũng như ghe bầu gặp gió ngược và chạy cấn

được. Từ lời nói đến việc làm, người khôn khéo không hề làm cho một ai đau lòng hay là gây rối rắm cho kẻ khác – nếu vì phận sự bắt buộc phải nghiêm khắc chỉ lỗi cho kẻ khác thì người dùng lời nhã nhặn, êm thắm, dịu dàng vạch bỏ điều quấy nhưng không làm cho người có lỗi thẹn thùng, trái lại làm cho họ vui lòng cái quá và từ đó có thể trở nên người tốt lành. Người khôn khéo thấu phục hơn tâm bằng cách làm cho người cảm mến bằng lòng hơn từ của mình chứ không dụng oai quyền bắt kẻ khác phải kính nể. Người khôn khéo tùy theo trình độ tiến hóa của mỗi hạng người mà giúp cho họ thấy được ánh sáng chơn lý vừa sức họ. Sự khôn khéo của người đời khác hơn sự khôn khéo trong đường đạo. **Người đời khôn khéo trong sự ích kỷ vì chưa biết luật trời và vạn vật đồng nhất thể.** Trái lại, người khôn khéo trong cửa đạo giúp kẻ khác tiến hóa mà không mưu cầu hạnh phúc hay lợi lộc cho riêng mình.

NHỮNG GƯƠNG KHÔN KHÉO

1. – CÂU NÓI CỦA NGƯỜI ĐÁNH CÁ

Vua Văn Công nước Tấn đi săn ham đuổi một con thú. Mãi theo quá chân, thành lạc vào rừng chằm không biết lối ra.

Vua gặp một người đánh cá, bèn bảo rằng:

- Ta là vua đây. Ta lạc đường, nhà người chỉ lối cho ta ra, rồi ta hậu thưởng.

Người đánh cá nói: Bầy tôi muốn dâng nhà vua một câu.

Vua bảo: Cứ đưa ta ra khỏi chằm đã, rồi muốn gì hãy nói.

Khi người đánh cá đưa vua ra khỏi chằm, vua phán rằng:

- Nào câu gì nhà người muốn nói với quả nhân lúc này, thì nói đi nghe.

Người đánh cá thưa:

Chim hồng, chim học ở bờ sông, bờ bể, chán sông bể mà vào đầm thời tất mắc phải dò bẫy. Thuồng luồng, ba ba ở đáy vực sâu, chán vực sâu mà ra chỗ bãi nông, thời tất phải bị chài lưới. Nay

nhà vua đi săn, sao quá chân mà vào tận đây như thế?

Vua Văn Công bảo: Người nói phải lắm.

Đoạn ngoảnh lại, truyền quân hầu ghi tên người đánh cá sau ban thưởng.

- Nhà vua bảo ghi tên bầy tôi để làm gì. Nhà vua cứ tôn kính thiên địa xã tắc, phòng giữ biên thùy, thương yêu muôn dân, đánh nhẹ thuế má, tự khắc là bầy tôi có phước, hưởng ân huệ của nhà vua rồi. Nếu nhà vua không tôn kính thiên địa xã tắc, chẳng phòng giữ biên thùy, chẳng chăm công việc, bên ngoài không khéo xử với các nước, bên trong mất cả lòng muôn dân, để đến nước mất, dân khổ, thì dù bầy tôi có được hậu thưởng, cũng không sao giữ mà hưởng một mình được.

Người đánh cá cố từ, xong rồi lại nói:

- Xin vua mau mau về nước, tôi đây cũng về chỗ kiếm cá của tôi.

TUÂN TỬ

LỜI BÀN: *Người đánh cá đây là người hiền có ý khuyên vua Văn Công hai điều: không nên say mê chơi bởi săn bắn quá độ mà có khi hại đến tánh mệnh; hết đạo làm vua cho dân được nhờ và nước khỏi mất.*

Còn người đánh cá từ chối không nhận thưởng nói cái lẽ như thế cũng là lo xa, nghĩ sâu và phải lắm vậy. Quả thế, khi tổ chim đã đổ thì không còn có cái trứng nào lành; nước đã bị phá tan hay xâm chiếm thì nhà toàn vẹn sao được để mình còn hòng riêng hưởng cuộc yên vui; đời được thái bình thì bằng bao nhiêu ân thưởng, tâm không phiền lụy thì sung sướng bằng bao nhiêu công danh.

CỔ HỌC TINH HOA

2.- VUA TÔI BÀN VIỆC

Vũ hầu nước Ngụy cùng với quần thần bàn việc, việc gì vua bàn cũng phải, quần thần không ai giỏi bằng.

Lúc lui chầu, Ngụy hầu ra dáng hớn hờ lắm.

Ngô Khởi bèn tiến lên nói:

- Cậ thần đã ai đem câu chuyện Sở Trang vương nói cho nhà vua nghe chưa?

Vũ hầu hỏi:

- Câu chuyện Sở Trang vương như thế nào?

Ngô Khởi thưa:

- Khi Sở Trang vương bàn việc phải hơn quần thần, thì lúc lui chầu lo lắng. Có người hỏi: Sao vua lại lo?

Sở Trang vương nói: Ta bàn việc mà quần thần không bằng ta được, cho nên ta lo. Cổ nhân có câu: "Các vua chư hầu ai có thầy giỏi, thì làm được vương; ai có bạn giỏi, thì làm được bá; ai có quyền quyết đoán cho mọi việc ngờ vực, thì còn nước; ai bàn việc không còn ai bằng mình, thì mất nước". Ta nghĩ ngu như ta mà quần thần không ai bằng thì nước ta có nhẽ mất. Bởi thế ta lo . . .

Ấy cũng một việc giống nhau, Sở Trang vương thì lo mà nhà vua thì mừng.

Vũ hầu nghe nói áy náy vái tạ và nói rằng:

- Trời sai nhà thầy đến bảo cái lỗi cho ta.

TUÂN TỬ

LỜI BÀN: *Người làm chúa tể một nước tất là người tài giỏi hơn người, sáng công việc hơn người. Tuy vậy, khi đã dùng quần thần, là muốn mong cậy quần thần, còn có nhiều khi giúp được mình như người ngoài giúp nước cờ vậy. Nếu mà quần thần không có ai hơn mình cả, thì là bọn a dua ăn hại còn mong cậy gì được mà chẳng đáng lo. Nên lời Ngô Khởi nói đây ắt là phải. Đã hay rằng người ta ở đời phải cầu ở mình hơn nhờ ở người, nhưng lắm lúc cũng phải có tả phụ hữu bật mới lo toan được công việc lớn. Những bậc vua chúa cần phải có thầy giỏi, tôi hay là vì thế ấy.*

Truyện này cũng giống câu trong "Quốc sách" có nói: "Đế giả cùng ở với thầy, vương giả cùng ở với bạn, bá giả cùng ở với bề tôi, vua vong quốc chỉ cùng ở với hạng đầy tớ".

CỔ HỌC TINH HOA

3.- CAN GÌ MÀ PHÁ ĐI

Dân nước Trịnh thường hay đến trường học ở thôn quê để nghị luận những chính sách hay dở của quan liêu.

Nhiên Minh bảo Tử Sản rằng:

- Tôi định phá hết cả trường thôn quê, ông tính sao?

Tử Sản nói:

Đề chứ. Phá đi làm gì? Dân sự người ta sớm tối đến chơi trường học để nghị luận điều phải, điều trái của quan liêu làm. Cái gì người ta cho là phải, ta cứ thế mà làm; cái gì người ta cho là dở, ta liệu mà đổi đi. Những kẻ nghị luận ấy tức là những ông thầy của ta. Can gì mà phá trường học.

Vả chẳng, tôi nghe nói: hết lòng làm điều phải, thì mới đỡ được người ta oán trách mình. Tôi chưa từng nghe nói: chỉ nạt nộ ra oai mà tuyệt được hết sự oán trách của người. Cũng như phải đắp

đê mà giữ nước, chớ bỏ đê đi, thì nước vỡ tứ tung, bao nhiêu người chết, không thể cứu lại được. Nay ta hằng cứ để trường học, khiến thường được nghe những câu chê bai làm thứ thuốc chữa cho ta thì hơn.

Nhiên Minh nghe Tử Sản xong, nói rằng:

Nay tôi mới biết ông là ông quan thầy đáng tôn vậy. Tôi thật là kẻ bất tài. Ông làm được như lời thì chẳng một đám chúng tôi được trồng cây mà cả nước cũng được như vậy.

TẢ TRUYỆN

4.- CÁCH CƯ XỬ Ở ĐỜI

Cư xử với người mà góc gách, nghiêm ngặt quá là cái đại bệnh ở đời.

Bực Thánh hiền xử với người đời không có giây phút nào là rời bỏ được cách ôn hòa trung hậu.

Cho nên mới có những câu:

Phiếm ái chúng, rộng yêu tất cả loài người.

Hòa nhi bất đồng, nghĩa là xử với người hòa hợp mà không a dua phe đảng.

Hòa nhi bất lưu, nghĩa là xử với người hòa nhã mà không dua theo quá trớn.

Quần nhi bất đảng, nghĩa là liên hợp với mọi người cho có nhân quần mà không vào bè, kết đảng với ai cả.

Chu nhi bất tị, nghĩa là công bình mà chẳng thiên vị.

Tử tường, khái để, nghĩa là nhân đức, êm ái, vui vẻ, dễ dàng.

Ái nhân, nghĩa là yêu loài người.

Thân dân, nghĩa là gần gũi dân, đi sát với dân, coi dân như anh em con cái.

Vạn vật nhất thể, nghĩa là coi muôn loài với mình như là một thể.

Thiên hạ nhất gia, trung quốc nhất nhân, nghĩa là coi cả thiên hạ như một nhà, coi cả nước như một người.

Nếu làm người mà cứ vò vố một mình, tính nết khe khắt, lạnh nhạt, chẳng thân với ai, thì thật là một hạng chướng ngại cho xã hội. Dù cho là người phương chính, tính nết độc lập cũng không

phải là hạng ứng dụng với đời, chẳng qua là người nhất tiết quyền giới mà thôi.

LÃ KHÔN

LỜI BÀN: Mùa xuân khí trời có đầm ấm ôn hòa thì muôn loài mới xinh tươi nảy nở và phần thịnh được. Người đối với người cũng vậy, trong thì gia đình, ngoài thì xã hội, có "hòa khí" thì mới có thể sống chung với nhau mà an cư lạc nghiệp được. Ta đã có được là người tốt chẳng nữa mà cứ một mặt góc gách, nghiêm ngặt với người, thì người lấy làm khó chịu mà không thể nào thân với ta được. Không chịu được nhau, tất nhiên hay khích bác nhau, thành cả đôi bên cùng nhau không được yên vui sung sướng, mà công việc ở giữa vì thế hỏng cả. Cho nên Thánh hiền ở đời không bao giờ thế. Bao giờ cũng giữ được thái độ ôn hòa, không a dua, xu nịnh ai, cũng không oán ghét ai để cho người đau đớn mà sinh biến. Những câu tác giả lược ra mà liệt vào bài đây thực là những vị thuốc rất hay để chữa cho người có tính khắt

khe, quá thẳng với đời mà hay ghét đời, chán đời vậy.

CỔ HỌC TINH HOA

5.- NGƯỜI VỢ HIỀN MINH

Vợ Nhạc Dương Tử là bậc hiền minh.

Dương Tử một hôm đi đường, bắt được lọ vàng người ta đánh rơi, mừng rỡ đem về đưa cho vợ.

Vợ nói: Thiếp trộm nghe người chí sĩ không uống nước suối “Đạo toàn” ^[23] người liêm khiết không nhận của ăn “Ta lai” ^[24]. Chàng nay nhặt của rơi đường cầu lợi, để ô uế phẩm hạnh, thử nghĩ có nên không?

Dương Tử nghe nói, thẹn quá, liền đem lọ vàng bắt được bỏ ra ngoài đường. Rồi đi xa, tìm thầy để học.

Đi học mới được một năm, Dương Tử về chơi nhà. Vợ quì xuống trước mặt hỏi rằng: Chàng có việc gì mà về nhà. Dương Tử nói: Ta đi lâu nhớ nhà thì về, chẳng có việc gì cả. Vợ cầm con dao đến chỗ khung cử nói rằng: Lụa đang dệt đây là

phải làm tự lúc nuôi tằm ươm tơ cho đến lúc mắc lên được khung cửi. Nếu đang đứt một sợi mà đứt mãi, thì đứt hàng tấc, đứt hàng tấc mà đứt mãi thì đứt đến hàng thước, hàng trượng và cả tằm. Nếu bây giờ chặt đoạn đang dệt đây thì bao nhiêu công phu ngày giờ từ trước đến nay đều mất hết cả. Chàng đi học là để trở nên một người giỏi, nếu đang học mà bỏ về thì khác gì tằm lụa đang dệt đây mà chặt đi vậy.

Dương Tử thấy nói cảm động lắm, đi học luôn bảy năm tốt nghiệp mới trở về.

Nhạc Dương Tử có người vợ hiền như thế mà sau được quý hiền.

HẬU HÀNG THƯ NHẠC DƯƠNG TỬ truyện

LỜI BÀN: Cứ theo lẽ thường, cái gì nên làm thế nào, thì người đàn ông phải biết tự chủ lấy, không cần đợi người đàn bà giáo hóa rồi mới chịu cái tâm cái tính. Tuy vậy lắm khi phải có sự kích thích mềm mại ở ngoài vào thì mới dễ khiến

người ta phẫn chấn lên mà cố sức làm cho nên việc.

Như vợ Dương Tử đây thật là khéo biết dạy chồng làm cho chồng thành ra một người có khi lại có chí và sau quý hiển được. Đúng với câu tục ngữ cổ: "Khôn vì vợ, sang vì vợ lắm".

CỔ HỌC TINH HOA

6.- CÁCH TRỊ DÂN

Tư Sản làm tướng nước Trịnh đã lâu năm có lòng thương dân, lấy Đạo khoan hòa trị dân.

Khi Tư Sản ốm nặng gọi Tử thái Thúc đến bảo rằng: Ta chết, tất là nhà người làm tướng nước Trịnh. Người phải biết người có đức phải lấy Đạo khoan hòa mà phục được dân, còn người thường phải lấy uy nghiêm mà trị dân mới được.

Này ví như lửa nóng dân trông thấy mà sợ cho nên chết vì lửa ít, nước mát dân khinh mà lờn, cho nên chết vì nước nhiều. Thế mới biết khoan hòa là khó.

Mấy tháng sau Tư Sản mất, Tử thái Thúc thay làm tướng, không nỡ dùng nghiêm mãnh, cứ lấy đạo khoan hòa mà trị dân.

Không bao lâu, trong nước sinh ra nhiều trộm cướp, thường núp náu ở các đồng lầy mà lấy của giết người những nhiều lương dân.

Tử thái Thúc hồi lại nói rằng: Giá ta biết sớm theo lời Tư Sản thì đâu đến thế này!

Rồi liền đem quân đi đánh bắt bọn cướp ở đồng lầy mà giết hết. Từ đấy nước Trịnh mới bớt trộm cướp.

Đức Khổng Tử nói rằng: “Được lắm ! chính khoan thì dân lớn, dân lớn thì phải dùng mãnh; mãnh thì dân tàn, tàn lại phải dùng khoan, khoan giúp cho mãnh, mãnh giúp cho khoan, có thế thì chính mới hòa được.

LỜI BÀN: Tư Sản vốn là một người học rộng, chính trị giỏi, làm tướng nước Trịnh hơn 40 năm, đối với trong thì dân bình trị, đối với ngoài thì các nước e nể. Ông là một bậc quân tử có bốn điều

hay: đối với mình thì tự trọng (cung), đối với người mình thờ thì kính, nuôi dân thì có ân huệ, khiến dân thì có nghĩa.

Câu ông dặn Tử thái Thúc đây, thực có ý lắm. Mãnh mà khiến cho dân sợ, dễ bao nhiêu thì khoan mà cũng khiến cho dân sợ, khó bấy nhiêu. Tuy cũng gọi là sợ, nhưng cái sợ trước không có giá, vì sợ bất đắc dĩ, sợ miễn cưỡng, sợ bề ngoài mà khinh trong bụng; sợ sau mới sợ quý, vừa sợ vừa yêu, sợ mà kính phục, sợ như vui lòng mà sợ vậy. Nhưng muốn được cái sợ sau, tất cái đức của mình phải lo làm sao mới cảm hóa được nhân tâm đến bậc ấy.

Còn thường thường phép trị dân không thể cứ khoan mãi được, vì khoan thì dân lờn. Lại cũng không thể cứ mãnh mãi được, vì mãnh thì dân oán. Dân oán hay dân lờn cũng đều có trở ngại đến việc mình làm cả. Cho nên phải có khoan lại phải có mãnh đắp đổi đỡ dần cho nhau thì mới được. Bốn chữ "khoan mãnh tương tế" thực đáng

là cái phương châm cho cả những người cầm quyền trị dân vậy.

CỔ HỌC TINH HOA

THÁNG MƯỜI MỘT

TỰ TÍN

Tự tín là tin nơi mình, nhưng tin cậy nơi tài đức của mình, sức lực của mình chưa phải là đủ. Ta phải tin rằng ta là Chơn Thần của Đức Thượng Đế, ta là Tiểu Thiên Địa, ta cũng đủ quyền năng như Đức Thượng Đế, tức là Pháp lực vô biên, ta chỉ cần biểu lộ những Pháp lực đó mà thôi. Muốn đoạt được mục đích đó, ta phải tự chủ, tức là luyện tập ba thể: thân, ý, trí cảm xúc lệ lạng và ở dưới quyền ta sai khiến. Chúng nó không còn ý muốn riêng hay ương ngạnh nữa.

Ta hãy tin chắc rằng: tới một ngày kia không biết mấy muôn hay mấy ngàn triệu năm nữa, ta sẽ là một vị Thượng Đế sanh hóa một bầu vũ trụ in như Thái dương hệ này vậy. Tự tin không phải

là tin rằng: Ta cứ cúng lạy một vị Phật hay là một vị Tiên nào đó, rồi tới một ngày kia khi lâm chung, vị ấy sẽ rước linh hồn ta về nước Cực lạc của Ngài và cho ta làm dân bốn xứ, khỏi đọa luân hồi.

Ta tự tin rằng: ta cầm vận mạng của ta trong tay, điều đó không có chi là lạ, bởi ta gieo giống chi gặt giống nấy. Nếu ta sửa đổi chiều hướng của tư tưởng, ý muốn, việc làm theo Cơ Trời thì ta có thể thành một vị Siêu phàm trước ngày giờ của Đức Thái Dương Thượng Đế đã định sẵn cho vũ trụ này.

Con người có thể làm nghịch với Đức Thượng Đế trong một thời gian. Ấy là sức tự tin của mấy vị ở trong bóng tối tục gọi là Bàn Môn. Mấy vị này đạo pháp cao cường thẳng họ không phải là một việc dễ dàng đâu. Nhưng chung cuộc họ cũng phải bó tay trước sự phản động của luật Tạo hóa. Phàm nhơn của họ sẽ tan tành lần lần ra tro bụi trong chốn A tỳ (Avitchi). **Người học Đạo phải tự tín vì biết rằng mình tự cứu mình, ngoài**

mình ra không có ai cứu mình được. Tiên Thánh chỉ dẫn bước đường, nếu mình không đi thì không biết chừng nào mới tới mục đích.

CHUYỆN NHỮNG NGƯỜI CÓ ĐỨC TIN

1.- MẤT ĐỨC TIN BỎ MẠNG

Qui bí sa na (Vibhishana), vua Tích Lan, có một người băng hữu muốn vượt biển nên hỏi cách thức nhà vua. Nhà vua bèn đáp: “Tôi cho anh cái bùa này anh cột vào vạt áo của anh thì anh đi tới bờ biển bên kia dễ dàng. Nhưng tôi cấm anh, đừng ngó cái bùa đó, anh cãi lời thì sẽ chìm xuống nước”. Người băng hữu nắm chặt cái bùa trong tay rồi đi trên mặt nước như đi trên đất bằng. Tới nửa đường va có tách tọc mạch bèn mở bùa ra coi thì thấy chỉ có một tấm lá trên có đề tên Đức Rama. Va tưởng mình đã khám phá được sự bí mật nên la lên: Phép thần thông chỉ có bao nhiêu đây à?.

Trong lúc va hoài nghi thì va chìm lịm xuống đáy biển.

2.- ĐI TRÊN MẶT NƯỚC

Một cô bán sữa mỗi ngày phải đem sữa cho một ông thầy tu Bà la môn ở phía bên kia mé rạch. Bởi đò qua lại bất thường, nên cô đem sữa không đúng với lời hẹn. Một bữa ông thầy tu trách cô thì cô trả lời: Đâu có phải lỗi tại tôi, tôi phải chờ, hoặc người chèo đò, hoặc hành khách tới đông, người ta mới đưa đi. Ông thầy tu bèn nói: Hỡi tín nữ, người ta vượt qua bể trần chỉ có niệm tên Đức Thượng Đế, còn tín nữ không thể đi ngang qua cái rạch nhỏ như vậy sao? Cô bán sữa tin bằng lời. Cô rất mừng biết được một phương pháp đi ngang qua rạch dễ dàng và từ đó cô đem sữa đúng giờ luôn luôn. Ông thầy tu lấy làm lạ mới hỏi duyên cớ. Cô bèn trả lời: Tôi không dùng đò nữa. Tôi đi ngang qua rạch chỉ nhờ niệm tên Đức Thượng Đế như ông đã dạy tôi đó. Ông thầy tu ngạc nhiên, không tin lời cô ấy chút nào? Cô

mới dắt ông tới mé rạch. Cô bèn đi trên mặt nước như thường. Một chập cô day lại thấy ông thầy lính quỳnh, cô mới hỏi: ông làm cái gì lạ vậy? Miệng ông niệm tên Đức Thượng Đế mà tay ông vén ống quần lên sợ nó ướt. Ông không hoàn toàn tin tưởng Đức Thượng Đế hả?

3.- CẦU Ở MÌNH HƠN CẦU Ở NGƯỜI

Ngụy Văn hầu hỏi Hồ Quyển tử:

- Cha hiền có đủ nhờ cậy không?

Hồ Quyển thưa:

- Không đủ.

- Con hiền có đủ nhờ cậy không?

- Không đủ.

- Anh hiền có đủ nhờ cậy không?

- Không đủ.

- Em hiền có đủ nhờ cậy không?

- Không đủ.

- Bầy tôi hiền có đủ nhờ cậy không?

- Không đủ.

Văn hầu đổi sắc mặt, gắt rằng:

- Quả nhân hỏi nhà người năm điều mà điều nào nhà người cũng cho là không đủ, tại cố làm sao?

Hồ Quyển nói: “Cha hiền không ai hơn vua Nghiêu mà con là Đan Chu phải bị đuổi. Con hiền không ai hơn vua Thuấn, mà cha là Cổ Tẩu thực ngang ngạnh. Anh hiền không ai hơn vua Thuấn mà em là Tượng rất ngạo mạn. Em hiền không ai hơn Chu Công mà Quản Thúc bị giết. Bầy tôi hiền không ai hơn ông Thang, ông Vũ mà vua Kiệt, vua Trụ mất nước . . . Mong người không được như ý, cây người không được bền lâu. Nhà vua muốn cho nước được bình trị, thì phải cậy ở mình trước hơn mong ở người.

HÀN THỊ NGOẠI truyện

LỜI BÀN: Cốt ý Văn hầu nước Ngụy là chỉ muốn hỏi có thể nhờ cậy được bầy tôi không, nhưng lúc đầu có mượn mấy câu hỏi đến cha, con, anh, em rồi mới dẫn vào vua tôi. Hồ Quyển tử đáp như thế là rất phải. Cha tuy từ với con, con tuy hiếu với

cha, anh tuy yêu em, em tuy kính anh, bầy tôi tuy trung với vua nhưng mỗi người vị tất đã là hay được đủ mọi vẻ. Nếu mình không chịu cầu ở mình, chỉ biết cầu những bậc ấy để đến nỗi thất đức, thì chẳng những không lợi gì mà lại còn hại đến mình nữa. Ta mong người, nhưng ai cũng có thân, không ai bỏ cái thân mình để giúp cho ta; ta cậy người nhưng người cũng có lúc cùng, không thể suốt đời mà đỡ đần cho ta được, vậy ta ở đời, chẳng nên chỉ biết mong cậy vào người. Ta phải biết tự chủ, tự lập, chớ có bỏ mình mà cầu người. Câu "Quân tử cầu chư kỷ" trong Luận Ngữ, và câu "Aide toi, le Ciel t'aidera" của Âu học, thực đúng làm cái phương châm cho cách lập chí ở đời.

4.- CẬY Ở NGƯỜI KHÔNG BẰNG CHẮC Ở MÌNH

Văn Công nước Đàng hỏi thầy Mạnh Tử rằng:

- Nước Đàng ta là một nước nhỏ ở vào khoảng giữa nước Tề và nước Sở là hai nước lớn. Kể phận thì phải chiều cả hai nước, nhưng kể sức thì

không chiều được cả. Chiều nước Tề chẳng? Chiều nước Sở chẳng? Ta thực không biết nên nương tựa vào nước nào để cho nước ta được yên ổn. Nhờ thầy mưu tính hộ cho ta.

Thầy Mạnh Tử thưa:

- Phàm việc mà cứ trông cậy vào người thì không thể chắc được. Chiều Tề thì Sở giận, chiều Sở thì Tề giận; mưu ấy chúng tôi không thể nghĩ kịp. Xin nói có một cách là tự giữ lấy nước, đào hào cho sâu, đắp thành cho cao, cai trị một cách cố kết lòng dân, cùng dân giữ nước. Hoặc như có biến cố gì xảy ra, vua đã liều chết để giữ nước, thì chắc dân cũng liều chết để giữ nước, không nỡ bỏ vua. Thế là ta dùng lòng dân để giữ lấy đất nước, tự cường mà lo toan lấy việc nước. Còn chiều Tề hay chiều Sở thì tôi không quyết được.

MẠNH TỬ

LỜI BÀN: Người làm vua, điều cần nhất là phải giữ hết nghĩa làm vua, và thương yêu giáo hóa dân. Cái chính sách giao hiếu với kẻ mạnh chỉ là

cái thế phải thế, cái chính sách tự lo cho mạnh mới là toàn bằng cái lý ở mình. Vì rằng mình dựa vào người, tất người khinh mà mình phải e nể, đã gặp cái cảnh khinh, cái cảnh nể không chóng thì chầy an toàn sao được. Đã đành rằng, nước nhỏ phải nể nước lớn, cũng như một cách giao tế không thể thiếu được. Nhưng đây vì Văn Công chỉ chăm chăm việc theo kẻ mạnh, mà không có chí tự làm cho mình mạnh, nên ông Mạnh mới bảo như thế. Mà phải thật, người lãnh đạo dân đã cùng dân cùng sống chết, cả dân cũng cam tâm cùng sống chết. Thế là cả nước một lòng, cái sức mạnh vô hình ấy, hồ ể nước nào đã dám xâm phạm. Đã được như thế có việc gì phải sợ hãi ai.

Tuy vậy thời thế ngày nay có phần khác xưa, nội trị dù có đầy đủ, ngoại giao càng cần có sáng suốt khôn ngoan thì nước mới đứng vững trên thế giới này được.

CỔ HỌC TINH HOA

THÁNG MƯỜI HAI

MẶC (nín thính)

Không nên hiểu “mặc” là không dám nói chi cả, trọn đời câm khẩu. Đây có nghĩa là chuyện nào đáng nói thì nói, không đáng nói thì thôi . . . Trước khi nói phải suy nghĩ coi lời nói có đủ ba đức tánh này không: dễ thương, hữu ích, chơn thật. Nếu không thì tốt hơn là làm thính.

Lời nói đậm thắm, dịu dàng cảm hóa người mau lẹ, ai nghe cũng ưa cũng mến.

Những lời thô lỗ, cộc cằn, xuyên tạc, những lời nói hành, nói vu, nói cà rớn phải cấm ngặt và dứt tuyệt vì chúng nó là nguyên động lực của những hành vi hung ác hữu ý hay vô tâm.

Một nhà hiền triết Đông phương có nói “Ai kiểm soát được cái lưỡi thì kiểm soát được trọn cả thân mình”.

Cũng như tư tưởng, lời nói có quyền năng sanh hóa. Tùy theo bản tánh của nó, lời nói có thể giết người hay cứu người một cách dễ dàng cũng như độc dược hay tiên đơn. Lịch sử đã từng cho ta

thấy một lời nói mà an nhà lợi nước, mà cũng một lời nói làm cho tan tành sự nghiệp, mất đức bình sanh, xua muôn vạn sanh linh vào chốn rừng tên mưa đạn.

Không khéo dùng lời nói thì nó là ngọn lửa tam muội cháy lan ra thì thiêu hủy Vũ trụ Càn khôn.

Ngạn ngữ Tây phương có câu: "Phải uốn lưỡi bảy lần trước khi nói". Thật vậy "Bịnh theo lỗ miệng mà vào, họa theo lỗ miệng mà ra". Ta phải giữ gìn từng li từng tí mà còn e nhiều khi bất cẩn phải sai lầm thay, huống hồ đặng đâu nói đó, bạ ăn bạ nói.

Khi xưa Đức Khổng Tử có dắt môn đệ đi viếng một tòa cổ miếu. Nhìn thấy có một cái hình người bịt miệng ba lần, ngài bèn dạy lại dặn các môn đệ phải cẩn ngôn cho lắm. Ham nói quá thường sai lầm và gây ra muôn vàn tội lỗi.

Hai ngàn rưỡi năm trước, tại Crotone (Hi Lạp) những đệ tử nhập môn của trường Bí giáo của Đức Pythagore phải tập tành làm thinh hai năm, cứ nghe giảng giáo lý chớ không được phép hỏi

han chi cả. Như thế cốt để tập đê tử cho quen tính cần ngôn. Không vậy có khi vui miệng đem những sự bí mật trong đường Đạo nói ra thì có hại cho đời chẳng nhỏ. Không phải mỗi chơn lý nào cũng nên nói trắng ra. Có khi người ta nghe được một chơn lý nào đó thì lật đật đem ra thực hành liền mà chung cuộc không thấy hiệu quả chi cả vì họ không đủ điều kiện. Tức thì họ trở lại oán hận người nói ra, có khi mưu hại là khác nữa.

Nếu trước khi nói, mỗi người tự hỏi: “Chơn sư có tưởng như vậy hay không? Có nói như vậy hay không?” Thì tránh được bao nhiêu điều phiền não về sau.

Tiết kiệm lời nói cũng là một phương pháp dưỡng sanh; tôi thường bảo học trò tôi ưa nói chuyện thí nghiệm điều này. Bàn tay trái kê trước ngực, bàn tay mặt đặt sau lưng, rồi nói vài tiếng thử coi. Chúng nó thấy lúc nói trong ngực bị dội cũng như đánh trống. Chừng đó chúng nó mới giảm bớt sự nói chuyện khào và biết thương các

nhơn viên trong sở giáo huấn vì tận tụy với nghề nghiệp mà bị ho lao, ho tổn và thác yếu.

Mặc, mặc, mặc, vô hạng thần tiên từng thử
đắc,

Nhiều, nhiều, nhiều, thiên tai vạn họa nhất thời
tiêu.

Trong “Dưới Chơn Thầy” cũng dặn:

“Tri, Cảm, Nguyện, Mặc” mà đức tánh sau
“Mặc” là khó tập hơn hết. Khó chớ không phải
không tập được. Hễ cố gắng thì thành công.

NHỮNG GƯƠNG CẢN NGÔN

1.- CHUYỆN PHẬT DẠY RA HẦU LA

Ra hầu la tuy đã nhập môn song bởi còn nhỏ nên chưa được thuần tánh nết và không thật mẫn chơn lý. Phật mới sai Ra hầu la ở một cái tịnh xá, cách Phật xa lắm đặng Ra hầu la sửa tánh tình,

tư tưởng và lời nói. Một ngày kia Phật đến thăm Ra hầu la, Ra hầu la mừng lắm.

Phật bèn biểu Ra hầu la múc một chậu nước lại rửa chơn, Ra hầu la lật đật vâng lời. Rửa xong rồi Phật bèn hỏi Ra hầu la: "Này con, nước này bây giờ uống đặng chăng?"

Ra hầu la bèn thưa: "Bạch Phật, nước đó dơ, uống không được."

Phật mới nói: "Vậy thì con hãy suy nghĩ tánh hạnh của con. Con là cháu nội của một vị hoàng đế, con đã phát nguyện tu hành, nhưng mà con chưa trừ được tật xấu nói dối thì con làm cho cái trí của con trở nên xấu xa".

Khi đổ hết nước rồi, Phật hỏi nữa: "Cái chậu này để đựng nước uống đặng không?"

Ra hầu la bèn thưa: "Không được".

Phật mới nói: "Vậy thì con hãy suy xét lại cách ăn thói ở của con. Mặc áo Cà sa mà trong lòng như bọn như cái chậu này thì con có thể nào suy nghĩ đến chuyện thanh cao cho được".

Nói rồi Phật cầm cái chậu đỡ lên cao, xây qua, xây lại rồi hỏi: “Con sợ nó rớt bể chẳng?”

Ra hầu la đáp rằng: “Thưa không. Nó rẻ tiền dầu có bể cũng không tổn bao nhiêu”. Phật nói: “Vậy thì con xét lại phần của con. Con mắc vào vòng luân hồi vô cùng vô tận, cái xác của con và vạn vật trên cõi trần đều làm bằng một chất, chẳng chầy thì kíp cả thầy đều tan ra tro bụi, vậy thì thân con dầu có chết mất, con cũng đừng thèm tiếc”.

Ra hầu la nghe vậy lấy làm hổ thẹn mà Phật còn nói tiếp: Vậy thì con hãy nghe một chuyện này nữa: “Ông vua kia có một con voi mười phần mạnh mẽ, một mình nó cự nổi một trăm con voi khác. Khi ra trận giặc thì người ta cột theo cặp ngà hai cây gươm báu, hai bên vai nó thì mang hai cây đao, bốn cẳng thì có bốn cây thương; còn sau đuôi đeo một cây song sắt. Thằng nài voi thấy vậy rất khoái mắt, nhưng nó biết rằng nếu con voi bị một mũi tên nơi vòi thì nó ắt phải chết, nên nó tập con voi khi ra trận thì cuốn vòi giơ lên

cao. Mà có một lần kia đương lúc đánh giặc, con voi lại thò vòi giựt một cây gươm.

Thằng nài voi thất kinh về tâu với vua tự sự. Vua với thằng nài nhứt định không cho con voi ra trận nữa.

Ra hầu la ôi, nếu thiên hạ cẩn ngôn cẩn hạnh thì mọi việc đều được tốt lành. Vậy thì con bây giờ giữ gìn lời nói của con, như con voi nó giữ gìn cái vòi của nó không cho bị tên bắn vậy.

Người nào thật ái mộ chơn lý thì không hề làm những chuyện bất công và trọn đời cứ giữ gìn lòng chánh trực luôn luôn.

Ra hầu la nghe vậy trong lòng buồn bã nhưng từ đó về sau rán giữ gìn mình nên không có bị rầy rạt nữa.

CHUYỆN BẢY CÔ VỢ LỄ

Ông Phật Ấn là bạn thân của ông Tô đông Pha.

Khi trò chuyện hai ông thường đùa bỡn chớt nhả.

Đông Pha có bảy người thiếp.

Một hôm, Phật Ấn đùa bảo Đông Pha rằng: “Sao mà bác lấy nhiều thiếp thế? Bác có chịu bằng lòng tặng tôi cô thiếp thứ bảy không?”

Đông Pha cười nói: “Sao lại không được”.

Rồi Đông Pha về nhà đem chuyện nói với người thiếp.

Người thiếp thưa: “Đó là chuyện nói đùa nhau chớ gì”.

Đông Pha nói: “Ta đã hứa rằng cho, thì không nên sai lời. Bây giờ nàng cứ đi xem ra thế nào”.

Chập tối Đông Pha cho xe người thiếp đến.

Phật Ấn đón người thiếp cho vào nằm trong buồng rồi bỏ màn xuống. Trước buồng đã đặt sẵn bảy cái hỏa lò, cái nào cũng đầy than đỏ rực. Ông bước qua từng cái một, bước qua hết một lượt rồi lại bước lại, cứ thế suốt đêm. Đến sáng ông cho xe người thiếp về trả.

Người thiếp về kể lại đầu đuôi câu chuyện, Đông Pha chợt nghĩ ra nói rằng:

“Bảy cái hỏa lò lửa là chỉ vào bảy người

thiếp của ta, giống như bầy cái hang lửa. Ông làm ra như thế, là cố ý bảo ông đã vượt ra ngoài sắc dục, còn ta thì lại sa ngã đắm đuối vào đấy. Ông này có ý muốn làm cho ta tỉnh ngộ chăng”.

DỤC HẢI TỬ HÀNG

LỜI BÀN: Đông Pha là một bậc tài học phong lưu, Phật Ấn là một nhà tu hành đắc Đạo. Người phong lưu thì chỉ cốt đời cho sướng là thỏa lòng, nhà tu hành lại chỉ trí cho cao là mãn nguyện. Cứ thường tình mà nói, thì ai là người chẳng thích phong lưu. Nhưng có biết đâu, phong lưu lắm thì thị dục nhiều, mà bao nhiêu thị dục thường hại người ta hết cả. Xưa nay ai kể cho xiết được những kẻ vì thị dục mà mất hết cả tính thiêng liêng mầu nhiệm, mà hỏng hết cả phẩm giá, thanh danh. Trong các món thị dục, thì sắc dục như có phần tệ nhất. Dâm là cái tội ở đâu cả muôn tội, cái bã hồng nhan đã làm cho bao nhiêu người tài hoa phải khốn đốn.

Phật Ấn đây thật có ý thương, có lòng yêu Đông Pha lắm. Chơi với anh em mà bày trò ra như thế để khuyên anh em, cũng là một cách thuyết pháp bằng việc làm mà cảm được người ta sâu xa vậy.

CỔ HỌC TINH HOA

H Ề T

[mục lục đầu sách cuối sách chương 1 chương](#)

[2 chương 3](#)

[1] Các nhà bác học mới biết phân tích Nguyên tử ra: âm điện tử (électron) dương điện tử (proton) và trung hòa tử (neutron). Đi sâu nữa thì thấy những phần tử khác không biết tới đâu mới dứt.

Nhưng chưa có thể tổng hợp những phần tử đó lại đặng làm một nguyên tử linh động, như nguyên tử trời sanh.

[2] Hiện giờ người ở Hỏa tinh (Mars) không hề mắc một chứng bệnh nào cả. Từ lúc mới sanh cho đến ngày từ trần họ không biết nhức đầu nóng lạnh là sao? Họ lớn tuổi rồi cũng không hề có trạng thái già nua, tóc bạc răng long như chúng ta. Họ bỏ xác một cách êm ái.

Về phương diện này chúng ta còn thua họ xa lắm.

[3] Con người phải học hỏi và kinh nghiệm những Luật Trời chẳng những ở tại quả Địa cầu này mà còn ở những cõi khác và mấy Hành tinh khác

như Hỏa tinh (Mars), Thủy tinh (Mercure) v.v. . . thuộc về dãy Trái đất tới khi làm một vị Chơn Tiên trọn sáng trọn lành mới thoát đọa Luân Hồi.

Về hai điểm này (1) và (2) xin xem quyển “Thông Thiên Học dẫn giải Vũ trụ và Nhơn sanh” và luôn quyển “Đời sống Huyền bí của Thái dương hệ”.

Quý bạn sẽ thấy những lời giải đáp mấy câu hỏi sau này: “Con người là ai? Tại sao sanh ra cõi Trần này? và con người phải lo làm những điều gì đặng tiến cho mau tới mục đích đã định sẵn cho mình v.v. . .

[4] Ta hãy thí nghiệm như vậy: Một cái ve đựng cát tới miệng, ta yên chỉ cái ve đã đầy. Nhưng sự thật không phải thế. Ta đổ nước vô ve, nước sẽ chảy nằm theo những lỗ trống ở chính giữa những hột cát. Trong ve có hai chất: chất đặc và chất lỏng ở một chỗ với nhau rồi. Nhưng ta có thể cho một chất khí vào trong nước nữa, như thế ta thấy rõ ba chất có thể ở chung một chỗ được. Lấy đây suy ra thì thấy bảy cõi trời ở chung một chỗ không phải là một việc lạ lùng.

[5] Cái phách chịu ảnh hưởng sự nóng, sự lạnh, thuốc mê và các thứ hơi độc. Khi con người hít thuốc mê, cái phách xuất ra ngoài, sanh lực không vô mình đầy đủ như trước nên con người mê man. Chừng đã thuốc rồi, cái phách trở vô mình, con người tỉnh lại.

[6] Còn một tiếng nói khác nữa quở ta, rầy ta khi ta phạm tội lỗi, tiếng nói này người ta gọi là tiếng nói của lương tâm.

Bây giờ chúng ta mới thấy trong mình chúng ta có nhiều “Người” lắm, tức là nhiều bản ngã, vậy ta phải phân biệt chúng là ai?

[7] Ấy là thành cổ của xứ Palestine thuở xưa trên bờ biển Tử Hải (Mer morte).

[8] Nếu chưa tập Hườn hư được thì sau khi làm việc mệt mỏi rồi, trong lúc nghỉ ngơi, nên nhớ đến một đấng Cao Cả như Đức Phật, Đức Bồ Tát, một vị Chơn sư chẳng hạn, hoặc một câu thần chú, một câu chơn ngôn hay là một đức tánh nào đó, tùy ý; bởi vì trong lúc cái Trí ở không, tư tưởng xấu dễ xâm nhập lắm.

[9] Kinh đô xứ Hi Lạp.

[10] Ta phải biết ta là Chơn Thần, quyền năng ta cũng như quyền năng của Đức Thượng Đế. Ý chí ta cứng cõi và mọi việc ta làm đã thuận theo lòng Trời thì ắt sẽ thành công chẳng sớm thì muộn. *Xin xem đức tánh thứ 11 “TỰ TÍN”*.

[11] Dhirgayou (Điệc Ga Du) – Sangha (Tăng già) – Kosala (Cô sa la) – Dhirgheti (Điệc Gơ Ti) – Brahmadata (Bra ma đạt ta) – Bénarès (Bê na rết) – Devadata (Đê hoa đạt ta) – Adjatacatra (Ăc gia ta sa tra) – Picdu Vautour (Đồ quật).

[12] Ajatacatrou con vua Bim bà sa ra (Bimbasara) sau y cầm ngục vua cha.

[13] Pic du Vautour

[14] Theo Kinh sách.

[15] Xin nhớ; đời xưa người ta cho rằng thú vật biết nói tiếng người.

[16] Hạng người tu hành ly gia cắt ái ở Ấn Độ.

[17] Theo tục lệ bên Tiên Trước, người đạo sĩ coi những người đàn bà như mẹ mình.

[18] Hạng Uy da đa (Vyādha) là một hạng người thấp hèn trong xứ Ấn Độ, Uy da đa đều là người săn bắn và làm thịt.

[19] Xin xem cuốn *Nhân Quả* đoạn *Những Tiên Thiên ký ảnh..*

[20] Ánh Sáng Trên Đường Đạo Giảng lý, Qui tắc 2-4 của ông Leadbeater, trang 85.

[21] Không ai bắt buộc ta phải ở chung chạ với họ hay gần gũi với họ mãi.
Qui tắc 5-8

[22] Có một điều lạ là trong sách *L'évangile du Bouddha par Carus*, trang 223 để *les boeufs de cinq cents chariots* chứ không phải là lạc đà (*chameaux*).

[23] Đạo toàn: tên một cái suối ở huyện Tứ thủy, tỉnh Sơn đông. Đạo toàn nghĩa đen là cái suối ăn trộm.

[24] Ta lai: thường rằng cùng khổ đói khát mà gọi lại cho ăn và có ý khinh
bĩ, đúng với ngôn ngữ.

**HOME SÁCH TIỂU SỬ BẢN TIN HÌNH
ẢNH THIÊN BÀI VỞ THƠ GIFTS TẾT
2006 BOOKS MAGAZINES**
